

TOAN ANH

# CẦM CA VIỆT NAM



XUÂN THU

## **CÂM CA VIỆT NAM (1969)**

Tác giả: Toan Ánh

Thể loại: Văn hóa, Âm nhạc

Nhà xuất bản: Xuân Thu

Tạo ebook: Thế Ninh

Hoàn thành: tuần 17 năm 2018

**Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)**

# Tựa

Tôi mừng rằng công trình sưu tầm biên khảo về Nếp cũ của ông Toan Ánh càng ngày càng được quốc dân hoan nghênh. Non ba chục năm trước, đọc những bài chép các tục lạ ở thôn quê Bắc Việt và đăng rải rác trên các báo Tri Tân, Trung Bắc Chủ Nhật, Tao Đàn tôi đã để ý đến ông liền: khu vực đó ít người khai thác mà những chuyện ông kể đều hấp dẫn, dồi dào về chi tiết. Kế đó là chiến tranh Pháp Việt. Bẵng đi một thời gian, sau Hiệp định Genève một ít lâu, tôi lại thấy ông xuất hiện trên văn đàn với những tác phẩm: Bó hoa Bắc Việt, Trong lũy tre xanh. Và trong mấy năm nay, không năm nào ông không cho ra vài ba cuốn, có cuốn dày 400-500 trang khổ lớn: Tín ngưỡng Việt Nam, Người Việt... Đất Việt, Làng xóm Việt Nam, Miền Bắc khai nguyên... Ông đã sớm định một chí hướng từ khi mới ra làm việc, lựa một con đường ít người đi mà cũng là con đường đẹp nhất, thích thú nhất: đi sâu vào lòng dân tộc, tìm hiểu nếp sống của tổ tiên; và luôn mấy chục năm, tập trung mọi hoạt động vào đó, sưu tầm trong các sách báo cũ và mới, đi tới từng miền để điều tra, ghi chép, lợi dụng mọi hoàn cảnh để đạt mục đích (cuộc di cư 1954 đối với ông chính là một điều may vì nhờ nó mà ông đã nghiên cứu được tại chỗ phong tục miền Trung và miền Nam) nên tài liệu của ông mỗi ngày một nhiều, sự sáng tác của ông mỗi ngày một phong phú. Nghe nói ông dự tính soạn thêm năm sáu cuốn nữa, mỗi cuốn bốn năm trăm trang. Và công của ông đến nay đã được quốc dân đền đáp. Đó là điều đáng mừng, không phải mừng cho ông mà cho tiền đồ của văn hóa nước nhà.

Sau Hiệp định Genève, khi ảnh hưởng của Mỹ bắt đầu lan tràn vào Việt Nam, trong khoảng mười năm đầu một số người hăng hái tiếp thu văn hóa Mỹ vì nó lạ đối với chúng ta, một số khác nhiệt liệt giới thiệu những trào lưu tư tưởng mới của Pháp. Dĩ nhiên công việc đó nên làm, nhưng chúng ta đã say với cái mới, cái lạ, của người mà cơ hồ quên đi cái đẹp, cái cũ của mình. Vài năm nay, có một trào lưu ngược lại: chúng ta đã thấy mặt trái của phương Tây: có một lực lượng phi thường chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại mà họ không ổn định nội chính xã hội của họ, lại chỉ gây thêm vô số xáo trộn trên thế giới, ở Đông Á, Tây Á, Phi Châu, Nam Mỹ. Nên một số học giả phương Tây đương muốn tìm hiểu sâu hơn văn minh của phương Đông; ở nước ta thì một số nhà văn đã trở lại nghiên cứu Văn hóa cổ truyền của mình: triết lý cổ, tuồng cổ, văn thơ cổ, nếp sống cổ... Chúng ta chưa biết công trình của các nhà đó có dẫn tới một đường lối nào dung hòa mới với cũ không, tạo nên một nhân sinh quan mới, một nếp sống mới nào không, nhưng nội một điều quốc dân, nhất là thanh niên, đã hoan nghênh công việc của họ, cũng đủ cho ta mừng rồi: có tìm hiểu kỹ dĩ vãng của mình thì mới

quí nó được, có quí nó thì mới tìm được hướng đi cho tương lai; không một dân tộc nào đoạn tuyệt hẳn với dĩ vãng mà cường thịnh được. Lịch sử là một sự liên tục: tương lai ở trong hiện tại, mà hiện tại ở trong dĩ vãng. Tôi mong mà cũng tin rằng "sự suy đồi của văn hóa vì đụng chạm với những sản phẩm ngoại lai lúc này" - lời của ông Toan Ánh - chỉ là một thứ lờ lói ngoài da phát sinh trong các thành thị, còn đại đa số dân chúng ở thôn quê, ở các quận, các tỉnh nhỏ vẫn còn giữ được nếp sống cũ. Tôi có thể dẫn chứng được vì đã mục kích nhiều gương hi sinh nhẫn nại tiết tháo.

Trước sự xâm nhập ồn ào, "man rợ" của các loại nhạc Jazz, Twist, Be-bop mấy năm gần đây, ông Toan Ánh âm thầm thu thập tài liệu về Cầm ca Việt Nam để chúng ta thấy tính cách nghiêm trang mà hòa nhã, vui mà không loạn của ca nhạc cổ, nhất là cái tinh thần "cộng lạc" giữa giai cấp sĩ phu và bình dân thời xưa ra sao. Tôi yêu quí các cụ Nguyễn Du và Phan Bội Châu quá khi các cụ đêm đêm đi hát dặm với các cô thôn nữ, và tôi thích cái tục hát quan họ ở Bắc Ninh làm sao? Thời đó trí thức và bình dân đâu có cách biệt như ngày nay, mà không có cách biệt thì làm gì có đấu tranh giai cấp.

Tác giả không thể đi sâu vào chi tiết được - như vậy thì biết mấy ngàn trang cho đủ? Nhưng ông đã ghi hết được những đại cương về cầm ca của ta từ thời cổ cho tới đầu thế chiến vừa rồi: nhắc qua "nhạc lý": lục ky, thất bát đàn; tả mấy chục thứ nhạc khí và không biết bao nhiêu giọng ca hát trí thức và bình dân: hát đờ đũa, hát chẵn trâu, hát ru em, hát ví, hát quan họ, hát dặm, hát trống quân, hát phường, hò, vè, hát xẩm, hát ả đào, ca Huế, hát thờ, hát tuồng, hát chèo, vãn vãn, cả ca cải lương nữa, chấm dứt là những bài hát đầu tiên chịu ảnh hưởng của Tây phương.

Đọc tác phẩm của ông tôi băng khuâng nhớ lại một lúc vui thanh thoát trong đời tôi mà nhờ dân ca tôi đã được hưởng. Cách đây non bốn mươi năm, cũng vào một đêm Trung thu như đêm nay, nhưng ở làng Thịnh Hào cách Hà Nội dăm sáu cây số. Anh em chúng tôi ba bốn người đương chuyện trò trong một khu vườn bỗng có tiếng hát văng vẳng đưa lại, và chẳng ai bảo ai, mọi người đều im bật. Tiếng hợp ca mỗi lúc gần và chúng tôi nghe rõ là điệu Ru hời:

*Tay tiên là tay chuốc chén ời ới đào là rượu đào,  
Đồ đi là đi thời tiếc, ời ới vào, uống vào, uống vào thời say.  
Ru là ru ru hời, ời ới hời là ru hời...*

Giọng ca tới những tiếng chén, tiếc, bay vút lên không, rồi chìm hẳn ở những tiếng (rượu) đào, (uống) vào; sau cùng tan lẫn trong cảnh bao la của đồng ruộng. Đúng lúc đó nhìn qua bờ ao, chúng tôi thấy một đoàn thợ gặt, cả trai

và gái khoảng mười mấy người đi hàng hai dưới ánh trăng vàng vạc trên con đê (tức đường Quân ngựa). Tiếng hát ngừng một chút rồi lại cất lên, tôi nhòm nhòm muốn chạy theo họ, nhưng rồi lại ngồi xuống, vì băng qua được cách đồng chiêm tới chân đê thì họ đã đi xa mất rồi. Tôi lắng tai nghe tới khi dư âm tắt hẳn, mà tiếc ngơ tiếc ngẩn! Suốt đời tôi, chưa có lần nào giọng ca làm cho mê như lần đó: nó du dương, uyển chuyển, bát ngát, tôi biết dùng tiếng gì để tả bây giờ? Ca nhạc Tây phương không sao gọi cho tôi được cảm xúc thân tiên đó. Ca nhạc của mình quả thật không phong phú, nhiều sắc thái bằng phương Tây nhưng có những nét riêng, cái thần riêng thấm thiết với ta, như là tiếng gọi của tổ tiên, của dân tộc. Ông Toan Ánh đã có công gọi cho ta nhớ lại, nhớ cái hồn của đất nước đó trong cuốn *Cầm ca Việt Nam* này. Chỉ là một "nhất lãm" nhưng rất đủ để hướng dẫn những người muốn đi sâu vào chi tiết.

Một điểm đáng chú nữa là ông đã khéo lựa những câu hát để chúng ta thấy tinh thần khả ái của thôn nữ Việt Nam.

Họ sống thật cực khổ:

*Một ngày hai bận trèo non,  
Lấy gì mà đẹp mà dòn hỡi anh!*

mà họ rất chung tình:

*Ra về chỉ một ngóng theo,  
Ngóng rùng rùng rậm, ngóng đèo đèo cao.*

và rất hiếu thảo với cha mẹ, tận tụy với chồng con:

*Bố kính thờ mẹ thờ cha,  
Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.*

Một số thiếu nữ ngày nay, hạng bạn mini-jupe, hút Salem, uống huyết-ky, đọc những câu đó tất bĩu môi, cho là cổ hủ; nhưng dân tộc ta - mà dân tộc nào cũng vậy - sở dĩ vượt qua được những cơn hỗn loạn, khủng hoảng mà lại hiên ngang ngừng đầu lên được, chính là nhờ những người vợ, người mẹ cổ hủ như các bà mẹ Sào Nam, Tú Xương, Nguyễn Quang Diêu...

Sàigòn, Trung Thu Kỷ Dậu

NGUYỄN HIẾN LÊ



# Thú vui tao nhã

Người ngoại quốc sống trên đất Việt, tìm hiểu nếp sống của người Việt Nam, đều công nhận Việt Nam là một dân tộc chịu khó, không ngã lòng trước mọi khó khăn, đã chiến thắng được tất cả mọi trở ngại vật chất và tinh thần trong chịu đựng, trong gian lao. Lịch sử Việt Nam trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong, người Việt Nam như cây tre, gặp gió mạnh thì ngã xuống, qua cơn gió lại vươn mình lên. Trong cuộc sống hằng ngày, họ không nề hà vất vả, làm lụng sáng chiều, đầu tắt mặt tối, vất lộn với sự sống. Sống trên một dải đất khi nắng thì như thiêu đốt, khi lạnh thì như cắt da cắt thịt, đất đai thì núi rừng trùng điệp và đồng lầy mênh mông, nếu tổ tiên chúng ta không kiên nhẫn phấn đấu, không bền gan chịu đựng, làm sao ngày nay chúng ta có một giang sơn gấm vóc. Chúng ta đã chống lại được sự thôn tính của người Trung Hoa về phương Bắc, chúng ta lại mở mang được bờ cõi về phương Nam, và gần đây, chúng ta lại tự giải thoát được ách nô lệ của người Pháp, mặc dầu kẻ địch của chúng ta có đủ khí giới tối tân, đối lại chúng ta chỉ có sự đoàn kết dân tộc với lòng bền bỉ kiên cường.

Ở hoàn cảnh rất khó khăn, về địa lý cũng như về chính trị, dân tộc Việt Nam đã phải làm lụng nhiều hơn tiêu khiển, đã phải đương đầu chiến đấu nhiều hơn hưởng thụ, gia dĩ, từ ngày lập quốc tới nay, hết kẻ thù gần tới kẻ thù xa, họ luôn luôn muốn thôn tính đất nước chúng ta, cho tới ngày nay tham vọng ngoại trên-đất nước vẫn chưa hết, họ muốn sang đoạt hết quyền sống, trách chi chúng ta không cực nhọc trong sinh hoạt!

Nói như vậy không phải là người Việt Nam không có những thú chơi giải trí. Có lắm chứ, tuy vất vả, tuy bận rộn, nhưng sau những giờ làm lụng, sau những cuộc phấn đấu, chúng ta vẫn có nghỉ ngơi và chơi bời, có như vậy chúng ta mới có dịp tự thưởng công cho mình.

Chúng ta giải trí với những thú vui riêng của dân tộc, và những thú vui này là những trò tiêu khiển của mọi tầng lớp, thay đổi tùy theo từng hạng người và cũng có khi từng địa phương.

Và ngay trong các lối chơi tiêu khiển cũng có năm bảy đường "*có cách chơi nhã, có cách chơi tục, có cách chơi thanh, có cách chơi thô, có cách chơi nghĩa lý văn chương, có cách chơi bá láp vô vị, có cách chơi đủ dinh dưỡng tinh tình, có cách chơi làm hư bại nhân cách*"[\(1\)](#)

Thói thường có làm thì phải có chơi, và chơi bời cũng không phải là có hại,

"*có lao lực phải có tiêu khiển*"(1) điều cần thiết là phải chọn lối chơi mà vui, vì trong cách chơi hay hoặc dở, nhã hoặc tục, thanh hoặc thô thường do lối mà cũng do cả người chơi nữa. "*Người chơi phong nhã cao thượng thì cách chơi cũng cao thượng phong nhã; người chơi nhả nhót tục tằn thì cách chơi cũng tục tằn nhả nhót*"(1). Người biết chơi thường tìm những thú chơi hợp với mình. Có những thú chơi âm ỉ ồn ào, có những thú chơi yên tĩnh trầm lặng, có thú chơi cần tới sức vóc, có thú chơi cần sự suy nghĩ, lại có thú chơi cần cả trí lẫn lực. Có thú chơi, người chơi chỉ một mình cũng thấy thú, lại có những thú chơi phải có đồng bạn mới hào hứng; có thú chơi không cần sự ganh đua, có thú chơi phải ganh đua mới thỏa thích.

Thú chơi thay đổi tùy người, thay đổi tùy địa phương, nhưng cũng lại thay đổi tùy thời đại. Tôi không nói tới những thú chơi mới ngày nay do ảnh hưởng của Tây phương mà có, tôi chỉ hạn chế trong những thú cổ xưa của người mình, và tôi cũng không đề cập tới những thú chơi ồn ào rầm rĩ, những thú chơi mạnh mẽ cần tới sức vóc, chỉ muốn nhắc tới những *Thú vui tao nhã* của người xưa.

Những thú tao nhã này, trước hết phải kể tứ thú phong lưu là *cầm, kỳ, thi, họa*, rồi đến những thú tiêu khiển khác như *ca hát, chơi cây cảnh, uống trà, chơi chim, chơi hòn non bộ, chơi diều v.v...*

"*Xét trong cách chơi bồi, cách nào cũng có một cái thú tiêu nhàn, cũng di dưỡng được tính tình, cũng khoan khoái được thần trí*"(2).

Những thú chơi tao nhã của tổ tiên chúng tôi trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong của đất nước, ngày nay nhiều thú vẫn còn tồn tại và đương thời cũng có nhiều người thích thú. Còn hay mất, những thú chơi này đã từng làm cho ông cha chúng ta say mê, chúng ta phải tìm hiểu, tìm hiểu để thưởng thức cũng như để so sánh với một vài thú chơi ngày nay.

Nếu chúng ta được nghe những cụ già đứng trước những cây tùng của hòn non bộ thân bằng cổ tay lá bằng mũi kim vào giữa mùa nóng rực mà nói rằng thấy mát cả người như đã bước chân vào rừng tùng; nếu chúng ta được thấy một người đứng tuổi vào bực đàn anh trong làng cặm cụi ngồi vót từng cái khung diều, uốn đôi cánh diều quên cả ăn, quên cả mệt; nếu chúng ta được nhìn một cụ già khác cặm cụi với nghiên mực, với ngọn bút nho để vẽ một bức tranh thủy mặc, chú ý tới nét vẽ của mình như quên hẳn cuộc đời bên ngoài; nếu chúng ta lại chứng kiến các cụ pha một ấm chè tàu buổi sáng, được tự tay đun lấy bình nước, tự tay tráng chiếc ấm và những chiếc chén, từ chén tổng tới chén quân; và nếu... còn nhiều nữa, chúng ta sẽ cảm thấy cái



thanh thú của những thú chơi lịch sự thanh tao của người mình và chừng đó chúng ta ắt phải say những cái say mê của tổ tiên.

Viết về những thú vui tao nhã trong nếp sống cũ của dân tộc, tôi tự biết rằng sẽ không làm thỏa mãn được nhiều độc giả vì sự hiểu biết quá nông cạn của tôi, vì tôi chỉ nhắc lại một cách quá giản lược, chính tôi không phải là một tài tử trong một thú chơi, không lột hết được những điều phải trình bày, nhưng tôi vẫn viết, viết để ghi lại một vài cái gì của ông cha để hoặc có người lưu ý tới sẽ đào sâu bới kỹ hơn, trình bày rõ ràng và đầy đủ với một sự tham bác rộng rãi hơn.

Trước khi đề cập tới những thú vui tao nhã khác, trong tập sách nhỏ này, trước hết tôi xin trình bày về hai thú Cầm, Ca.

Tôi sẽ rất thỏa mãn nếu những trang sách nhỏ này có người đọc tới và sẽ chỉ bảo cho những điều thiếu sót để bổ khuyết về sau.

*Tháng giêng năm Kỷ Dậu - 1969*

# Chú thích

## Lời tựa

## Thú vui tao nhã

### I/ Cầm

Bát âm

Lục kỵ

Thất bát đàn

Sự tích Bá Nha, Tử Kỳ

Bát tuyệt

### II/ Nhạc khí

Các loại đàn

Các loại sáo

Kèn

Sinh tiền

Phách

Bát

Trống

Một số loại khác

### III/ Nhạc ở Việt Nam

III.1/ Nhạc lễ

III.2/ Nhạc tiêu khiển

III.2.a/ Nhạc cung Bắc

III.2.b/ Nhạc cung Nam

### IV/ Ca hát

IV.1/ Các giọng ca hát bình dân

IV.2/ Nội dung câu hát

IV.3/ Những câu hát trong khi làm việc

IV.3.a/ Hát dò đưa

IV.3.b/ Hò kéo gỗ

IV.3.c/ Hò tát nước

IV.3.d/ Hát ru em

IV.3.e/ Hát chẵn trâu

IV.4/ Những giọng hát trao tình

IV.4.a/ Hát ví

- Hát ví Nghệ, Tĩnh

IV.4.b/ Hát quan họ

- Năm giọng trên

- Nguồn gốc của tục hát quan họ
- Mùa quan họ
- Tại sao lại gọi hát quan họ
- Một bọn quan họ
- Mời hát ở hội
- Hát ở hội
- Mời bạn hát tới nhà hát trắng đêm
- Hát giải
- Kết bạn

#### IV.4.c/ Hát trống quân

- Những lối hát trống quân
- Hát vện
- Hát đố
- Nguồn gốc tục hát trống quân
- Hát cò lả

#### IV.5/ Hát các phường

IV.5.a/ Hát phường cửi

IV.5.b/ Hát phường cấy

IV.5.c/ Hát phường vải

IV.5.d/ Hát phường buôn

#### IV.6/ Hát giặm

IV.6.a/ Hát giặm ứng khẩu

IV.6.b/ Hát giặm thời sự

IV.6.c/ Hát giặm về

IV.7/ Hò Huế

IV.7.a/ Hò mái đẫy

IV.7.b/ Hò mái nhì

IV.7.c/ Hò giã gạo

IV.8/ Ca Huế

Cổ bản

Kim tiền

Lưu thủy

Hành vân

Nam ai

Nam thương

Nam bình

Tứ đại cảnh

Bình bán

Tầu mã

Nam xuân

Phú lục

IV.9/ Hò miền Nam

IV.9.a/ Hò cấy

IV.9.b/ Hò chèo thuyền

#### IV.10/ Hát vè

IV.10.a/ Vè trái cây

IV.10.b/ Vè các loại cá

IV.10.c/ Vè các loại bánh

IV.10.d/ Vè dạy trẻ

#### IV.11/ Hát tôn giáo

IV.11.a/ Hát châu vãn

IV.11.b/ Hát sai bảo, lệnh, truyền

IV.11.c/ Những câu hát thờ

IV.11.d/ Các giọng hát tôn giáo khác

#### IV.12/ Những giọng hát về nghề nghiệp

IV.12.a/ Hát xẩm

IV.12.b/ Hát tuồng

IV.12.c/ Hát chèo

IV.12.d/ Hát cải lương

IV.12.e/ Ca vọng cổ

#### IV.13/ Những lối ca hát trí thức

IV.13.a/ Ngâm thơ

IV.13.b/ Ca trù

- Bắc phản

- Hát mưỡu

- Hát nói

- Hát gửi thư

IV.14/ Hát trẻ em

IV.14.a/ Chi chi chành chành

IV.14.b/ Thả đĩa ba ba

IV.15/ Hát Tân nhạc

Thời kỳ sáng tác

IV.16/ Kết luận

#### V/ Đọc thêm

V.1/ Âm nhạc xứ Thượng

V.2/ Tục hát trống quân giữa giai Xuân Cầu, gái Khúc Lộng

V.3/ Hát phường vải

#### Chú thích

# Cầm

Trong những thú vui tao nhã của ta, người xưa xếp tứ thú phong lưu lên đầu, mà đứng đầu tứ thú này là *cầm*, nghĩa là chơi đàn.

*Gảy đàn (cầm) là một lối chơi thanh nhã, hoặc gảy một mình, hoặc hợp tấu với bạn bè*[\(3\)](#)

*Cầm* tuy nói là đàn, nhưng ta phải hiểu đây là nhạc, vì ngoài đàn ra, trong thú tiêu khiển này người xưa còn thổi sáo, kéo nhị, đánh trống, chơi sinh tiền v.v...

Những lúc thư nhàn, những khi đêm khuya thanh vắng với một nỗi tâm tư vui buồn riêng, dạo một khúc đàn, thổi một bản sáo để tự tỏ nỗi vui hoặc giải nỗi buồn, quả thật là thú vị. Sự trầm lặng yên tĩnh càng tăng vẻ tao nhã của thú chơi. Tiếng đàn thánh tha thánh thót như những cung bậc của niềm vui, mà cũng có thể như những tiếng nói để thổ lộ nỗi buồn u uất.

Đàn tuy là một thú tiêu khiển, nhưng trong đạo trị dân của người xưa, đàn, hay đúng hơn, nhạc cũng là một trong những điều quan trọng, vì điệu đàn là tự lòng người mà hiện ra. Qua điệu đàn của một địa phương, có thể biết được phong hóa thịnh suy, chính trị mờ tỏ.

Sách Lễ ký có nói rằng: *Nhạc giả thông luân lý giả dã*, nghĩa là nhạc thông với luân lý. Tiếng nhạc thanh tao êm ái có thể biến thành kêu gọi dân dăng. Người xưa chơi đàn gìn giữ *chánh thanh*, cố giữ điệu đàn không có âm thanh biến thể để chánh thanh hóa dân thanh.

Đàn tuy tao nhã, nhưng chỉ tao nhã với khách phong lưu; với những con người đạo đức kém, người xưa cho là *gia hữu cầm, nữ tử dâm*.

Đàn hay dở lợi hại là do người, người học đàn phải biết tự điều khiển mình, tiếng đàn mới hữu ích và không di hại.

Người xưa thường dùng đàn để chính tâm dưỡng tính, để khuyến thiện, răn ác với mục đích sửa cho ngay lòng người. Vua Thuấn xưa gảy đàn năm dây, ca bài Nam Phong đem lại sự đại trị lại cho thiên hạ, đức Khổng Tử khi ở nước Tề, nghe nhạc Thiệu mà quên ăn.

Tại nước ta, đàn nhạc đã có từ lâu và vua Lê Thánh Tông đã quy luật âm nhạc



bằng cách đặt ra bộ *Đông Vãn* và bộ *Nhã Nhạc* để hòa nhạc và xướng hát.

Trong các cuộc tế lễ từ Triều đình đến dân gian, bao giờ đàn nhạc cũng điều hòa nghi lễ.

Đàn đã ăn sâu vào phong tục của ta, đàn đã là một thú tiêu khiển thanh tao, và đàn cũng đã gắn liền với một phần đời sống của nhiều người, từ nơi dân giả tới hàng quý tộc.

## Bát âm

Đàn hay dở do âm thanh, khéo điều hòa âm thanh thì tiếng đàn thánh thót thanh cao êm ái, điều hòa vụng, âm thanh rối loạn và và như vậy tiếng đàn cũng biến theo.

Để phát ra âm thanh, ta dùng tám thứ tiếng phát ra bởi tám vật liệu khác nhau, gọi là bát âm, do đó các phường nhạc của ta xưa còn được gọi là *phường bát âm*.

Bát âm gồm:

*Kim*: tiếng loại kim khí, thường là tiếng đồng như tiếng chuông, tiếng bặt (loại chuông nhỏ), tiếng chiêng, tiếng nao (loại chiêng nhỏ), tiếng nạo bặt, tiếng sinh tiền v.v...

*Thạch*: tiếng đá, thường là tiếng khánh.

*Thổ*: tiếng đất sét nung, thường là tiếng huân, một thứ nhạc dùng để thổi, tiếng còi và có khi tiếng bặt

*Ti*: tiếng phát ra do dây tơ, thường là tiếng các thứ đàn: cầm, sắt, tỳ bà, tranh, nguyệt, v.v...

*Trúc*: tiếng các loại tre, thường là tiếng các loại sáo, loại tiêu v.v...

*Bào*: tiếng trái bầu, trái bí, thường là tiếng kèn. Cổ nhân thường dùng các trái bầu bí làm kèn.

*Cách*: tiếng da thuộc căng thẳng, thường là tiếng trống.

*Mộc*: tiếng gõ, thường là tiếng mõ, tiếng phách.

Những nhạc khí chế tạo bởi các nguyên liệu trên phát ra mỗi loại một thứ tiếng khác nhau, nhiều âm thanh có thể đi đơn độc trong các bản độc tấu, nhưng thường trong một buổi hòa nhạc, phải có sự hòa hợp pha trộn giữa nhiều âm thanh của nhiều nhạc khí. Tiếng gọi là bát âm, nhưng trên thực tế rất ít khi phường bát âm dùng đủ các nhạc cụ với đủ tám âm thanh của tám nguyên liệu nói trên, nhất là tiếng gõ, thiết ít khi được dùng đến. Thường trong những buổi đàn hát, các âm thanh của ti, trúc, cách và kim được dùng đến nhiều, và những nhạc khí cũng được thay đổi tùy từng trường hợp, nhiều nhạc khí như kèn trống đám táng không đem dùng trong buổi tế lễ, mặc dầu các bản nhạc không giống nhau.

Trong trường hợp có một bản nhạc hòa nên bởi cả tám nhạc khí, bản nhạc gọi là *bát âm nhã nhạc*. Thường phường bát âm xưa chỉ chơi những điệu sẵn có, lưu thủy, ngũ đối, tứ đại, nam ai, nam bình, tẩu mã v.v... rất ít có bản mới.

## Lục ky

(Những điều ky)

Người xưa chơi nhạc có sáu điều ky gọi là *lục ky*, những điều ky này đều về thời tiết. Các nhạc cụ là những đồ lúc làm cần tỉ mỉ để giữ cho cung điệu được đúng, sai một chút là lạc âm thanh. Kỹ thuật chế tạo nhạc cụ của ta xưa dù sao cũng chưa hoàn toàn tinh vi, nhất là thân nhiều nhạc cụ đều bằng gỗ hoặc tre, rất dễ chịu ảnh hưởng của thời tiết.

Lục ky của ta là:

*Ky đại hàn* - Trời lạnh thường làm mọi vật se lại, co lại, và trong lúc đó khí trời cũng khô hanh. Gặp kỳ đại hàn, nước còn đông lại, đàn không thể hay được.

*Ky đại thử* - Trái với lạnh, gặp nóng vật gì cũng nở ra, lúc đàn nắn dây so phím không được như lúc tiết trời mát mẻ, âm áp.

*Ky đại phong* - Gió lớn làm rung bầu không khí, những âm thanh phát

ra cũng bị rung động theo, đàn trong cơn đại phong cũng không lộn hết được ý đàn.

*Kỵ đại vũ* - Mưa to, nước đổ như trút, tiếng nước đổ át tiếng đàn, đàn không hay. Đây là chưa nói, không khí có nước làm âm thanh có thể sai lạc và dây đàn cũng chịu ảnh hưởng sự ẩm thấp của khí trời.

*Kỵ sấm sét* - Khi sấm sét vang trời, đàn không hay, tiếng sấm sét át tiếng đàn.

*Kỵ đại tuyết* - Khi tuyết phủ đầy đường, đàn không hay. Nước ta không có tuyết, nếu có cũng rất hạn hữu và cũng chỉ có ở các tỉnh biên giới miền Bắc nơi có núi cao.

Sáu điều kỵ trên của các tài tử phương Đông thời xưa, các cụ ta vẫn hằng theo. Xét cho kỹ những điều kỵ đó cũng đúng, nhất là đối với các nhạc khí của người mình chế tạo, tuy có tinh vi nhưng cũng không hoàn toàn thoát khỏi được ảnh hưởng của thời tiết.

Ngày nay với những nhạc khí Tây phương của nền tân nhạc, chế tạo bởi những nguyên liệu chọn lọc qua một kỹ thuật tân kỳ, không hiểu lục kỵ trên có còn chẳng? Và các nhạc sĩ cổ điển ngày nay có còn giữ những điều kỵ của người xưa?

## Thất bất đàn

(Những trường hợp không đàn)

Gặp những khi thời tiết kỵ với tiếng đàn, người ta không đàn, nhưng ngoài những trường hợp đại kỵ nêu trên, cũng còn những trường hợp khác người tao nhã không đàn. Những trường hợp này có bảy và người xưa gọi là Thất bất đàn. Bảy trường hợp này hoặc nằm trong khuôn phép xử thế của người lịch sự thanh cao, người chơi đàn thường cố giữ gìn để tránh tiếng chê trách của bậc trí thức thượng lưu, hoặc vì tôn trọng ngón chơi, nâng cao nghệ thuật.

Thất bất đàn là:

- 1 - Tang tóc không đàn,
- 2 - Khi nhạc có chuông trống ồn ào không đàn,
- 3 - Khi tâm trạng bối rối không đàn,
- 4 - Khăn áo không chỉnh tề không đàn,
- 5 - Không xông trầm không đàn,
- 6 - Trong mình không sạch sẽ không đàn,
- 7 - Không gặp tri âm không đàn.

Qua bảy điều trên, người chơi đàn đã có lý do chính đáng để không đàn trong mỗi trường hợp.

Tang tóc không đàn vì sự buồn rầu; chơi đàn là để giải trí, giải trí trong lúc có tang không hợp với đạo đức của phương Đông. Các cụ còn nói *nghe tang không đàn*, tang đây có thể là tang của người khác, như được một tin buồn của người khác, người lịch sự không có quyền vui với đàn địch trong khi người khác đau xót.

Khi nhạc có chuông trống không đàn vì tiếng chuông tiếng trống sẽ át hẳn tiếng đàn, đàn dù có hay mấy cũng không ai biết thưởng thức và chính mình cũng không tự thưởng thức được tài nghệ của mình, lại khi tâm trạng rối bời, đàn làm sao mà hay được?

Khăn áo không tề chỉnh, trong người không sạch sẽ, không xông trầm không đàn chính vì lý do nâng cao nghệ thuật.

Không gặp tri âm cũng không đàn, vì đàn lên ai là người nghe, ai là người thấu được tâm trạng của mình qua tiếng đàn.

Nhân đây, tôi xin được phép nhắc lại sự tích Bá Nha, Tử Kỳ, mặc dầu tích này bạn đọc đều thừa biết, nhưng nhắc lại để chứng tỏ đàn mà có tri âm, người chơi đàn mới thật là mãn nguyện.

## **Sự tích Bá Nha, Tử Kỳ**

Bá Nha người nước Tống làm quan đến chức Thượng Đại Phu, chơi đàn rất giỏi, nhưng chưa gặp người hiểu đàn để thưởng thức ngón đàn tuyệt diệu của mình. Một ngày kia Ông đi Sứ nước Sở trở về, qua một quãng sông, gặp đêm trăng thanh, gió mát, lại thêm cảnh vật nên thơ, Ông cho ghé thuyền vào bờ sông Hàm Dương lấy đàn ra gảy. Lúc ấy ở bên bờ sông có Tử Kỳ vừa đốn củi về, nghe tiếng đàn dừng lại nghe trộm. Bá Nha đang gảy đàn, đàn bỗng đứt dây. Bá Nha đoán có người nghe trộm tiếng đàn của mình, và Ông nghĩ, quãng sông vắng vẻ, rừng núi chập chùng, kẻ nghe trộm đàn ắt không phải thiện nhân. Ông cho quân sĩ lên bờ tìm bắt. Tử Kỳ lên tiếng nói:

- Tôi là người đốn củi, qua đây, thấy đại nhân gảy khúc đàn hay nên lắng tai nghe, tôi thật không phải kẻ bất lương.

Bá Nha không tin một gã tiểu phu lại thưởng thức nổi tiếng đàn của mình, hỏi lại:

- Vừa rồi ta đàn bản gì?

Tử Kỳ đáp ngay:

- Ngài đàn bài Đức Khổng Tử thương tiếc thầy Nhan Hôi.

Thấy Tử Kỳ am hiểu tiếng đàn của mình, Bá Nha có lòng trọng, mời xuống thuyền, rồi lên dây gảy một bản đàn khác. Trong lúc đàn, Bá Nha nghĩ đến non cao, Tử Kỳ khen hay và nói:

- Tiếng đàn cao vút, chí của Ngài vọi vọi ở chốn non cao.

Bá Nha lại đàn một bản khác, tâm trí nghĩ đến giòng nước chảy, Tử Kỳ lại khen hay:

- Chí của Ngài cuộn cuộn như giòng nước chảy.

Thấy Tử Kỳ biết thưởng thức ngón đàn của mình, Bá Nha nhận thấy thiệt là tri âm và quý mến lắm. Hai người cùng nhau đàm đạo về đàn, về nhạc thân mật và tương đắc.

Bá Nha muốn mời Tử Kỳ cùng về Kinh đô nước Tống với mình để cùng chung hưởng sang giàu, nhưng Tử Kỳ từ chối vì còn cha mẹ già phải phụng dưỡng, không thể bỏ cha mẹ ra đi, trái đạo làm con.

Hai người hẹn nhau đến năm sau cùng hội ngộ ở nơi này.

Năm sau, y hẹn, Bá Nha xin phép vua Tống trở về thăm nhà, đi qua chỗ cũ, đem đàn ra gảy. Đàn gảy lên, Bá Nha không thấy Tử Kỳ, tiếng đàn lại nghe như sầu não oán than. Bá Nha nghi hoặc, tìm đến nhà Tử Kỳ, hỏi ra mới biết Tử Kỳ đã chết. Bá Nha buồn rầu thương tiếc, xin đến mã đề thăm người bạn tri âm lần chót.

Đến mộ Tử Kỳ, Bá Nha đem đàn ra gảy một bản đàn ai điều nghe bi thảm não nuột sau khi đã bày đồ lễ trước nơi an nghỉ cuối cùng của người tri kỷ. Bá Nha khóc than thảm thiết và khi đàn xong, Bá Nha đập vỡ đàn, thề trọn đời không đàn nữa, vì người duy nhất biết thưởng thức đàn của mình là Tử Kỳ đã chết.

Qua sự tích trên, phải nhận rằng, chơi đàn đã là một cái thú, gặp người biết thưởng thức ngón đàn của mình lại càng thú hơn.

## Bát tuyệt

Đàn hay, khách chơi đàn cần phải có tri âm và khi đã đạt tới mức của Bá Nha, ngón đàn thật là tuyệt diệu.

Theo người xưa, cái tuyệt trong đàn có tám điều gọi là *Bát tuyệt*, và tám điều này, đạt được thực ra rất hiếm người.

Bát tuyệt là:

*Thanh*: đàn hay, người chơi đàn khiến được tiếng đàn. Gặp cây đàn tiếng đục, lúc chơi tiếng cũng hóa trong.

*Kỳ*: đàn hay thật là huyền ảo, biến hóa vô cùng, trong đục rõ rệt và nghĩ tới đâu, tiếng đàn như theo tới đó, như khi Bá Nha đàn cho Tử Kỳ nghe, lúc lên non cao, lúc theo giòng nước.

*U*: Tâm hồn người chơi đàn nằm trong tiếng đàn nếu có chuyện gì u trầm, trong tiếng đàn có thể hiện ra. Sách xưa ghi lại truyện Đức Khổng Tử đánh đàn. Lúc Ngài đang đàn, có thầy Tăng Tử và thầy Tử Công đứng bên cửa nghe. Khi Ngài đàn xong, thầy Tăng Tử nói rằng: "Trong tiếng đàn dường như có tham ý, sao mà bất nhân thế!" Thầy Tử Công nhắc lại lời thầy Tăng Tử với Đức Khổng Tử. Ngài bảo

rằng:

- Sâm (tên húy của thầy Tăng Tử) thật là người hiền trong thiên hạ, đã quen thâm âm rồi. Khi ta đang đàn có một con chuột chạy ra, con mèo thấy, mắt lăm le, chân nhẹ nhẹ rình bắt con chuột, ta muốn cho bắt được, điều muốn của ta đã hiện trong tiếng đàn.

*Nhã*: tiếng đàn vui vẻ mà hòa nhã, không hấp tấp, lụp chụp.

*Bi*: trong tâm có điều gì bất như ý, tiếng đàn nghe sâu não ai oán.

*Tráng*: gặp việc đặc ý, tiếng đàn nghe mạnh mẽ hùng hào.

*Du*: ý người đánh đàn ở non cao hay vực thẳm, tiếng đàn biểu hiện được nơi đó hoặc cao xa hoặc thăm thẳm.

*Trường*: ý người đánh đàn tại chỗ sâu xa, tiếng đàn nghe dài dặc, cuộn cuộn như giòng nước.

Chơi đàn đạt được bát tuyệt, ngón đàn thật là tinh vi, và người sành đàn được thưởng thức tài nghệ tuyệt diệu này cũng lấy làm thú vị.

# Nhạc khí

Chơi nhạc, người sử dụng nhạc khí này, người sành nhạc khí khác, mỗi cây đàn, cây sáo, cây nhị, âm thanh mỗi khác. Tình cảm của người chơi nhạc biểu lộ qua cung đàn, điệu sáo, nhưng mỗi ngón đàn nhạc lại nói lên một cách tâm hồn của người chơi cũng như diễn tả lại một tính tình khác nhau? Có tiếng đàn gảy lên những khúc hùng tráng mạnh mẽ, có tiếng đàn tạo nên những điệu êm đềm mơ mộng nhẹ nhàng. Có người chỉ giỏi về một cây đàn, có người tài nghệ có thể diễn hiện trên đôi ba nhạc khí.

Nhạc khí của ta rất nhiều từ đàn đến sáo, từ sáo đến nhị - ở đây tôi không nói đến những loại thanh la, nạo bặt, chuông, trống, chiêng, khánh, thường chỉ được sử dụng trong những cuộc tế lễ.

Dưới đây xin nói qua về mấy nhạc khí chính tôi được biết hoặc qua sách vở hoặc được thấy bạn bè đã từng dùng trong những buổi hòa nhạc.

## Các loại đàn

Ta chơi nhiều loại đàn, có thứ hoàn toàn Việt Nam, có thứ do nước ngoài du nhập vào.

**ĐÀN BẦU** - Cây đàn hoàn toàn Việt Nam, nặng tính chất Việt Nam nhất phải kể đến cây đàn bầu. Đàn bầu được chế hóa một cách hết sức giản dị, và chỉ có một dây, do đó đàn còn có tên độc huyền cầm.

Dây đàn căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc vào cây trụ bằng tre. Cây trụ dùng để nhấn âm thanh khi nhạc sĩ gảy đàn. Đàn không ngựa, không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có ba vạch trắng, chia đàn làm bốn cung thay vì năm cung như các đàn khác. Các nhạc sĩ thành thạo, không cần đến các vạch trắng, họ đã hiểu cung nào ở chỗ nào.

Trống đàn làm bằng một thứ gỗ đục rỗng thường cỡ 1.20m x 0.12m x 0.16m.

Tuy đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh và tiếng đàn nghe tha thiết buồn buồn, một thứ buồn êm ái



quyến rũ, đôi khi đến nỗi nùng để thâm lắng vào tâm hồn con người.

Người xưa cho những bản nhạc của đàn bầu là tục nhạc, là dân thanh vì tiếng đàn dễ gợi u hoài và tạo niềm sâu cảm.

Ca dao có câu: *Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.*

Đàn bà con gái bị cấm nghe đàn bầu chính vì sức quyến rũ của những bản đàn.

Những lúc đêm khuya thanh vắng, tiếng đàn như rót vào tâm hồn con người và có một sức khêu gợi mãnh liệt, người có tâm sự buồn nghe càng buồn thấm thía, trách chi những thiếu phụ, nữ lang sống cô độc trong khuê phòng làm sao tránh khỏi ảnh hưởng của âm thanh sâu man mát và đầy quyến rũ.

Nhớ lại hồi nhỏ tôi đã được nghe một tay đàn bầu, vừa đàn vừa ca bài *Tiền chân anh Khóa* của Á Nam. Nhạc sĩ đã khéo diễn tả cái cảnh chia ly trên cung bậc với những tiếng đàn nỉ non thánh thót, người nghe như có cảm tưởng đang sống trong một cảnh chia ly:

*Anh Khóa ơi! Em tiền chân anh đến tận bến tàu.  
Hai tay em đỡ cái khăn trầu em lấy đưa anh.  
Tay cầm trầu giọt lệ chạy quanh,  
Anh soi một miếng cho bỏ tình em nhớ thương.  
Anh Khóa ơi! Cái bước công danh ngoắt nghéo đủ trăm đường,  
Anh đi một bước tâm gan vàng em xẻ làm hai,  
Kìa người ta bè bạn vui cười,  
Hai anh em ta thương nhớ chỉ ngậm ngùi mà đứng thương nhau!*

Bài hát của nhà thơ đã đi sâu vào tâm khảm người nghe lại thêm tiếng đàn râm rứt như than vãn nỗi, ôi buồn sao buồn vậy!

Đàn bầu để nằm và người chơi ngồi thẳng, một tay gảy, một tay cầm cây trụ để điều khiển âm thanh.

Đàn bầu thường chỉ độc tấu, vì đàn rất khó hòa âm với đàn khác. Chính vì tiếng đàn độc tấu nên nghe càng như rền rĩ nỉ non, và do đó sức khêu gợi, quyến rũ càng mạnh.

Khách tài hoa nhiều người chơi đàn bầu, nhưng đặc biệt xẩm chợ thường dùng đàn này để xướng ca làm kẻ độ nhật.

NHỊ hay ĐÀN CÒ - Nhị cũng là một nhạc khí hoàn toàn Việt Nam, và được gọi là đàn cò ở miền Nam. Gọi là đàn, nhưng khi chơi nhị, tài tử không phải gảy vào dây hay đánh vào thỏi ở trên đàn như các loại đàn khác, mà dùng mã vĩ cọ sát vào hai dây nhị. Nhị hơi giống vĩ cầm của Tây phương, và sự phát thanh của nhị cũng như của vĩ cầm.

Nhị còn có tên là Hồ cầm. Nhị có bốn phần: thùng, cần, ngựa và dây.

Thùng nhị làm bằng một khối gỗ đục rỗng và được bịt bằng một miếng da trâu ở trên mặt. Một con ngựa được gắn trên trống thùng, để căng hai dây qua.

Cần nhị dài chừng nửa thước và cắm chặt vào thùng. Hai dây nhị được buộc từ đầu cần xuống tới ngựa, những dây này ăn vào hai trục để lên dây, và luôn qua một cái khuyết ở giữa cần, khuyết là một vòng đồng.

Như trên đã trình bày, chơi nhị, phải dùng mã vĩ cọ sát vào dây nhị. Mã vĩ làm bằng đuôi ngựa hoặc bằng tóc buộc vào một cung tre, dây mã vĩ được đặt vào giữa khe của hai dây nhị. Khi chơi nhị, cầm chiếc cung tre kéo mã vĩ. Sự cọ sát giữa mã vĩ và dây nhị tạo nên âm thanh và âm thanh được rung mạnh trên một một mảnh cây tùng hương.

Chơi nhị gọi là kéo nhị. Những nghệ sĩ tài hoa khi kéo nhị, tiếng nhị nghe êm ái hòa với các tiếng đàn khác. Những người mới tập, khi kéo nhị, âm thanh phát ra như xé vào tai với những tiếng the thé chát chúa.

ĐÀN CẦM - Cầm là một loại đàn cổ từ Trung Hoa truyền sang ta. Theo sách cổ để lại thì đàn do vua Phục Hy sáng chế ra đầu tiên. Sách kể lại rằng: "Xưa vua Phục Hy thấy chim Phượng Hoàng đậu trên cây Ngô đồng là loại cây quý nhất, nên ngài sai đốn ngã cây Ngô đồng xuống cửa làm ba khúc, và gõ thử từng khúc một: khúc ngọn tiếng quá trong, khúc gốc tiếng quá đục, chỉ có khúc giữa đủ tiếng nặng nhẹ đục trong. Nhà vua đem ngâm khúc giữa này ở dòng nước chảy 72 ngày rồi sai người thợ khéo là Lưu Tử Kỳ đểo ra làm thành cầm đặt tên là *Diêu cầm*. Đàn dài ba thước sáu tấc sáu phân, trước rộng tám tấc, sau hẹp bốn tấc, trục ngọc, phím vàng. Đàn có 13 phím, 5 dây."

Về sau, Bá Ấp Khảo con vua Văn vương nhà Chu thêm một dây, đến đời vua Võ vương lại thêm một dây nữa. Bảy dây của đàn cầm mang tên: cung, thương, giốc, chủ, vũ, văn, võ.

Chơi đàn cầm có nhiều bài, và danh tiếng nhất là khúc *Phụng cầu Hoàng*.

Sử sách chép lại, những tay chơi đàn cầm hay thuở xưa là Bá Ấp Khảo, Bá Nha, Tư Mã Tương Như v.v...

Theo ông Thạc Nhân trong Xã hội Nguyệt san số 6 xuất bản tháng 4 năm 1966, đàn cầm là đàn *Nguyệt cầm*, còn gọi là đàn kim, tương tự như đàn Madoline của Tây phương. Đàn nguyệt cầm này khác hẳn với đàn cầm của vua Phục Hy.(4)

**ĐÀN SẮT** - Cầm sắt thường đi đôi với nhau, cả hai đều dùng dây tơ. Theo sách cũ chép lại thì đàn sắt nguyên của Bào hi Thị sáng chế ra, dài bảy thước hai tấc, hai mươi lăm dây.

Ông Thạc Nhân trong bài dẫn trên có đề cập tới *Dương cầm sắt* và ông viết: "Dương cầm sắt là một thứ cổ nhạc khí của đồng bào người Việt gốc Miên. Đàn được cấu tạo bởi những thanh sắt đẹp, đặt khít nhau trên một cái đàn bán cung, theo thứ tự âm thanh từ thấp lên cao. Mỗi thanh sắt là một âm. Người chơi đàn luôn luôn ngồi thẳng hai tay cầm hai thanh gỗ có mấu đánh cùng một lần xuống những thanh sắt. Do đó mỗi lần gõ đều có một hợp âm bởi hai thanh. Đặc biệt sự chế biến âm thanh cho dương cầm sắt này là người ta đục rỗng ở dưới thanh sắt nhiều ít tùy theo mỗi âm thanh..."

**ĐÀN TRANH** - Đàn tranh bằng gỗ đục rỗng lòng máng, có 16 dây, 16 dây này tùy theo nhu cầu của âm thanh, căng chùng, dài ngắn khác nhau và tất cả đều bằng đồng. Những dây này máng trên những ngựa gắn vào khoảng giữa thùng đàn. Người chơi đàn phải ngồi thẳng, dùng đầu ngón tay phải có mấu những mấu sắt mà gảy, giống như người chơi Hạ Uy cầm; tay trái nhấn trên các sợi dây để lựa âm thanh.

Theo sách xưa để lại, đàn tranh dài sáu thước, mười hay dây, cao ba tấc.

**ĐÀN TỖ BÀ** - Đàn tỳ bà có bốn dây, gồm một thùng đàn trông tựa tựa như thùng đàn Mandoline nhưng nhỏ hơn. Đàn có 14 phím gắn trên thùng từ lưng chùng thùng đến hết cần đàn, mỗi phím là một âm thanh. Âm thanh dài ngắn tùy theo tay nhấn vào phím. Chơi đàn, nhạc công phải ôm đàn vào lòng, tương tự như chơi mandoline ngày nay. Âm thanh được tạo ra bởi tay gảy vào dây, dây rung lên.

Người xưa cho đàn tỳ bà nguyên do người Hồ làm ra, do đó còn mang tên *Hồ cầm*. Người Hồ khi đi ngựa thường chơi đàn này, lấy tay nẩy ngược lên kêu là *Tỳ*, nẩy xuôi xuống kêu là *Bà*, đàn được đặt tên là tỳ bà vì vậy. Đàn tỳ bà được người xưa trổ gỗ Ngô đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng.

Từ đời nhà Nguyên tới nay, đàn tỳ bà làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, có bốn trục vận bốn dây, ở giữa có 14 phím.

**DƯƠNG CẦM** - Đàn có mang tên là *Đả cầm*, hình như trái cật, dài 1 thước 5 tấc, bề ngang một thước(5), có 42 dây đồng, chia làm 14 bậc, mỗi bậc 3 dây.

Khi chơi đàn, để đàn trước mặt dùng hai thanh tre có máu mà đánh, do đó gọi là *đả cầm*.

Đàn này mới có từ đời nhà Thanh.

Tại Việt Nam còn có Dương cầm sắt đã nói ở trên. Dương cầm gỗ cũng giống như Dương cầm sắt, chỉ khác ở chỗ những thanh sắt đục rỗng được thay thế bằng những thanh gỗ cứng, dày mỏng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh, *Dương cầm tre* với những thanh tre thay những thanh sắt. Ngoài ra lại còn có *Dương cầm đồng* trình bày và cấu tạo cũng gần như các dương cầm trên, nhưng "có điểm đặc biệt là thay vì những thanh sắt hay gỗ, người ta làm những chiếc chiêng đồng nhỏ, dày mỏng cũng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh. Lối chơi cũng như các dương cầm trên"[\(4\)](#).

**ĐÀN NHẬT** - Đàn này ngoài Bắc Việt còn gọi là *Đàn tứ* vì có bốn dây. Thùng đàn hình tròn như mặt trời, cần dài 7 tấc, mặt thùng rộng 8 tấc. Đàn có 10 phím, 4 dây, 2 dây chập một.

**ĐÀN NGUYỆT** - Đàn nguyệt hình mặt trăng, còn được gọi là *Nguyệt cầm*. Ông Thạc Nhân đã làm đàn này với đàn cầm.

Đàn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi, hoàn toàn kín, cần dài 1 thước 7 tấc, 8 phím, 4 dây, 2 dây chập một như đàn nhật. Người sử dụng đàn có tài chỉ cần 2 dây. Mỗi phím có thể có 4 âm thanh tùy theo tay rung mạnh hay yếu trên dây, nhờ đó đàn có những biến âm rất êm tai và quyến rũ.

**ĐÀN TAM** - Tên đàn do ba dây của đàn. Đàn giống như đàn nguyệt nhưng

bé hơn. Thùng cũng bằng gỗ, rộng năm tấc, dày hai tấc, hai bên bịt bằng da trâu thay vì bằng gỗ mỏng như đàn nhật và đàn nguyệt. Cần đàn dài một thước năm tấc, có ba trục để níu ba dây; giữa mặt đàn có con ngựa, dây căng qua, và dây cũng luôn qua một chiếc khuyết ở giữa cần như dây nhị, chiếc khuyết này bằng ngà hay bằng xương có xoi ba lỗ cho ba dây. Khi chơi đàn, nhạc sĩ ngồi xếp bằng, kê đàn trên đầu gối chân mặt, tay trái ôm cần mà nhấn trên dây, tay mặt cầm một miếng ngà dài chừng hai tấc, rộng chừng tám phân hoặc miếng đồi mồi mà gảy.

**ĐÀN CẦM NAM** - Đây là một cây đàn đặc biệt, có thể ăn theo với mọi điệu hát cung cao và cũng là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam. Theo tài liệu của cụ Hoàng Yên trong *Cầm học tâm nguyên* đăng trong Nam Phong tạp chí số 47, tháng 5 năm 1921, thì đàn này do Luân Quốc Công, tên húy là Dục đặt ra. "Ngài là một tay rất mực phong lưu, tinh thông nhã nhạc; phàm điệu hát, câu hò, khúc lý, về tay ngài sửa sang, phần nhiều Ngài thấy điệu hát mình cung cao lắm, đờn xưa ít ăn theo. Ngài mới hiệp cả Cầm, Sắt, Tỳ bà lại một, chế ra một cây đàn mới, kêu tên là *Nam cầm*. Đờn này thùng dày, hình như quạt lá vả, cần dài 3 thước, tám dây. Nam Bắc truyền bá ai cũng cho là hay."

**ĐÀN ĐÁY** - Đàn đáy còn được gọi là *đàn nhà trò*, vì được dùng nơi cầm ca, do các kép gảy khi ca nhi hát à đào. Đàn mặt sau khoét rỗng, nên còn được gọi là *vô đế cầm*. Đàn thùng vuông, cần dài ba thước và cũng có ba dây, căng từ cuối thùng đàn lên đầu cần đàn, nơi có ba chiếc trục để vặn ba chiếc dây, hình thức gần như đàn cầm nam. Có người cho rằng đàn đáy chính là biến thân của đàn cầm nam mà hình dáng được sửa đổi lại.

Đàn đáy gảy theo điệu hát của các ca nhi, cao thấp mau chậm, nhịp khoan tùy theo điệu hát, thật là hay. Ngày xưa, người Nghệ An chơi đàn đáy rất tuyệt diệu, được tiếng khắp trong nước, và trong các tài tử có Cửu Đạm đàn thật cao nên ngày nay nhắc tới, những người quán ở tỉnh này còn nhớ.

Tương truyền rằng đàn đáy do ông Lý Thuyết Quài, một vị trong bát tiên sáng chế ra: Xưa có hai vợ chồng nhà đốt than ăn ở rất nhân từ mà vẫn nghèo, cho đến một hôm được một ông già cho một cây đàn và bảo hai vợ chồng tập đàn ca sẽ giàu có.

Hai vợ chồng mang đàn về nhưng không biết đàn, lại tìm đến ông già ấy dạy cho hàng ngày cho tới khi biết sử dụng đàn. Vừa hay lúc ấy gặp ngày lễ Vạn thọ vua Hán Vũ Đế. Hai vợ chồng đến đàn hát.

Bây tôi vua Vũ Đế có ông Đông Phương Sóc, nghe tiếng đàn thấy điệu quen, đã từng được nghe. Hỏi thì hai vợ chồng nhà này nói rõ đầu đuôi và tả hình dạng ông già. Đông Phương Sóc lúc đó mới nhớ lại đây là bản đàn của Lý Thiết Quài gảy ở cung tiên. Do sự tích trên mà sau này tại các làng có nghề nhà trò, khi cúng tế, thường tế vua Hán Vũ Đế, ông Đông Phương Sóc và ông Lý Thiết Quài, như ở làng Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh vậy.

Trên đây là mấy loại đàn được ta thường dùng ngày trước, và cho tới ngày nay cũng không có mấy thay đổi đối với cổ nhạc.

Nói cho đúng, đàn không thay đổi, không có nhạc cụ mới - tôi không nói tới đàn Tây phương - mà cả đến bản đàn cũng rất ít bản đàn mới. Nhạc độ ở nước ta xưa thấp kém lắm, các bản nhạc phần nhiều chịu ảnh hưởng của Trung Hoa và Chiêm Thành, ngoại trừ những bản hòa với dân ca đầy màu sắc dân tộc.

Các nhà chơi đàn của ta xưa, trong các cây đàn nêu trên, thường lấy 5 cây đàn làm ngũ điệu: đàn Tranh, đàn Nguyệt, đàn Tỳ bà, Nhị và đàn Tam. Các tài tử phong lưu xuất sắc thường biết chơi cả năm cây đàn trên.

## Các loại sáo

Đàn nhị thường đi với sáo. Trong một phường bát âm không thể không có sáo được. Tiếng sáo hòa với tiếng đàn khiến khúc nhạc càng êm ái và càng diễn tả rõ cái hay của bản đàn. Tiếng sáo bao giờ cũng thanh nhã. Tiếng sáo tạo nên do không khí chịu hơi thổi mà ra.

Sáo cũng có nhiều loại với nhiều tên khác nhau, có thứ thổi ngang, có thứ thổi dọc. Dưới đây là mấy loại sáo đã được cụ Hoàng Yến nhắc tới trong *Cầm học tầm nguyên*.

**HOÀNG** - Hoàng là 1 ống sáo có cái lưỡi gà, khi thổi tiếng phát ra do cái lưỡi gà, và âm thanh trầm bổng tùy theo các lỗ sáo.

**TIÊU** - Tiêu bằng trúc có sáu lỗ, năm lỗ ở mặt trước và một lỗ ở sau.

*Tục văn hiến thông khảo* nói rằng ống Tiêu được chế ra từ đời nhà Minh, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét

một lỗ gọi là Sơn khẩu.

**ĐỊCH** - Địch có bảy lỗ tức là ống sáo ta thổi bây giờ.

**QUẢN** - Nhạc khí này ta thường gọi lầm là địch. Quản chế ra từ thời nhà Đường có bảy lỗ, được gọi là *thất tinh quản*, lại có một lỗ ở bên cạnh, lỗ này thường được dán lại bằng lụa ruột cây tre để cho tiếng reo lên, là *trợ thanh*. Ngày nay khi thổi sáo, ta thường lột lụa mo cau hoặc lụa củ hành mà dán lỗ này.

**TRÌ** - Trì giống như ống địch có đáy, thổi ngang, sáu lỗ.

**HUÂN** - Đây chính là một cái còi bằng đất to, như trứng gà, tròn năm tác rưỡi, dài ba tác, sáu lỗ.

## **Kèn**

Kèn cũng là một nhạc khí mà âm thanh tạo nên do hơi thổi làm chuyển động không khí trong kèn. Kèn thường như một ống loa, trên thân kèn có những lỗ, số lỗ nhiều ít theo nhu cầu của âm thanh, mỗi lỗ có hai âm thanh cao và trầm.

Miệng kèn nhỏ như một tổ sâu, có cái lưỡi gà để tạo âm thanh. Kèn phải thổi dọc.

Xưa kèn chỉ thường được dùng trong việc tế lễ, nhất là tang lễ. Tang lễ có một loại kèn riêng gọi là kèn đám ma, thổi lên kêu *tò te tí te*, tiếng thật là buồn, nhất là đêm hôm, khi con cháu khóc người chết có đệm tiếng kèn thật là ảo não.

## **Sinh tiền**

Đây cũng là một nhạc khí Việt Nam làm bằng hai thanh gỗ gắn vào nhau, trên mỗi thanh gỗ có lồng những đồng tiền đồng, do đó tên là *sinh tiền*. Nhạc sĩ sử dụng sinh tiền đập mạnh, tiếng những đồng tiền chạm vào nhau vang lên để tăng nhịp điệu cho bản nhạc được hòa âm bởi những nhạc khí khác.

Các thanh niên chơi sinh tiền trong phường bát âm thường có những điệu bộ như điệu múa, và đôi mắt đưa theo những đồng tiền lên xuống va chạm vào nhau trông thật khả ái.

## **Phách**

Phách làm bằng hai thanh tre dùng để đánh vào nhau theo nhịp đàn và làm nhịp cho câu hát. Các ả đào khi hát thường đánh phách.

## **Bát**

Đây chính là chiếc bát lớn dùng để gõ nhịp khi có ca hát đàn địch.

## **Trống**

Trong các buổi tế lễ thường có tiếng trống và trống dùng trong dịp này thường là thứ trống to.

Trống có nhiều loại, mỗi loại được dùng một cách riêng, có loại dùng một dùi trống, có loại dùng hai dùi trống, và có loại chỉ cần hai bàn tay vỗ vào mặt trống là phát ra âm thanh.

Trống bao giờ cũng hình ống có khi hai đầu và giữa bằng nhau, có khi ở giữa khum khum, hai đầu nhỏ hơn. Trống có hai phần:

*Thành trống* - thường bằng gỗ - đây là tôi nói riêng về trống Việt Nam, những trống phương tây ngày nay du nhập vào nước ta, thành bằng kim loại. Thành trống thường rỗng giữa.

*Mặt trống* - ở hai đầu thành trống, được bịt bằng da, ta thường dùng da trâu. Hai đầu bịt này là hai mặt trống.

Đánh trống phải có dùi, dùi to hay nhỏ tùy theo loại trống.



**TRỐNG CÁI** - Đây là loại trống đại, thường đình làng nào cũng có. Trống này bề cao có khi tới hai thước và mặt trống có khi rộng tới một thước. Trống dùng để điếm vào trong cuộc tế lễ, cùng đi với tiếng chiêng.

Trong những đám rước, trống cái phải có hai người khiêng và một người thứ ba đánh trống.

Những khi làng có hát thờ thần, thường có một vị chức sắc ngồi cầm chầu đánh trống, mỗi khi có điều gì đáng khen lại đánh một tiếng trống.

Trong đám tang cũng có khi có trống cái, trống đánh nhất gừng tiếng một dẫn đầu cho đám tang.

**TRỐNG CƠM** - Trống cơm là một loại trống hoàn toàn Việt Nam, mình dài và nhỏ, khi đánh trống không dùng đến dùi mà dùng hai bàn tay vỗ vào hai mặt trống. Trên hai mặt trống, lúc chơi thường có hai nắm cơm nếp nhỏ, có lẽ do hai nắm cơm nếp này mà trống được mang tên là trống cơm. Cũng có nơi "*như làng Đình Bảng, làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh chẳng hạn, nhạc công lại không bao giờ dính cơm nếp lên mặt trống, họ chỉ để nguyên da trống như vậy trong lúc biểu diễn mà thôi*[\(7\)](#)".

Trống cơm được coi là một nhạc cụ cần thiết trong các phường nhạc bình dân. Từ những bản nhạc dạo hành khi rước thần hoặc đưa ma đến những đám hát chèo ta đều nghe có tiếng trống cơm, và bao giờ tiếng trống cơm cũng giữ nhịp cho điệu nhạc.

Tiếng trống cơm nghe cũng đặc biệt, *bùng bập bùng*, không trong lanh lảnh và cũng không trầm như chìm xuống. Tiết điệu trống cơm thật là phong phú và cách biểu diễn tiết tấu cũng rất tài tình. Tiếng trống cơm với tất cả những âm thanh trầm bổng như nặng hờn dân tộc bên trong.

**TRỐNG BỤNG** - Có ai đã dự một cuộc thi vật ở các hội quê miền Bắc chưa? Và có ai đã dự một buổi đánh cờ bỏi hoặc đánh cờ người trên sân khấu chưa? Đã dự những cuộc này, ắt phải để ý tới một người cầm một chiếc trống nhỏ có cán đi sát các đầu thủ gõ lên những tiếng tong tong tong để khuyến khích các đô vật hoặc thúc dục các kỳ thủ khi cuộc vật đi vào lúc gay cấn hoặc khi các kỳ thủ đang nghĩ nước cờ. Tiếng trống thúc dục này đánh trên *trống bụng*. Có lẽ gọi như vậy vì người sử dụng phải bụng chiếc trống trên tay, mặc dẫu bụng đây không đúng hẳn nghĩa, vì trống được cầm bằng một chiếc cán ở tay trái, còn tay phải cầm dùi trống đánh vào mặt trống.

Trong các buổi cúng lễ của các pháp sư đạo Lão, ngoài tiếng tui, tiếng cảnh cũng có tiếng trống bưng. Trống bưng còn được gọi là *trống khâu*.

**TRỐNG ÉCH** - Đây là một thứ trống của trẻ em chơi. Ở nhà quê, khi ăn thịt ếch, người ta lột da, và có người dùng da ếch bịt lên một ống tre, một khúc gỗ nhỏ khoét rỗng, phơi khô cho trẻ em chơi làm trống gọi là *trống ếch*. Danh từ trống ếch về sau được dùng để chỉ loại trống nhỏ, mặt cũng bịt bằng da trâu, dùng cho các trẻ em chơi trong những khi chơi tế lễ rước xách, nhất là khi có múa sư tử vào dịp Trung thu ở miền Bắc.

Hồi năm 1945, khi Việt Nam nắm chính quyền tại các xã, họ đã tổ chức những đoàn nhi đồng và các đoàn này đã đánh trống ếch đi rước khắp làng tuyên truyền cho họ. Hồi đó, nhiều người chỉ nghe tiếng trống ếch là đủ sợ, tiếng trống ếch làm họ liên tưởng tới mọi sự chết chóc họ đã chứng kiến.

**TRỐNG BẢN** - Những phường nhạc đám tang có một loại trống riêng, thành rất thấp độ hai tấc rưỡi ta, nhưng mặt lại rất rộng, đường kính trên tám tấc. Tiếng trống nghe trầm và rất ăn với tiếng kèn. Trống này gọi là *trống bản*, và nô nôm hơn người ta gọi là trống đám ma.

Trống bản cũng như trống com, khi sử dụng nhạc công phải dùng dây đeo qua vai và để trống phía trước mặt và đánh trống có hai dùi.

**TRỐNG NGŨ BỘ** - Trống này giống như chiếc trống cái nhưng khuôn nhỏ hơn, thành trống cao độ nửa thước, và mặt trống đường kính bằng hai phần ba thành trống.

Không hiểu tại sao lại gọi là trống ngũ bộ? Phải chăng trống này hòa cùng với tiếng nạo bạt đánh lên nhịp năm, như phường trống ở làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Phường trống này thường gồm bốn người, hai người đánh trống và hai người chơi *nạo bạt*, mà người dân quê quen gọi là *chũm chọe*, vì nạo bạt gồm hai mảnh bằng đồng hình tròn có núm, khi chơi đem hai mặt đánh vào nhau.

Trong những cuộc tế lễ hay rước xách ở làng Thị Cầu, ngoài phường bát âm có thêm phường trống này. Tiếng trống nghe nhịp năm *tung tung các tung tung*, hòa với tiếng chũm chọe ăn theo thành những tiếng *dịch dinh dinh chọe*.

Nhạc công chơi trống cũng dùng quai, nhưng lại đeo thông ngang vai,

để trống ở mé cạnh sườn. Đánh trống cũng phải dùng hai dùi.

Tại các nhà cô đầu, trống dùng để đánh chầu đệm theo câu hát, điệu đàn, tiếng phách là loại trống hình thê giống trống ngũ bộ, chỉ khác khi đánh trống, quan viên thường bịt mặt trống để tiếng trống nghe *tom tom* thay vì *tung tung*.

Ngoài mấy loại trống kể trên, còn nhiều trống khác như trống bỏi, trống thầy cúng v.v...

## Một số loại khác

Đàn, nhị, sáo, sênh phách, kèn trống là những nhạc khí chính, thường ai cũng rõ, nhưng còn nhiều nhạc khí khác chỉ những người sử dụng mới hiểu như tìu, cảnh, lệnh, mõ, công, khánh v.v...

*Tìu* là một nhạc khí bằng đồng hình như cái bát, các thầy cúng thường đánh với cảnh tiếng nghe *cheng cheng*.

*Cảnh* cũng là một nhạc khí bằng đồng, gõ lên tiếng kêu cũng *cheng cheng*. Cảnh hình tròn vòng trong nổi cao hơn vòng ngoài. Khi sử dụng thầy cúng dùng một chiếc dùi nhỏ gõ vào nơi vòng trong. Ở vòng ngoài, tức là vành cảnh có ba lỗ xỏ dây để mắc vào một chiếc khung tròn bằng sắt hoặc bằng đồng, chiếc khung này có cán. Lúc gõ cảnh, thầy cúng gõ thành những tiếng *chập cheng*, muốn tạo nên tiếng *chập* thì thầy đưa tay giữ lấy chiếc cảnh. Tiếng cảnh hòa với tiếng ê a đọc kinh hoặc đọc sớ của thầy cúng.

*Lệnh* là một nhạc khí bằng đồng dày vào khoảng 5 ly ngày nay, hình tròn đường kính độ 20 phân tây, khi gõ lên, tiếng kêu *beng beng*. Lệnh thường được dùng tại các làng quê để triệu tập những phiên họp của quan viên tại đình làng. Lệnh có một lỗ ở mép để xỏ dây vào, người đánh lệnh xách lệnh lên bằng dây này và gõ vào bằng một chiếc dùi.

*Mõ* bằng gỗ hoặc bằng gốc tre, tạo nên những tiếng *cóc cóc*.

*Công* bằng đồng, hình tròn, ở giữa có núm tròn lồi lên, người ta dùng dùi đánh lên núm tròn này, vang lên những *boong boong*. Chung quanh công có vành cao độ ba bốn phân tây, hoặc ít nhiều hơn tùy theo công to hay nhỏ.

Khánh bằng đá hoặc bằng sành, gõ vào phát ra những tiếng coong coong.

∞

Còn nhiều nhạc khí khác mà rất tiếc với kiến thức nông hẹp, người viết không đủ hiểu để diễn tả, hoặc không biết để nói tới được.

# Nhạc ở Việt Nam

Đã nói về cầm với các nhạc khí, chúng tôi thấy cũng nên nhắc qua tới các loại nhạc ở Việt Nam - ở đây chúng tôi xin phép chỉ nói tới cổ nhạc.

Theo những nhạc khí, theo hoàn cảnh xã hội và qua sự trình bày của các phường nhạc, nhạc Việt Nam có thể chia thành hai loại: nhạc lễ và nhạc tiêu khiển.

## Nhạc lễ

Nhạc là một cái gì mâu nhiệm thiêng liêng và người xưa cho rằng chỉ những thiên tài mới chế được ca nhạc, và do đó phương Đông chúng ta lại quan niệm rằng *nhạc là sự điều hòa giữa trời đất và nhạc hay cùng hòa chung với trời đất*.

Nhạc lại có thể cảm lòng người và thay đổi được phong tục. Lễ nghi không có nhạc thiếu vẻ trang nghiêm, và để giữ gìn mỹ tục, để bảo tồn lễ nghi, người xưa dùng nhạc trong các buổi tế lễ.

*Nước Tàu vào thời cổ vua chúa đặt ra nhạc để trông coi việc tế tự và dạy bọn nhạc công(6).*

Chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, ngay từ ngày xưa, các vua chúa Việt Nam cũng dùng nhạc trong các buổi tế lễ, và dần về sau *trong các cuộc tế lễ tại các đình miếu, từ đường ở các vùng nông thôn Việt Nam, hoặc trong các đám ma, đám rước thần người ta có sử dụng các hội tiêu nhạc(4).*

Về đời nhà Lê, vua Lê Thánh Tông đã sai các quan triều thần nghiên cứu âm nhạc Trung Quốc, đặt ra *bộ Đồng Văn chuyên tập âm luật để hòa nhạc và bộ Nhã Nhạc chuyên dùng nhân thanh để xướng hát(3)*. Hai bộ này được sử dụng vào các lễ tế Giao Miếu và lễ triều hạ.

Rồi đến đời Lê Trung Hưng, các chúa Trịnh lại có đội bả lệnh dùng trong việc tang tế trong phủ Chúa cũng như ngoài dân gian.

Từ đời Quang Hưng (1578), nhạc khí dùng cho bộ Đồng văn và bộ Nhã nhạc

gồm một số trống trường thiên lớn, một kèn trúc lớn, một long sinh long phách (sinh tiền và phách có hình rồng), một cây đàn ba, bốn hoặc mười lăm dây, một ống sáo và một trống mảnh một mặt. Nhạc khí dùng cho đội bả lệnh gồm trống, mõ, trống tiền bông, kèn đại, kèn tiêu và kèn tổ sêu.

Hai bộ Đồng văn và Nhã nhạc từ đời này thường ít dùng đến, và về sau trong các cuộc tế lễ Giao miếu và lễ triều hạ, cũng như trong các buổi tế thần của dân gian người ta đều dùng nhạc của giáo phường, tức là thứ nhạc dân gian. Nhạc này ngày càng biến hóa, và bộ nhạc gồm *một cái nhịp dài bằng tre, do một cụ già gõ nhịp, một cái ống sáo, một cái quyển nhị, một cái trống cơm, một cái đàn đáy, mỗi người kếp cầm một cái, còn đàn thì cầm một cái phách, một cái sinh tiền, hoặc một cái trống mảnh một mặt dùng khi vừa hát vừa múa*(3).

Ở miền Nam, âm nhạc của ta từ khi chúa Nguyễn vào khai thác, đã chịu ảnh hưởng của âm nhạc Chiêm Thành và đã tạo nên những khúc nhạc cung Nam trầm bi oán vọng, khác với những khúc nhạc linh hoạt cung Bắc. Nhạc miền Nam ngày càng phong phú thịnh vượng hơn, so với nhạc miền Bắc ngày một suy. Nhà vua có đội nhạc thánh dùng trong việc tế tự, gồm những tay giỏi nhạc trong nước, sử dụng các nhạc khí cũng giống như miền Bắc, gọi là Đường ngoài.

Tới ngày nay, nhạc lễ cũng thay đổi nhiều, và trong các buổi tế lễ chỉ dùng những ban nhạc thu hẹp thường gọi là phường bát âm với các nhạc khí: nao, bặt, bát, sinh tiền, kèn, trống nhỏ, đàn, nhị, sáo, một vài thứ đàn. Có phường có tám nhạc khí, có phường chỉ có năm sáu. Về đàn thì có khi là đàn nhật, có khi là đàn nguyệt, có khi là đàn tranh hoặc một thứ đàn khác, có khi hai ba thứ đàn.

Các ban nhạc dùng tới vui buồn thay đổi tùy trường hợp tế tự hoặc tang lễ.

Nói đến nhạc lễ cũng phải kể tới những buổi cầu đồng, hầu bóng tại các miếu điện vùng quê, mà ở đây có thầy cung văn vừa đàn vừa ca những bản châu văn với mục đích để đồng sớm nhập.

Trong những đám rước thần ở thôn quê bao giờ cũng có ban nhạc tham dự, không kể trống chiêng đi theo cờ tiết mao trên đầu đám rước. Ban nhạc gồm cả phường đồng văn lẫn phường bát âm. Phường đồng văn đi sau voi ngựa và đoàn chấp kích, thường gồm một người cầm trống khẩu, người này đứng đầu gọi là *cai đồng văn*, một người cầm *thanh la*, hai người cầm *sinh tiền*, bảy hoặc tám người đánh *trống bản*. Có làng lại có thêm hai đứa con trai, ăn

mặc giả gái, mỗi đứa đeo một cái *trống com*, gọi là *con đĩ đánh bông*.

Phường đồng văn này, hễ trống khẩu, thanh la, sinh tiền khởi lên thì trống bản họa lại. Hai con đĩ đánh bông vừa đập trống vừa múa nhịp nhàng theo khúc điệu của những bản nhạc.

Phường bát âm *đi sau phường đồng văn, hai phường cách nhau bởi cò vĩa và gươm dàn mặt*(8).

Phường bát âm thường gồm tám nhạc khí đã trình bày ở trên.

Tuy gọi là phường đồng văn và phường bát âm, nhưng thường là dân đình trong làng, ít khi các làng xã phải nhờ đến những phường chuyên nghiệp. Các thanh niên trong làng, trong lúc mùa màng nhàn rỗi thường cùng nhau tập luyện âm nhạc trước là để tiêu khiển sau là giúp dân làng trong các cuộc tế lễ rước xách. Những chàng trai quê thường rất lấy làm hãnh diện được tham dự ban nhạc, nhất là phường bát âm trong những buổi tế thần cũng như trong khi đi rước. Trong những dịp này, các chàng trai được các cô gái chú ý. Các chàng cố đàn cho hay, sáo cho giỏi...

## Nhạc tiêu khiển

Ngoài các buổi tế lễ, người ta còn dùng nhạc để tiêu khiển mua vui cùng nhau. Năm ba bạn trẻ, có khi một người nhiều tuổi đứng đầu họp thành một ban nhạc, để cùng nhau luyện các bản và hòa tấu với nhau những khi gió sớm, lúc trăng chiều. Cũng có những người với một nhạc cụ, một cây đàn nhật hoặc đàn nguyệt, một cây nhị hoặc cây đàn bầu, khi nhàn rỗi vừa đàn vừa hát những bản nhạc mình yêu thích. *Những lúc thư nhàn, hoặc khi đêm khuya thanh vắng buồn bã một mình, thì mượn tiếng đàn làm tiếng giải muộn. Hoặc đàn nguyệt, đàn thập lục dạo một vài câu lưu thủy, hoặc gảy chơi một câu tứ đại, nam ai v.v... Tiếng đàn thánh tha thánh thót, ti ti như đé kêu sầu cũng đủ tả tấm lòng ngao ngán*(2).

Đem tâm tư gửi vào khúc nhạc, dùng nhạc để quên nỗi u buồn, dùng nhạc để nói lên niềm vui, nhạc thật là một thú tiêu khiển thanh cao tao nhã.

Trong các ban nhạc họp nhau để mua vui tiêu khiển các loại nhạc khí thường được dùng là: đàn kìm, đàn nguyệt, đàn tranh, hồ cầm, sinh tiền, sáo, tiêu và

trông nhỏ; và các bản nhạc tài tử này cùng nhau hòa những bản nhạc thông dụng và được nhạc giới công nhận là có giá trị. Trong các bản nhạc này thường được phân chia thành hai loại: bản Bắc và bản Nam tức là những khúc nhạc cung Bắc và cung Nam như trên đã nhắc tới.

## Nhạc cung Bắc

Đây là những bản nhạc linh hoạt, một phần phóng tác theo nhạc Trung Hoa, nhưng xoang điệu mang sắc thái Việt Nam. Thực ra cũng có những bản gốc Trung Hoa, cũng có những bản gốc Việt Nam, ngày nay lẫn lộn, khó mà phân biệt. Mấy bản cung Bắc chính có thể kể:

*Cổ bản:* Một bản nhạc cổ rất nhiều xoang điệu. Nhạc nghe êm tai, nhưng nội dung không rõ là gì.

*Lưu thủy:* Lưu thủy là nước chảy. Bản nhạc gây cho thính giả một cảm giác êm ái, điệu nhạc như trầm lắng, nhưng nhanh nhanh và buồn buồn.

*Hành vân:* Hành vân là mây bay. Qua hai chữ hành vân ta hình dung đám mây trôi xa xa giữa bầu trời xanh ngắt. Nghe bản nhạc hành vân, ta cảm thấy nhẹ nhẹ, êm êm, thanh thản.

*Kim tiền:* Bản nhạc gọi theo tên nhạc khí, kim tiền tức là sinh tiền dùng để đập nhịp. Nội dung và xoang điệu bản nhạc đi rất mạnh. Nghe bản nhạc, thính giả cảm thấy cái gì hăng hái, say sưa, mạnh mẽ. Trái hẳn với xoang điệu thanh thản của các bản lưu thủy, hành vân, xoang điệu bản kim tiền đi nhanh, dồn dập, réo rắt, hùng mạnh.

*Bình bán:* Bản này dung hợp cái chậm rãi và cái dồn dập của hai bản lưu thủy và kim tiền, xoang điệu vừa mau vừa chậm, vừa trầm vừa hùng. Nội dung bản này có thể nói đoạn đầu là lưu thủy và đoạn sau là kim tiền.

*Tẩu mã:* Bản này diễn tả nhịp ngựa phi, do đó vừa dồn dập, vừa nhanh, vừa mạnh. Điệu tẩu mã thường được sử dụng trong các vở tuồng với những vai anh hùng, tráng sĩ.

*Tứ đại cảnh:* Tứ đại cảnh là cảnh của bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông trong một năm. Nội dung bản nhạc diễn tả cảnh sắc bốn mùa. Bản nhạc này tuy được xếp vào các bản nhạc cung Bắc, nhưng nhiều người



cho rằng tác giả bản nhạc này là vua Tự Đức vì các lẽ sau đây:

- Bản nhạc được phổ biến nhiều nhất ở Huế.
- Vua Tự Đức là nhạc sĩ có tài lại có tâm hồn nghệ sĩ, đàn giỏi, thơ hay.

Trên đây là những bản nhạc cung Bắc chính, ngoài ra cũng có những bản khác như Phú lục, như những bản cổ của người Trung Hoa v.v...

## Nhạc cung Nam

Đây là những bản nhạc sản xuất ở miền Nam từ thời chúa Nguyễn, chịu ảnh hưởng rất nhiều các nhạc khúc Chiêm Thành. Từ nhạc thường buồn sâu bi oán, nhưng rất có giá trị, dưới đây là các bản chính là luôn luôn được cầm giới sử dụng:

*Nam ai*: Nam ai là thương Nam, xót Nam. Đây là bản nhạc buồn nhất, ai oán nhất trong các bản nhạc cung Nam.

Với bản nhạc Nam ai, rất nhiều nhạc sĩ, thi sĩ đặt lời ca, tùy theo hoàn cảnh cảm xúc và ý nghĩa của từng người. Thường bản ca Nam ai có ba vần tạo thành ba khổ. Dưới đây là một ví dụ:

*Khuyên ai gấn bó đèn công trình thầy mẹ,  
Ân nặng nhường sông, nghĩa chắt non cao.  
Ơn cùc dục cù lao,  
Sinh thành lo sợ xiết bao,  
Lo cơm bữa nhường nao,  
Ấm bông ra vào.*

*Nâng niu, bú mớm đêm ngày xem tày vàng ngọc,  
Hay chạy, hay đi, lúc nắng lúc mưa.*

*Từ xưa đến giờ,  
Lúc hầy còn thơ,  
Đến bây giờ,  
Chịu nhuốc nơ,  
Biết bao nhiêu mà!  
Trông năm trọn ngày qua,  
Da môi, tóc bạc, mảy xa,  
Khuyên trong cõi người ta,*

## *Thảo ngay mới là!*

Xoang điệu của bản Nam ai chậm chậm để diễn tả nỗi buồn thăm cực độ, do ảnh hưởng của Chiêm Thành.

*Nam thương:* Nam thương là buồn Nam, mên Nam. Đây là một bản nhạc cổ điệu buồn nhưng không buồn bằng Nam ai. Bản nhạc cũng chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành, xoang điệu đi chậm nhưng một vài chỗ âm thanh có vẻ réo rắt, hàm ý thương tiếc nhớ nhưng, đau khổ buồn buồn.

*Nam xuân:* Đây là một bản nhạc ít buồn và có đượm cái vui, tuy cái vui vẫn như thể bị cái buồn nối tiếp. Phải chăng đây là cái buồn truyền kiếp của một quốc gia đã bị diệt vong mà ảnh hưởng ăn vào âm nhạc của Việt Nam. Xoang điệu bản nhạc tuy buồn nhưng có nhiều nét thướt tha duyên dáng, cái thướt tha duyên dáng của hình bóng cô gái Chăm đi lả lướt trên bóng chiều.

*Nam bình:* Đây là một bản nhạc không buồn không vui, âm thanh đi đều đều. Có thể nói đây là một bản nhạc cung Nam được hòa hợp bởi ba bản Nam ai, Nam thương và Nam xuân cho nên nội dung pha lẫn buồn vui, nhưng cái buồn vẫn nhiều hơn.

Bốn bản nhạc trên, tuy nhạc chỉ có một bản, nhưng mỗi bản lại được phổ thành nhiều ca khúc bởi nhiều tác giả, mỗi ca khúc nội dung khác nhau tùy cảm hứng của từng tác giả.

∞

Xét qua tất cả các bản nhạc cung Bắc và cung Nam, ta thấy số các bản nhạc không thay đổi mấy qua thời gian, nhất là rất ít có bản mới. Các nhạc sĩ Việt Nam ta xưa *cho rằng trách nhiệm của mình là học cho đủ những xoang điệu cũ, chứ không dám đặt ra những xoang điệu mới, thậm chí có người cho rằng những tiếng dặm thêm của một vài tài tử trẻ tuổi là do tính hiếu kỳ*(3). Với quan niệm trên ta đừng lấy làm lạ khi vấn đề sáng tác nhạc của ta xưa rất là hạn chế.

Từ mấy chục năm nay, vì ảnh hưởng nhạc Tây phương, nhạc Việt Nam cũng có đôi sự thay đổi. Người ta đua nhau chơi tân nhạc, xa rời cổ nhạc. Cái thú phong lưu này của người xưa đã biến cải, và dường như những người ở chốn thị thành, những người tự cho mình là trí thức không lưu ý tới nền cổ nhạc. Phải chăng đây là một sự tiến bộ, hay đây chỉ là một hiện trạng gốc rễ bị

lung lay.

Đã đành rằng với thời đại mới, người ta không thể cứ bo bo theo cũ, nhưng theo mới không bỏ cũ, dùng mới để cải tiến cũ, để dung hòa cũ, có như vậy mới mong giữ vững được cội rễ của văn hóa.

Nhạc Việt Nam không phải dở, đã có những người ngoại quốc tán thưởng, thì tại sao chính ta, ta không chân chính lấy nền nhạc nước nhà?

# Ca hát

Trước khi nói tới kỳ, cái thú phong lưu thứ hai của ta sau cầm, tôi nghĩ cần nói tới ca hát trước. Có đàn thì có hát, có cầm thì có ca; đàn giữ nhịp cho câu hát, hát trợ hứng cho cung đàn, và cổ nhân thường nói thú cầm ca để gồm cả đàn lẫn hát.

*Tiếng nói của ta rất nhiều giọng, cho nên câu nói uyển chuyển bỗng trâm rất dễ biến thành câu hát(3).*

Ta hay hát vào những lúc nào?

Ta thường ca hát khi cảm hứng nổi lên muốn đem tâm tư gửi vào giọng hát, hoặc cũng có khi uất hận muốn gởi nỗi niềm bực tức vào câu ca. Ngoài ra trước một cảnh đẹp hoặc trong khi làm một công việc nặng nhọc, để thông cảm với vẻ đẹp thiên nhiên hoặc để cho công việc bớt mệt nhọc ta cũng ca hát. Bởi thế cho nên người nhà quê khi làm việc hoặc khi vui chơi hay hát lắm. Đưa trẻ chăn trâu, buổi chiều cho trâu về, hoặc cỡi trên cổ, hoặc nằm trên lưng trâu, nhẹ nhàng cất tiếng hát rồi năm mười đứa khác cũng họa theo. Những đàn ông, đàn bà cấy lúa, cắt lúa, làm cỏ hay tát nước ở dưới trăng hoặc đêm khuya đập lúa, giã gạo cũng theo nhịp nhàng tay chân mà hát để quên mệt. Trên các sông, nhất là trên sông Hương ở Huế, giữa đêm khuya thường được nghe một chị lái đò ở xa xa cất tiếng lanh lảnh hò "mái nhì" hay hò "mái đẫy", giọng thực nào nùng tê tái. Những người kéo gõ trên sông, những lũ kéo chài dưới biển, cũng thường dùng tiếng "hò khoan", "dô ta" để làm cho rập tay chân. Ở Bắc Việt, những đêm sáng trăng, nhất là đêm rằm tháng tám, con trai con gái trong làng thường họp nhau để hát đối hay hát trống quân... xem thế thì ta thấy người nhà quê ta rất thích hát(3).

Ta rất thích hát và hát cũng là một thú chơi thanh tao cao nhã không kém gì cầm kỳ thi họa.

Hát nghĩa là gì, và hát với ca có khác nhau không?

Theo Đào Đăng Vũ trong Việt Nam Bách Khoa từ điển thì ca và hát cũng như nhau và có nghĩa là "đưa giọng cao thấp lớn nhỏ và nhịp điệu để đọc những câu văn câu thơ nghe cho êm dịu. Ca chỉ là ngân nga giọng cho hay, còn hát gồm cả ca mà có điệu bộ hoặc có làm tuồng: ca vọng cổ, ca nam ai, hát cải lương, hát bội, hát chèo cổ."

Nói về ca hát, Việt Nam có những giọng ca điệu hát chung của dân tộc, nhưng mỗi miền Bắc, Trung, Nam lại có những lời ca hát riêng, tuy có đôi khi giống nhau, nhưng trong sự giống nhau vẫn có điều khác biệt vì tình tính con người mỗi địa phương tuy đại đồng nhưng vẫn tiêu dị.

Các giọng ca hát của ta có thể phân biệt:

- Các giọng bình dân.
- Các giọng trí thức.

## Các giọng ca hát bình dân

Đây là những giọng ca hát do giới bình dân thường hát với nhau, hoặc được giới bình dân ưa chuộng thưởng thức.

Những câu hát dùng trong các giọng bình dân phần lớn là những câu ca dao nhưng khi đưa vào giọng hát đã hơi bị biến đổi trên hình thức dựa theo từng giọng.

Những giọng bình dân có *giọng hát trong lúc làm việc* để con người đỡ mệt như hát đò đưa, hò tát nước, hò kéo gỗ v.v... hoặc có tác dụng hân với việc làm như hát ru em.

Bên những giọng hát trợ lực cho việc làm, có những *giọng hát trao tình* giữa trai gái, những giọng hát này riêng bọn nam nữ dùng để đối đáp với nhau trong cuộc gặp gỡ khi làm việc, trong những đám hội hè hoặc trong những buổi hát thi hát đố.

Ở miền Bắc về lời hát trao tình này có ba giọng chính: hát ví, hát quan họ, và hát trống quân.

Ở miền Trung có hát ví, hát dặm, hát các phường, hò.

Ở miền Nam cũng có những câu hò, lại có hát cải lương và vọng cổ.

Với những giọng hát này, lúc hát các trai gái xướng họa đối đáp có thể có nhiều biến thể thành nhiều giọng khác.

Ngoài các giọng hát trong lúc làm việc và các giọng hát trao tình còn các giọng *hát tôn giáo* mà tiêu biểu nhất là giọng hát châu văn ở miền Bắc. Lối này cũng có thể coi là một lối hát nghề nghiệp của các ông cung văn, tức là những người vừa đàn vừa hát trong các buổi hầu bóng.

*Hát vè* cũng là một lối hát, dùng những câu vè để nói về một việc gì hoặc một vật gì.

*Hát xẩm* của những người bị mục tật đi hát trong làm kế sinh nhai cũng là một lối hát nghề nghiệp, ta thường gọi là xẩm chợ.

*Hát tuồng*, gọi là *hát bộ* ở miền Trung, *hát bội* ở miền Nam cũng là hát nghề nghiệp, tuy nhiều khi cũng có những ban hát tuồng tài tử.

Sau hết phải nói đến *hát chèo*, một lối hát diễn lại các tích cũ giống như hát tuồng, nhưng với những giọng hát khác hẳn và thiên về luân lý nhiều hơn.

Ngoài các giọng hát đã kể trên, tôi tưởng cũng không thể bỏ qua được những câu hát của trẻ em, những câu hát được các em nhắc lại trong các trò chơi như Thả đĩa ba ba, Chi chi chành chành v.v...

Các giọng hát, trên bình diện khác nhau, nhưng phần nhiều nội dung câu hát không khác nhau.

## Nội dung câu hát

Trước khi đi vào chi tiết của từng lối hát, chúng ta thử xét qua nội dung của những câu hát.

Có những câu hát tả cảnh của đất trời:

*Ngôi tựa mạn thuyền  
Trăng in mặt nước cùng nhìn non nước càng xinh  
Sơn thủy hữu tình  
Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình giải trí trong khoang  
Tay lựa cung đàn  
Tiếng cao gieo giắt, tiếng trầm nắn nỉ thiết tha*

(Hát quan họ)

Nhiều hơn là những câu hát nói lên tâm tình của yêu đương:

*Hôm qua tát nước đầu đình  
Bỏ quên cái nón dười căng hoa sen  
Bắt được cho chúng anh xin  
Hay là em để làm tin thì làm.*

(Ca dao)

*Áo anh sứt chỉ đường tà  
Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu  
Áo anh sứt chỉ từ lâu  
Muốn mượn cô ấy vào khâu cho cùng.*

(Ca dao)

Cũng có những câu hát để chòng ghẹo lẫn nhau:

*Trống quân có đĩa thịt bò  
Những anh không vợ đi mò cả đêm.*

(Hát trống quân)

*Trống quân trống quít trống còi  
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta  
Trống quân anh đánh dịp ba  
Lúc vào dịp bảy, lúc ra dịp mười*

(Hát trống quân)

Cũng có những câu đố thách đố lẫn nhau:

*Cái gì mà thấp, cái gì mà cao?  
Cái gì sáng tỏ như sao trên trời?  
Cái gì anh trải em ngồi?  
Cái gì tha thân ra chơi vườn đào?  
Cái gì mà sắc hơn dao?  
Cái gì phơi phới lòng đào hồi anh?*

Đã có câu thách đố, lẽ phải có câu trả lời:

*Đất thấp ông trời thì cao*

*Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao trên trời  
Chiếu hoa em trải anh ngồi  
Đêm nằm mơ tưởng ra chơi vườn đào  
Nước kia nó sắc hơn dao  
Trứng gà phơi phơi lòng đào hỡi em.*

Giữa câu hát, trai gái rất nhiều câu khen tặng nhau:

*Cổ tay em trắng như ngà,  
Con mắt em liếc như là dao cau,  
Miệng cười như thể hoa ngâu,  
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.*

Và các cô gái thường có những câu hát dẫn đò:

*Thân em như tấm lụa đào,  
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai?  
Thân em như đóa hoa tươi,  
Phải chăng chàng thật là người yêu hoa?*

Lại có những câu hát làm quen:

*Lạ lòng tôi mới tới đây  
Lạ thung lạ thổ tôi nay lạ nhà  
Ba cô tôi lạ cả ba  
Bốn cô lạ bốn biết là quen ai  
Đến đây lạ cả bạn trai  
Lạ cả bạn gái biết ai mà chào?  
Bây giờ biết nói làm sao?  
Biết ai quen thuộc mà nào trình thưa?  
Cô cả cô hai ơi!*

(Hát ví)

Cũng có những câu hát để trai gái nói lên những lý do yêu đương của mình, những câu hát này nhắc tới những điều đáng yêu của đôi bên. Dưới đây là những câu để chàng trai trình bày cùng cô gái tại sao chàng yêu cô:

*Một yêu tóc để đuôi gà,  
Hai yêu lời nói mặn mà có duyên;  
Ba yêu má lúm đồng tiền,  
Bốn yêu răng lánh hạt huyền kém thua;*



*Năm yêu cô yếm đeo bùa,  
Sáu yêu nón thượng quai tua dịu dàng;  
Bảy yêu nét ở khôn ngoan,  
Tám yêu ăn nói lại càng thêm xinh;  
Chín yêu em ở một mình,  
Mười yêu con mắt hữu tình với ai.*

Chàng ai đã yêu cô gái qua mười lý do. Ở đây tôi tưởng cần phải nói rõ về điểm thứ tư: Ngày xưa cho tới hồi tiền chiến, ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, ta có tục nhuộm răng đen, nhất là tại các vùng quê. Răng đen nhưng phải đen nhút như hạt huyền mới đẹp, hay ít ra cũng phải đen như hạt na già.

Những hàm răng không đủ đen, lại loang lổ ta gọi là răng cải mả thì dù người đẹp cũng giảm vẻ đẹp rất nhiều.

Có câu hát trên đề nói lên mười điều đáng yêu của cô gái, cũng lại có câu hát mười yêu khác nói tới những điều chẳng đáng yêu của cô gái chút nào:

*Một yêu em béo như bò,  
Chân tay ngắn ngủi đít to như giành;  
Hai yêu mắt toét ba vàng,  
Đầu đuôi khóe mắt nhử xanh bám dày.  
Ba yêu tới cặp môi dày,  
Mỗi khi ăn nói bầy nhầy rãi ra.  
Bốn yêu bộ mặt rỗ hoa,  
Lại thêm em có nước da mực tàu.  
Năm yêu mái tóc trên đầu,  
Hôi như tổ cú chấy bâu hàng đàn.  
Sáu yêu tính khí ngang tàn,  
Bạ ai em cũng oang oang chửi liền.  
Bảy yêu lời nói có duyên,  
Chua như mề mửa xỏ xiên cả trời.  
Tám yêu những lúc em cười,  
Trông xinh bằng mẹ đười ươi hiện hình.  
Chín yêu dáng điệu hữu tình,  
Đi đâu đổ quán xiêu đình như chơi.  
Mười yêu khi đứng lúc ngồi,  
Xổ tràng trung tiện sấm trời phải thua.*

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu hát để chòng ghẹo các cô gái, chứ ở đời đã mấy ai có đủ *mười đức tính đáng quý* như câu hát nêu ra.

Những câu hát tương tự không phải hiếm, tại các địa phương thường có những câu hát khác nhau. Trong *Phong lưu đồng ruộng*, soạn giả đã có dịp nhắc tới một câu hát nói về *Cô gái Sơn Tây yếm thủy tây giần*, với những điều cũng đáng nực cười không kém chi *mười cái đáng yêu* của cô gái trong câu hát trên.

Tóm lại các câu hát qua những giọng điệu tuy khác nhau nhưng nội dung không khác nhau bao nhiêu. Có câu hát dùng cho lối hát này lại dùng cả cho lối hát khác. Và phần nhiều những câu hát đều là những câu ca dao; không biết những người hát đã dùng ca dao để hát hay chính những câu hát đã chuyển thành ca dao.

## Những câu hát trong khi làm việc

Người bình dân thường sống cuộc đời làm lụng vất vả, một nắng hai sương. Trong lúc làm lụng để quên mệt nhọc, họ thường dùng những câu hát để trợ lực cho mình và cũng là để giải khuây cùng chúng bạn làm việc. Mỗi việc làm đều có giọng hát riêng, nhưng các giọng hát này đều có một điểm giống nhau là hát mà không có nhạc đệm. Muốn hát, người lao động bình dân cứ cất tiếng ca, cốt sao cho âm thanh êm ái, cao thấp cho nhịp nhàng, dài ngắn cho ngân nga, người nghe thấy êm dịu là khúc hát đã thành công.

Hát trong việc làm có nhiều giọng khác nhau bởi việc làm của mỗi người không giống nhau.

### Hát dò đưa

Hát dò đưa là giọng hát của các cô cậu lái dò lúc chở dò hát lên theo nhịp với cây chèo khua trên mặt nước.

Giọng hát dò đưa thường êm êm buồn buồn tạo cho người ta có một tâm trạng yếu đuối và dễ bị cảm dỗ. Câu hát dài ngắn không đều, nhưng giọng bao giờ cũng buồn như gió lướt.

Cha mẹ thường cấm con gái nghe giọng hát dò đưa, và ca dao cũng có câu:

*Trai khôn tránh khỏi vợ thừa,*

## *Gái khôn tránh giọng đò đưa mới là!*

Thực ra giọng hát đò đưa miền Bắc chỉ là một giọng hát huê tình, và các cô cậu lái đò trong khi chờ đợi đưa khách qua sông để tâm hồn được thông cảm với nỗi niềm riêng thường hát lên. Các cô cậu hát thường không phải để quyến rũ ai, mà cũng không phải hát cho một thính giả nào. Các cô cậu hát cho mình, nhưng cha mẹ các cô gái cứ luôn luôn dặn dò các cô phải coi chừng giọng hát đò đưa.

Giọng hát đò đưa thật quyến rũ, theo Mai Văn Lương trong La Chanson Annamite(9), phải kể tới giọng hát đò đưa miền Trung, nhất là giọng hát của các cô lái đò trên sông Hương ở Huế, giọng hát này, tức là hò Huế, sẽ được trình bày riêng ở sau.

Lối hát đò đưa cũng rất thịnh ở vùng Nghệ Tĩnh, các cô cậu trai gái lái đò vừa chèo thuyền vừa hát một mình hoặc có đôi đáp với nhau. Hát một mình, dù trai hay gái hát, gọi là *hát buông*, còn hát có đôi đáp gọi là *hát cuộc*. Khi hát cuộc hoặc hai chiếc thuyền đi song song với nhau, hoặc chiếc nọ đi sau chiếc kia trên cùng một dòng sông.

Người hát ngoài trai gái lái đò, có thể là khách đi đò.

Chèo đò thường vất vả, dãi nắng dầm sương mà công sá chẳng đủ ăn, do đó trong lúc hát buông các lái đò thường nhắc đến tình cảnh của mình:

*Cau khô ăn với hạt bèo,  
Lấy chông đò dọc ráo chèo mà ăn.*

Nghề chèo đò có kiếm được bao nhiêu, nghỉ chèo, chèo ráo nước cũng là thiếu tiền ăn!

*Một trăm ông lái đò thanh nhàn  
Không thương trai bạn cơ hàn nắng mưa!*

Hát đò đưa tuy là một giọng hát trong lúc làm việc nhưng khi trai gái đối đáp đã biến thành lối hát trao tình.

Sông rộng trời cao, gió mát trăng trong, trước cảnh đẹp lại gặp người đẹp, hỏi trai gái nào khỏi động tâm. Họ hát với nhau, họ trao đổi tình duyên, họ hẹn hò căn dặn, mai sau có nên duyên hay không là chuyện khác. Họ hãy biết ngày nay gặp gỡ, cùng nhau hát trong một cuộc đưa đò, cùng trao nhau những lời êm dịu qua câu hát để hưởng lấy đêm trăng, để hưởng lấy cảnh

đẹp và để hưởng lấy sự triu mến nũng nịu qua những lời hát ái ân, lấy mái chèo làm nhịp, khua xuống mặt nước như nhạt như khoan.

Trên những dòng sông, thuyền bè qua lại, đã có biết bao mối tình được bắt đầu, được gửi lại hoặc được kết thúc tốt tươi.

Đây là lời dặn dò nhau:

*Anh xuôi năm bảy tứ thầy,  
Để em lẻ bóng trên này sao yên?  
Anh về cho chóng mà lên,  
Đừng vui dưới nọ mà quên trên này!*

Dặn dò rồi nhớ nhung:

*Từ ngày nhỏ nọc lui thuyền,  
Sông bao nhiêu khúc, dạ em phiền bấy nhiêu.*

Hoặc gắn bó:

*Sông sâu sóng vỗ rập rình,  
Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu.*

Hoặc trách móc:

*Nước lên sắp lấp cầu dầy,  
Anh quen em mới được một ngày thuyền lui.*

Rồi chia tay đôi bên có người chờ đợi:

*Nước ngược anh bỏ sào xuôi,  
Khúc sông bỏ vắng có người sầu riêng.*

*Nước chảy cho đá trôi nghiêng,  
Anh vui chung thiên hạ, em sầu riêng một mình.*

Khúc hát đò đưa thật là thú vị, nó đã làm cho các cô cậu lái đò đỡ vất vả trong lúc chèo thuyền, và cùng các cô cậu vui đời, yêu đời mặc dù đời chèo thuyền trên sông nước một nắng hai sương,

Những câu hát ái ân, những câu hát triu mến, các cô gái tuổi mới lớn quên làm sao được, và giữ làm sao để tránh giọng hát đò đưa như lời khuyên nhủ

của mẹ cha:

*Mẹ cha khuyên nhủ sớm trưa,  
Nhưng em vẫn hát hò đưa cùng chàng!*

Chính vì vậy trên các khúc sông vẫn luôn vọng lên tiếng hát, trai hát mà gái cũng hát, và cũng có thể rằng một cuộc hát hò đưa bắt đầu cho một hảo lương duyên.

Khách đi hò đôi khi thấy các lái hò ca cũng cả hứng nảy tình đôi đáp mười câu, có khi cả một cuộc hành trình để lưu lại một kỷ niệm với con sông.

*Sông bao nhiêu nước cũng vừa,  
Đôi ta giọng hát hò đưa khác gì!*

## **Hò kéo gỗ**

Đây là lối hò đặc biệt của những người chung sức làm một công việc nặng, nhất là những người kéo gỗ.

Đặc biệt trong giọng hò kéo gỗ bao giờ cũng có điệp khúc là mấy tiếng *hò dô ta*.

Một bọn người cùng nhau kéo cây gỗ. Cây gỗ nặng, sức người cố gắng nhưng cây gỗ không nhích được bao nhiêu. Để làm nhịp cho mọi người cùng ra sức kéo một lúc và để đỡ sự mệt nhọc, một người hát lên một câu hát, thường là một câu hát vui hoặc một câu về tình ái. Câu hát chấm dứt, tất cả đoàn người đều cất tiếng *hò dô ta* rồi cùng cố sức kéo.

Thí dụ:

*Dô ta kéo gỗ làm đình,  
Con gái vô tình thì để vú ra!  
Hò dô ta!*

Không phải mọi người chỉ nhắc lại một lần *hò dô ta*, mà họ nhắc lại đôi ba lần. Nhắc lại tiếng *hò dô ta* lần đầu để gắng sức, những lần sau để thở.

Vừa hát vừa làm việc, công việc xong, họ cũng ngừng hát.

Người cất tiếng hát phải tìm những câu ngộ nghĩnh để đồng bạn cùng vui,

công việc mới nhanh chóng và đỡ mệt.

## Hò tát nước

Các thiếu nữ đồng quê, lúc cùng nhau tát nước, để vui công việc, họ có những câu hát riêng, không giống những câu hát lúc họ hát trao tình với các bạn trai. Trong câu hát, có tiếng bắt chước tiếng nước tát từ ao sang ruộng hoặc từ sông vào đồng:

*Thì thuôm! Thì thuôm!  
Tát nước ao chuôm,  
Bóng trắng soi xuống, trăng sông soi vào!  
Thì thào! Thì thào!  
Nước chảy ào ào!  
Cầu trời cho trận mưa rào tháng năm.*

Tiếng gâu sòng, tiếng gâu dai vục xuống mặt nước, mức nước lên, đổ nước vào đồng phải chăng là những tiếng đệm cho câu hát.

Hai cánh tay tuy mỏi vì tát nước, nhưng câu hát nhịp nhàng cất lên giữa hai người cùng tát nước như có sức làm tiêu tan sự mệt nhọc, và các cô thiếu nữ, sau một buổi tát nước đêm, thấy nước trắng xóa trong ruộng nhà, lòng các cô phơi phới, hớn hờ vì công việc đã xong, và vui vẻ xếp gầu cùng nhau ra về!

## Hát ru em

Ru em cũng là một việc làm của người dân quê. Ta có câu:

*Xay lúa thì đừng ẵm em,  
ẵm em thì đừng xay lúa.*

Ru em là một phần trong công việc ẵm em. ẵm em, ru cho em ngủ, còn để đi làm việc khác, hoặc cùng nghỉ ngơi với giấc ngủ của em.

Ru em phải hát với giọng êm êm để đưa em vào giấc ngủ.

Gọi là ru em, nhưng thường thì bà ru cháu, mẹ ru con, chị ru em nào cũng có, nhưng chị còn bận nhiều công việc khác ở trong nhà, ở ngoài đồng hơn.

Về mùa hè, bà ru cháu, hoặc mẹ ru con thường nằm võng, tiếng võng đưa

kèo cà kẻo kẹt như làm điệu cho nhịp hát, và võng đưa tạo nên luồng gió nhẹ nhàng khiến cho cháu ngủ theo giọng hát của bà và bà cũng thiu thiu ngủ cùng với cháu.

Hát ru em thường bắt đầu bằng hai tiếng *À ơi!* hoặc *Bồng bồng*.

Câu hát là những câu ca dao, nhưng cũng có những câu chỉ dùng để hát ru em:

*Bồng bồng mẹ bế con sang,  
Đò dọc quan cấm đò ngang không chèo;  
Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Hoặc:

*À ơi! Cái ngủ mà ngủ cho lâu,  
Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chưa về!*

Hoặc:

*Bồng bồng! Cái bóng là cái bóng bình,  
Thối cơm gánh nước một mình bóng xoi!  
Bồng bồng! Cái bóng là cái bóng bang,  
Mẹ bóng yêu bóng bóng càng làm thơ.*

Những câu hát ru em thường nhiều câu chẳng có ý nghĩa gì hoặc đôi khi là những điều ước mong của người mẹ về đứa con:

*Mẹ ru con ngủ cho ngoan,  
Mai sau con lớn con nên thân người.*

## **Hát chẵn trâu**

Các trẻ em ở thôn quê thường phải giúp đỡ cha mẹ, mà trong các công việc giúp đỡ cha mẹ, chẵn trâu là một. Ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, các trẻ em lên chín lên mười đã được cha mẹ giao cho nhiệm vụ chẵn dắt trông nom một con trâu, và công việc này các em, trai cũng như gái, thường làm rất trọn vẹn cho đến năm mười lăm mười sáu tuổi, khi các em có thể giúp đỡ cha mẹ trong các công việc khó khăn.

Trong lúc cho trâu đi ăn cỏ, các em họp đoàn cùng nhau, bày những trò vui, và có khi các em ca hát với nhau. Vua Đinh Tiên Hoàng thưởng nhỏ cũng đi chăn trâu và thường cùng các bạn *cờ lau tập trận*. Theo lời tương truyền để lại, trong lúc chăn trâu, chơi tập trận, nhà vua cùng chúng bạn thường hát câu hát sau đây:

*Cây cỏ ấy nước non này,  
Nước non quanh quất cỏ cây xanh rì.  
Rừng hoang cỏ rậm để chi,  
Phen này ta quyết dọn đi cho rồi!  
Này này chúng bạn ta ơi!*

Những khi ngồi trên mình trâu một mình, các em vừa cho trâu gặm cỏ ở bờ đê, vừa thổi sáo hoặc cất tiếng hát:

*Ngày xưa Ninh Thích chăn trâu,  
Mà rồi mang ấn công hầu trâu ơi!  
Ngày nay mình ghé ta ngồi,  
Mai sau ta có một đời hiển vinh?*

Ở vùng Nghệ Tĩnh, các em chăn trâu có rất nhiều câu hát:

*Tru (trâu) một mà cột con da (cây đa),  
Tru (trâu) đôi ăn kẹ (bờ ruộng), tru ba ăn côn (bãi),  
Cù cu (chim cu) tát nước ao bèò,  
Mai đòi tru (dẫn trâu) lên trại ai rèo (chăn) cho mi?*

Trước cảnh đồng ruộng bao la, các em cất cao giọng hát như muốn thông cảm với đất trời:

*Thua choa (chúng tao), biết sự thua choa!  
Mai đòi tru (trâu) lên trại, trải chiếu hoa cho ngồi.*

Hát chăn trâu, các em vùng Nghệ Tĩnh có những tiếng ời ời kéo dài đệm cho câu hát, nghe như tiếng gọi nhau. Các em có những bài hát về đủ mọi điều, có khi về đám giỗ:

*Trách người quân tử vô tình,  
Hôm qua có giỗ không cho mình vắt xôi!*

Đối với lời trách móc không biểu năm xôi, em nhà có giỗ đã không ngần ngại hát đáp:



*Giỗ thì anh nỏ (chả) mua vàng,  
Xôi thì xôi độ (đậu) ngái (xa) đàng không đem.*

Cũng có khi các em hát chòng ghẹo nhau:

*Đứa mô (nào) không chộ (thấy) thì mù,  
Có không con gái cội (cười) tru quặp sừng.*

Trong đám chẵn trâu có các em lớn, mười lăm mười sáu tuổi trở lên, các em đã biết hẹn hò với nhau:

*Năm ni em mắc chẵn tru,  
Vài năm chi nữa về làm du (dâu) mẹ thầy.*

*Năm ni anh mắc chẵn bò,  
Vài năm chi nữa về lo việc nhà.*

Hát chẵn trâu tuy là lời hát của trẻ em, nhưng nhờ những câu hát các em đã vui với công việc của mình.

## Những giọng hát trao tình

Tại miền Bắc có ba lời hát trao tình, chính là hát ví, hát quan họ và hát trống quân, rồi từ những giọng hát chính này nó biến thể ra những giọng hát khác.

### Hát ví

Hát ví là lời hát thông thường nhất ở trung du và trung châu Bắc Việt. Ở nhiều nơi ở miền Đông Bắc Việt, lời hát này còn được gọi là *hát đúm*. *Hát ví có thể được coi là một bài hát làm quen*(10). Đây là lời hát của những người mới gặp gỡ nhau và *cuộc hội ngộ có thể được kéo dài*(10). Hát ví có đôi và có đáp, có hát để gắn bó và có hát để chia tay. *Bài hát ví là một khúc tình ca nho nhỏ*(10) và người hát ví thường dựa vào cảnh vật để nói lên tình ý của mình.

Hát ví trong lúc làm việc và cũng hát trong những đám hội, nhất là về vùng Bắc Giang.

Ai đã có dịp qua con đường cái quan mà hai bên là đồng ruộng, trên đường khách bộ hành qua lại, dưới ruộng thợ đồng làm việc, nam có, nữ có, người cày ruộng, người cấy lúa?

Ở quãng đường này, cách đây mấy chục năm về trước những chàng trai trẻ đi qua đám ruộng thường bị các cô gái hát trêu:

*Bảo này:*

*Hỡi người đi đường cái quan,  
Dừng chân đứng lại em than vài lời.  
Đi đâu vội mấy anh ơi,  
Công việc đã có chị tôi ở nhà.  
Anh cả anh hai đó ơi!*

Bắt đầu câu hát, người hát thường gọi lên hai tiếng *bảo này* như muốn cho người nghe chú ý tới câu hát của mình, và cuối câu hát thường đệm bằng mấy tiếng *Anh cả anh hai đó ơi!* hoặc *Chị cả chị hay đó ơi!* để báo cho người nghe biết câu hát của mình đã dứt, để người nghe sửa soạn hát đáp với mình.

Người khách bộ hành đi trên đường, nghe giọng hát đầy quyến rũ, lời ca đậm ảm, ngập ngừng rồi đứng lại để đáp lời làm quen của cô bạn gái dưới đồng.

Cô bạn gái đang cắt cỏ chẳng? Chàng trai - vì khách bộ hành thường là một chàng trai mới được các cô gái ghẹo - liền hát lại:

*Bảo này:*

*Cô kia cắt cỏ một mình,  
Cho anh cắt với chung tình làm đôi.  
Cô còn cắt nữa hay thôi,  
Để anh cắt với làm đôi vợ chồng.  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Thật là kẻ Bưởi vợ vào! Mới làm quen đã tính chuyện vợ chồng!

Câu hát có khi của chàng trai còn khăng khít hơn:

*Bảo này:*

*Cô kia cắt cỏ bên sông,*

*Có muốn ăn nhãn thì lòng sang đây!  
Sang đây anh nắm cổ tay,  
Anh hỏi câu này: có lấy anh không?  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Chàng trai hát trả lời cô gái vì lịch sự và vì phong nhã, chàng trai muốn gây chút cảm tình làm quen. Có chàng trai cứ cầm đầu đi mặc cho cô gái đồng hát gheo. Chàng trai rảo bước đi, cô gái không tha, hát theo:

*Bảo này:*

*Ma kéo hay là ma lôi,  
Mà chàng nữ bỏ lời tôi chàng về.  
Anh cả anh hai đó ơi!*

Có chàng trai đi thẳng, nhưng cũng có nhiều chàng trai bực mình với các cô gái dưới đồng, chàng đứng lại, hát chọc một câu xuyên tâm:

*Bảo này:*

*Cô kia mà hát gheo ai,  
Cái mồm méo xệch như quai chèo đò.  
Có muốn anh nấn lại cho,  
Ngày mai chèo đò ăn bát cơm thiu!  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Hát xong chàng bỏ đi thẳng, mặc cho cô gái muốn trả lời hay không.

Cũng có trường hợp chàng trai hát những câu sâu cay hơn:

*Nhà em tội lỗi gì đâu,  
Mà em đi chông phao câu lên trời?*

Đây là chàng trai có ý moi móc cô gái đang cấy lúa, đầu cúi xuống và bộ môn chông ngược trở lên.

Tuy là gái quê, nhưng các cô cũng chẳng phải tay vừa. Bị hát châm chọc, các cô cũng hát lại:

*Nhà em chẳng tội lỗi gì,  
Em chẳng đi chông, lấy gì anh xoi?*

Câu hát rất đúng, đúng về nghĩa đen, nhưng cũng lại rất đau đớn về nghĩa bóng. Về nghĩa đen, các cô không đi chổng, nghĩa là đi cấy lúa, làm sao có gạo, còn về nghĩa bóng - chổng đây tức là đi đại tiện.

Thật là cay cú cho chàng trai, bị vố đau đớn, chẳng còn cách gì hơn là bỏ đi thẳng, vừa đi vừa làm bầm rửa thềm lũ thợ cấy chua ngoa... Còn các cô, các cô tiễn theo chàng trai những chuỗi cười khiến cho chàng phải rảo bước đi mau hơn. Chàng không thể trách các cô được, tuy câu hát của các cô có hơi tàn nhẫn, vì sinh sự thì sự sinh, chàng hát câu sâu cay, chàng phải chịu những câu sâu cay hơn đáp trả. Các cô gái bao giờ cũng sẵn sàng những câu ứng biến đối với những chàng trai thiếu lịch sự. Như câu chuyện sau đây:

Các cô thợ cấy miền Bắc trước đây đi cấy thường mặc váy, *chiếc quần một ống không đậy*. Trong lúc làm việc đôi khi gió lộng hoặc các cô vô ý, thân váy tốc ngược lên. Có chàng trai ngẫu nhiên được trông thấy nơi kín đáo nhất của một cô, thật thiếu lễ độ và lịch sự:

*Tám vải đáng giá bao tiền  
Mà em để cả tổ tiên ra ngoài?*

Thật đáng giận chưa? Khi không mà bị chàng trai hát sượng, có lẽ nào cô gái để yên. Cô suy nghĩ rồi cô hát đáp:

*Nhà em tiết kiệm đồng tiền  
Xin anh rước lấy tổ tiên về thờ!*

Câu hát đáp mới thật là chua ngoa. Cũng ở chàng trai gieo gió thì gặt bão.

Bị câu hát làm cho tím mặt, chàng trai hoặc tìm những câu hát khiếm nhã hơn, hoặc làm thinh bỏ đi thẳng, thường thì đi thẳng cho êm đẹp, vì đối với bọn con gái chua ngoa mồm mép con trai đáp sao cho lại.

Chàng trai đi thì mặc chàng, các cô gái lại cúi xuống tiếp tục những công việc của mình bên những trai làng.

Rồi trong đám trai làng, một chàng cảm nhan sắc của một cô gái làng, từ lâu vẫn muốn ngỏ nỗi lòng nhưng chưa có dịp nào thuận tiện. Hôm nay trời đẹp, ánh bình minh tươi sáng, mùi đất được cày vỡ nồng nàn, lòng chàng phơi phới, chàng liếc nhìn cô gái, rồi chàng đánh bạo hát:

*Bảo này:*

*Cô kia yếm trắng lòa lòa,  
Lại đây đập đất trồng cà với anh.  
Bây giờ cà chín cà xanh,  
Anh cho một quả để dành mớm con!  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Chàng trai hơi sỗ sàng, nhưng đây chỉ là nhự sỗ sàng của người đồng quê chất phác.

Cũng có những chàng trai tế nhị hơn, hát xa xôi hơn nhưng vẫn vơ vào phần mình:

*Bảo này:*

*Cô kia má đỏ hồng hồng,  
Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai?  
Buồng không lần nữa hôm mai,  
Đầu xanh mấy chóc da môi tóc sương!  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Lời nói thật là khéo léo! Nhưng với những lời khéo léo ấy, cô gái chẳng động tâm; chàng trai cho rằng cô gái đã mắc mưu nơi nào; chàng hát xa hát gần:

*Bảo này:*

*Cô kia đi đường này với ta,  
Trồng đậu đậu tốt, trồng cà cà sai.  
Cô kia đi đàng ấy với ai,  
Trồng bông bông héo, trồng khoai khoai hà!  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Và có khi chàng trai lúc bắt đầu rụt rè, nhưng với giọng hát, nhất là khi được cô gái đối đáp một đôi lời, chàng trở nên quyết liệt:

*Bảo này:*

*Cô mình ơi! Anh quyết với cô mình,  
Công anh đan dúi chẳng có thành thì thôi!  
Con sông kia, bên lở có bên bồi,  
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong;  
Con sông kia nước chảy đôi dòng,*

*Biết rằng bên đục bên trong bên nào!  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Trên đây chỉ là những câu hát nhắc lại những cuộc gặp gỡ giữa đường hoặc cùng làm việc với nhau.

Thật ra, trai gái đã yêu nhau vì tình đã quen hơi bén tiếng vì giọng hát câu ca, trai thường tìm đến làng gái để hát một vài canh, trong khi gái vừa làm việc vừa đối đáp với trai. Và những canh hát đối đáp này, thường khi đã kết quả bằng những lứa đôi tốt đẹp.

Đây là chưa nói đến hát hội.

Tại các đám hội xuân miền Bắc, nhất là tại các vùng Trung du, trai gái gặp gỡ nhau dùng miếng trầu mời hát để vui ngày hội, rồi cùng hẹn hò nhau tới những hội sau để cùng hát. Hoặc những cặp trai gái đã quen biết nhau, họ cùng hẹn nhau tới các đám hội để cùng nhau nối tiếp sự trao tình qua câu ca giọng hát.

Ở các đám hội, trai gái như có quyền tự do cùng nhau trao đổi câu ca tiếng hát để nói lên sự yêu đương tưởng nhớ của mình. Lễ giáo Việt Nam tuy khe khắt, nhưng tục lệ các làng lại rất rộng rãi trong các buổi hội xuân, cho trai gái được tự do luyện ái, miễn là sự luyện ái đừng đi tới trò trên bọc trong dâu.

Hát ví là giọng hát để làm quen mà cũng là giọng hát để đôi bên lưu luyện nhau:

*Bảo này:*

*Mình về ta chẳng cho về  
Ta nắm cổ áo ta đề bài thơ  
Bài thơ ba chữ rành rành  
Chữ "trung", chữ "hiếu", chữ "tình" là ba  
Chữ trung thì để thờ cha  
Chữ hiếu thờ mẹ đôi ta chữ tình  
Cô cả cô hai đó ơi!*

Trong những buổi hội xuân, với các đám hát vì quang cảnh thật là vui. Trời xuân lạnh lạnh, có khi mưa xuân lớt phớt. Những cô gái quê khăn mỏ quạ, má ửng đỏ vì tiết trời, đứng tùm nùm ba cùng những bạn trai khăn đóng áo dài, vẻ mặt trung hậu chân thành, cùng nhau hát những lời yêu đương,

thật là êm ái. Một đám hội không phải chỉ có một đám hát, mà có rất nhiều đám hát, Đằng sau chùa, đằng trước chùa, bên bờ ruộng, cạnh đường làng, chỗ nào cũng là chỗ để trai gái tụ tập ca hát.

Hát ví thịnh hành khắp miền Bắc, nhưng hát ví trong ngày hội thường chỉ nhiều tại mấy tỉnh trung du như Bắc Giang, Bắc Ninh v.v...

## **Hát ví Nghệ, Tĩnh**

Từ trên, tôi mới trình bày về lối hát ví ở miền Bắc. Ở các tỉnh Nghệ, Tĩnh cũng có hát ví, và người dân quê ở vùng này, dù nam hay nữ không ai là không biết hát ví, vì ở đây hát ví cũng như ngoài Bắc, là một lối dân ca người đồng quê rất ưa thích.

*Tục hát ví trước đây rất thịnh hành, chẳng những bình dân ca hát mà cả đến lớp nho sĩ cũng ham chuộng(11).*

*Hát lên ta nhờ ta nhờ,  
Mấy khi đèn hạnh soi nơi quuyến vàng.*

Người ta hát theo những câu hát cũ hoặc đặt ra những câu hát mới. Những ai không biết cất điệu uốn giọng thì hát đệm cho người khác. Vì cho rằng có không biết hát nữa, đi dự đám hát, nghe người khác hát, theo dõi từng câu từng ý, từng cách lấy điệu tìm lời, từng giọng hát để thưởng thức, hiểu được lời, biết được điệu hát, rõ được giọng hay, dù chính mình không hát, cái thú của hát ví vẫn đến với mình.

Cũng như ở ngoài Bắc, hát ví là lối hát đối đáp, bên nọ lên tiếng bên kia trả lời, trả lời sao cho câu hát ăn với câu hát của người lên tiếng. Muốn như vậy, các trai gái hát ví phải ứng khẩu hát ngay tại chỗ nhiều câu hát mới tự đặt ra nếu không tìm được những câu hát cũ. Người dự hát phải chú ý nghe câu hát của người cất tiếng rồi lúc hát đáp vừa cất giọng hát vừa suy nghĩ để lựa chữ tìm vần. Cũng nhiều khi họ dùng những câu có sẵn đã lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, đã ăn sâu vào trí óc họ.

Sau những ngày làm lụng mệt nhọc, người dân quê vùng Nghệ, Tĩnh cũng như bất cứ người dân quê nơi nào ở Việt Nam, cũng cần phải giải trí, và hát ví chính là một thú giải trí tao nhã vừa làm tiêu tan được được sự mệt mỏi, vừa làm phấn khởi tinh thần con người để vui với việc làm.

*Lắng tai nghe tiếng em "đàn",*

*Bằng ai buông chén ngọc đổ vào gan lạnh lòng!*

Đàn đây tức là hát ví. Câu hát đã làm rung động lòng người nghe và đem lại sự ấm áp giữa trời lạnh lẽo.

Hát ví là một sự trợ lực cho việc làm, bởi vậy có làm việc là có hát ví như tục *hát phường vải* ở Nam Đàn (Nghệ An), *hát phường chiếu* ở Can Lộc (Hà Tĩnh), *hát vá lưới* ở các bờ biển, *hát phường buôn* ở các vùng kẻ chợ, *hát phường cấy* trong các vụ gặt cấy v.v...

Hát để giải mệt, hát để trợ lực cho việc làm, nhưng cũng lại là dịp để trai thanh tân, gái yêu điệu tìm hiểu hơn, và đã hơn một lần, những cuộc nhân duyên tốt đẹp đã bắt đầu bằng một canh hát ví như ở ngoài Bắc vậy.

Trong khi làm việc trai gái hát ví với nhau, nhưng các cụ già luôn theo dõi cuộc tranh tài của đôi bên, nhất là các cụ bà, và thỉnh thoảng lại nhắc lời nhắc ý cho con em. Các cụ thường khuyến khích trai gái thương yêu nhau để đi đến những lứa đôi cầm sắt, nhưng trong việc thương yêu, đôi bên đều giữ gìn kính trọng lẫn nhau, và chính các cụ già cũng vừa khuyến khích các cô các cậu nhưng cũng lại canh chừng để giới hạn những cử chỉ yêu thương chỉ ở trong vòng lễ giáo.

Hát ví, trai gái lựa câu để nói với nhau, để giải bày tâm sự với nhau. Thằng hoặc có chàng trai nghèo, gặp một cô gái nhà giàu kiêu kỳ hợm hĩnh, chàng không ngần ngại gì không nói rõ sự lựa chọn lứa đôi của mình:

*Trèo lên cây chuối cao tàu,  
Vừa đôi thì lấy ham giàu mãn chi?*

Cô gái cũng chẳng phải vừa! Chàng trai đã miệt thị sự giàu có, nàng phải cho biết cái giàu là điều vẫn hơn:

*Ham giàu răng lại mãn chi?  
Trâu cày, ruộng cấy, có khi thuê phường.*

Thuê phường để phường hát đối đáp cho mà nghe tạo nên cảnh phong lưu vui vẻ.

Thường những câu hát ví Nghệ, Tĩnh xoay quanh câu chuyện yêu đương; giữa trai gái phải có yêu đương, có yêu đương mới nảy trí, có nảy trí lời hát mới hay:



*Ba trăm năm nước cũ thanh bình,  
Mừng nay gió mát trăng thanh một trời.  
Thư hương mừng khách anh tài,  
Lạ quen xin có mấy lời chào nhau.*

Đó là câu hát lúc mở đầu đôi bên mới gặp nhau. Ý nghĩa câu hát thật là đẹp và tình tứ biết bao, nhất là khi câu hát lại do một thiếu nữ xinh đẹp hát lên.

Và chàng trai cũng đáp lại bằng một câu hết sức lịch sự, vừa nói lên sự hân hoan của mình, lại vừa ngợi khen nhan sắc của người đẹp.

*Gặp hồi gió mát trăng trong,  
Không đi thì sợ phụ lòng Hằng Nga.  
Hữu tình ta lại gặp ta,  
Biết nhau một tiếng đã là biết nhau!*

Đã lịch sự chưa? Phụ lòng Hằng Nga tức là phụ lòng người đẹp đang đối đáp với mình, và người đẹp khả dĩ sánh với Hằng Nga.

Nhiều khi trai gái mới gặp gỡ nhau trong buổi hát đầu tiên, cô gái thấy chàng trai hướng tới mình nhưng không biết chàng trai đã có nơi chốn nào chưa. Cô kín đáo hỏi thăm qua câu hát:

*Biết nhau biết tự buổi đầu,  
Còn e núi thẳm sông sâu thế nào?  
Trăm năm chút phận má đào,  
Chín khôn một đại làm sao cho tròn!*

Lẽ tất nhiên, nếu chàng trai thật lòng thương yêu cô gái, chàng cho cô gái biết tình trạng gia đình của mình:

*Sách đèn chặm phận nam nhi,  
Đại khoa trước đã, lo gì tiểu khoa.  
Cầu Ô đợi bến Ngân Hà,  
Ngư câu gieo lá mới là đêm nay.*

Trong những buổi hát, có những chàng trai than thở về mối tình bị chia cắt:

*Chim bay về núi tối rồi,  
Gửi thư, thư chậm, gửi lời, lời quên.*

Cũng như hát ví miền Bắc, mọi trạng thái tâm hồn đều có những câu hát để

phô diễn.

Nhắc lại mối tình xưa chẳng? Họ sẽ hát:

*Nghe tin em đã có con bông,  
Anh cho riêng đồng bạc, đúc chiếc đồng cháu đeo.*

Để mĩa mai ai họ sẽ hát:

*Hoa thơm mất nhụy đi rồi,  
Về tô màu thuốc lại bán cho người đường xa.*

Để diễn tả một ý chí vững mạnh họ sẽ hát:

*Hoa tàn bướm hầy còn xinh,  
Chợ tan mặc chợ, quán với đình cứ nghiêm.*

Câu hát biến diễn theo mọi hoàn cảnh. Trước đây trong Văn hóa Nguyệt san số 69, xuất bản tháng 3 năm 1962, các tác giả Hoàng Diệp và Thiết Mai có nhắc đến câu chuyện cụ Phan Bội Châu trong một cuộc hát ví được một cô gái quê hỏi thăm một cách rất tài tình:

*Vấn quân hà tính, hà danh?  
Hà châu, hà quận? Niên canh kỷ hà?*

Câu hát chỉ có 14 chữ, lại toàn chữ Hán, mà hỏi được tới năm điều. Câu hát sau này đã được dịch Nôm:

*Hỏi anh tên họ là gì?  
Quận châu nào tới, tuổi là bao nhiêu?*

Cụ Phan đã trả lời câu hát trên và hát đáp:

*Trước Lãm Thúy, sau Hồng Sơn,  
Nhà nào đọc sách gầy đàn nhà anh.*

Qua câu trả lời, cụ Phan đã trả lời để trả lời chứ so sánh câu hỏi với câu đáp, ta thấy câu đáp không sát với ý nghĩa câu hỏi tài tình và lém lỉnh trên, đây không kể cụ đã dùng Nôm để đáp một câu Hán. Dù sao câu đáp cũng đã nói lên tính tình hào hoa phong nhã và chí khí can trường của một kẻ sĩ đất Lãm Thúy Hồng Sơn.

Hát ví Nghệ Tĩnh, ngoài những câu hát trao tình, và những câu hát nói lên tâm trạng của trai gái, còn có những câu hát đố rất khéo léo, đôi khi đến hiểm hóc, với những câu trả lời thật hay và thật tài nói lên sự ứng đối lanh lẹ của nam nữ ca hát.

Dưới đây là những câu thách lời đối đã được tác giả nhắc tới trên sách báo(11).

Thách:

*Ai xô ông Tể mà ông Tể Ngã,  
Ai lôi ông Phàn mà ông Phàn Trì?(12)  
Chàng mà đối được gái nữ nhi theo về.*

Đối:

*Ai đập ông Cô mà ông Cô Trúc?  
Ai đơm Vua Vũ mà Vua Vũ Vương?(13)  
Anh đã đối được hỏi nàng tính răng?*

Thách:

*Cô Xuân đi chợ Hạ,  
Mua cá Thu về chợ hãy còn Đông.  
Trai nam nhi đối được, gái má hồng xin theo.*

Đối:

*Anh ở bên Nam sang bán hàng thuốc Bắc,  
Chữa con gái Đông phòng cảm bệnh miền Tây.  
Ông Tư Hồng, bà Nguyệt Lão như anh sang đây kết duyên.*

Thách:

*Chi là trung, chi là đó, chi là đi.  
Rượu bỏ dào anh không uống, anh uống gì mà say?*

Đối:

*Trung là trung, trung là trĩa (giữa).  
Xích xuống tí nữa thì trung là ngay.  
Anh không say vì rượu mà nghĩ say ngài nàng.*

Trên đây là một số câu thách và đối, còn nhiều câu khác với lối chơi chữ tương tự. Cũng có một số câu cho đến ngày nay vẫn chưa có người đối được đến nơi đến chốn.

*Chữ rằng: Nhật nguyệt tịnh minh  
Ngày Nghiêu tháng Thuần, hội thái bình âu ca*

Câu này khó đối bởi hai chữ nhật (日), nguyệt (月) ghép lại thành chữ minh (明). Nhật là mặt trời, nguyệt là mặt trăng, minh là sáng. Nhật nguyệt tịnh minh là mặt trời mặt trăng đều sáng, song nhật nguyệt lại có nghĩa là ngày tháng. Ngày Nghiêu tháng Thuần chỉ sự thái bình.

*Cha con thầy thuốc về làng,  
Gánh một gánh hội hương phụ tử, thiếp hỏi chàng đối chi?*

Hội hương là về làng, phụ tử là cha con, nhưng hội hương và phụ tử lại là tên hai vị thuốc Bắc.

*Nồi đồng ba nấu cháo ba ba,  
Tam tam nhi cửu, hỏi anh đà chín chưa?*

Mấy câu trên là những câu khó đối, và lối thách đấu văn tự này thường chỉ những người có đôi chút học thức mới đem ra thử tài nhau, còn giới bình dân họ có những câu đối giản dị và bình dân hơn, đối đáp ý nghĩa ở ngay nếp sống hằng ngày, tuy vậy cũng không phải là không tế nhị và không tài tình. Ta hãy thử nghe câu đối hỏi chú thợ cày:

*Bây giờ hỏi thật chú cày,  
Một trăm gánh lúa được mấy tay mấy gò?*

Đáp:

*Hai tay úp lại một bàn,  
Một trăm gánh lúa được sáu ngàn tư tay.*

Nghe tuy giản dị nhưng câu hỏi thật khó, và câu đáp thật rành. Theo cách gặt lúa vùng Nghệ, Tĩnh hệ gặt đầy trong nắm tay là một *tay*, hai tay nhập là một *gò*, bốn gò là một *lượm*, bốn lượm bó lại thành một *bó*, hai bó là một *gánh*, mỗi gánh lúa có 32 gò tức là 64 tay, một trăm gánh là 6400 tay hoặc 3200 gò.

Và sau đây là mấy câu đố khác:

Đố:

*Anh muốn hỏi em một lời,  
Mặt trời ở đó, tróc (đầu) trời ở mô?*

Đáp:

*Anh về van đất, ấy ơi,  
Ra đây em chỉ tróc trời cho anh.*

Đố:

*Nghe tin em buôn bán tài tình,  
Hỏi em con cá rô mấy vẩy, con cá kình mấy xương?*

Đáp:

*Anh về đếm mạ giữa nương,  
Đếm người giữa chợ, thì em mới đếm được mấy xương con cá kình.*

Những câu đối đáp trong hát ví Nghệ, Tĩnh thường gắn với nếp sống hằng ngày, và cũng luôn luôn thay đổi theo trường hợp của từng người hát.

Thách thức nhau, đối đáp với nhau nhiều khi còn có những câu châm chọc nhau hoặc moi móc nét xấu hoặc hoàn cảnh của nhau, tương tự như các lối dân ca khác ở khắp Bắc, Trung, Nam.

Hát ví Nghệ, Tĩnh là một thú của dân quê, rất tiếc ngày nay không còn nữa. Hát ví vùng này đã mất, chính quyền miền Bắc bao giờ cũng chủ trương biến hóa cho đến suy tàn tất cả những cái gì còn đượm dân tộc tính và thay thế vào lối hát cổ truyền này, phải chăng là những lối hát mới tuy không hợp với tinh thần người Việt nhưng đã được chính quyền cổ võ và ép buộc người dân phải theo.

*Văn minh Đông Á trời thu sạch,  
Này lúc cương thường đảo ngược ru!*

Thi sĩ Tản Đà là một nhà tiên tri khi sáng tác hai câu thơ trên! Ngày nay cương thường thật là đảo ngược ở miền Bắc, và ở miền Nam người ta cũng đang lo sự suy đồi của văn hóa vì đụng chạm với những sản phẩm ngoại lai!

## Hát quan họ

Hát quan họ là một lối hát trao tình đặc biệt của mấy huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong tỉnh Bắc Ninh và huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Tương truyền rằng hát quan họ có từ đời nhà Lê và người đặt ra lối hát này là Hiếu Trung Hầu tên húy là Diễn làm quan dưới triều vua Lê Cảnh Hưng. Xuất thân Hiếu Trung Hầu là hoạn quan, sau được thăng Thanh Hoa Trấn đốc đồng.

Hiếu Trung Hầu quê ở xã Lũng Giang, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc. Ngoài không có con và khi chết ngài bầu hậu hàng Tổng và hàng năm tổng Nội Duệ mở hội để kỷ niệm ngài tại Đồi Lim tức là Hồng Vân Sơn.

Hiếu Trung Hầu lúc về già, đặt ra lối *hát quan họ* để mua vui.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái, qua những câu hát nam nữ tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thật thắm thiết nồng nàn.

Hát quan họ, trai gái đối đáp với nhau không cần tới âm nhạc đệm, nhưng nếu có nhạc càng hay. Trường hợp có nhạc đệm rất hiếm, và thường chỉ thấy trong buổi hát thờ ở các đình làng.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người châu miệng vào cùng nhau hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang vang vút, tiếng trầm êm ái như ru.

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính các nam nữ thanh niên vẫn dùng để đối đáp trong những ngày hội. Ba giọng đó là:

*Giọng Sổng* - Dùng để dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng Sổng ngân vút cao nghe đầm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xét ướm hỏi lòng nhau:

*Hôm nay tứ hải giao tình,  
Tuy rằng bốn bề nhưng sinh một nhà.  
Số anh phải lấy vợ xa,  
Số em không lấy chồng nhà được đâu.*

*Đã chót yêu nhau, lấy nhau cho được,  
Bỏ lòng này rày ước ao mai!*

Trên đây là một câu hát giọng Sông. Lúc hát lên những khúc đệm ý a, ý á hoặc ới ư... hoặc những tiếng láy đi láy lại để câu hát ăn với âm thanh, âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát Sông có thể dùng cho bên nam, bên nữ cũng được, lúc hát lên bên đương sự chỉ cần đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với mình.

*Giọng Vặt* - Sau khi đôi bên dạo giọng bằng một vài câu hát Sông là những câu hát Vặt để đôi bên gắn bó với nhau. Nếu giọng Sông chỉ có một giọng thì giọng Vặt lại gồm nhiều giọng: giọng buồn, giọng vui, giọng cao, giọng thấp, giọng ngắn, giọng dài. Chính vì vậy mà gọi là giọng Vặt, giọng Vặt không đồng nhất. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang, tang tít, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim líu lo nhưng nồng nàn, có khi bắt chước tiếng run để nghe buồn rầu ảo não. Giọng Vặt cần thay đổi mới nói lên đủ tình tiết yêu thương của đôi bên nam nữ.

Những câu hát giọng Vặt thường có hai câu để hai bên đối nhau, bên nọ hát lên, bên kia xướng lại dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng Sông, mỗi câu hát đều có thể dùng được cho cả đôi bên nam nữ chỉ cần thay đổi một đôi chữ trong câu hát để cho hợp với người hát:

Nam:

*Ngồi tựa vườn đào,  
Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương.  
Gió lạnh đêm trường,  
Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai.  
So chữ sắc tài,  
Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.  
Nên chằng đây vợ đây chồng!*

Nữ:

*Ngồi tựa vườn đào,  
Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những vấn vương.  
Tháng đợi năm chờ,*

*Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.  
Khán nguyệt trăng già,  
Duyên tơ se lại một nhà đằm ấm yên vui.  
Nguyệt lặng sao rời,  
Bỏ công gấn bó, bỏ lời gấn bó giao đoan.  
Nên chăng tình Tấn duyên Tần!*

Dưới đây xin thêm hai câu hát giọng Vật khác đối nhau.

Nam:

*Con chim bồ câu,  
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,  
Liệng qua cửa phủ liệng vào trong dinh.  
Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh,  
Khơi lên cho tỏ ta nhìn mặt nhau.  
Nhìn người chẳng dám nhìn lâu,  
Nhìn qua thấy mặt chịu sâu thiết tha!  
Nào lời tôi dặn hôm qua?  
Có nhớ những lời tôi dặn hôm qua?*

Nữ:

*Con chim bồ câu,  
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,  
Liệng qua cửa phủ liệng vào trong kho.  
Ngọn đèn chịu gió phát phơ,  
Nào lời tôi hẹn bây giờ là đâu?  
Khơi đèn nhìn mặt thêm sâu,  
Khơi đèn nhìn mặt thêm đau tác lòng!  
Phụ tình ao ước chờ mong,  
Trách ai đã phụ tình ao ước chờ mong!*

Trong giọng Vật có cả giọng ngâm thơ. Đây là những bài thơ nói lên tình yêu của trai gái:

*Biết chăng, chàng biết hỡi tri âm?  
Vấn vít con tơ vận ruột tằm.  
Khắc khoải sầu tuôn, lòng tựa bể,  
Bồi hồi dạ nhớ tháng như năm.  
Chăn loan bên đắp bên chờ đợi,*



*Chiếu nguyệt nửa năm, nửa biếng thắm.  
Một bức tình thư đưa nhận gửi,  
Thấu tình chẳng hỏi bạn tri âm?*

*Giọng Bỉ* - Trai gái quan họ dạo giọng bằng giọng Sổng, gắn bó với nhau bằng giọng Vật và để chia tay nhau họ dùng giọng Bỉ, hoặc gọi là giọng Vĩ.

Giọng Bỉ ngân dài, nói lên sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn, nhất là khi gặp nhau ở những đám hội phải chia tay từ giã nhau.

*Bây giờ giáp mặt đình ninh  
Xa xôi ai có thấu tình ai chẳng?  
Hay là người đã nghe ai?  
Thả chông đường nghĩa rấp gai lối tình!*

Nội dung câu hát giọng Bỉ thường là căn dặn nhau, bảo nhau nhớ lấy những lời hẹn ước, đừng vì khuất mặt xa lời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát, gặp gỡ, gắn bó, và giã từ nhưng nhiều khi hát sang giọng Bỉ rồi, có những đám quan họ lại trở lại hát giọng Vật nhưng cố níu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng Vật một đôi câu rồi họ lại chuyển sang giọng Bỉ để từ biệt và hẹn hò nhau.

## **Năm giọng trên**

Ngoài ba giọng chính trên, quan họ còn có năm giọng gọi là năm giọng trên. Năm giọng này chỉ hát tới những ghi hát giải. Năm giọng đó có những tên nghe thật kỳ khôi: Đường bạn, Lên núi, Xuống sông, Hừ la, và Tình tang.

*Đường bạn* - Giọng gắn bó keo sơn với những lời hát rất tình tứ.

*Lên núi* - Giọng hát khi hát lên, người nghe có cảm giác như thấy một đoàn người reo hò cùng nhau lên núi. Câu hát lối thứ tự. Rất tiếc kẻ nào viết bài này lâu ngày không còn nhớ được câu nào.

*Xuống sông* - Cũng như giọng lên núi, khi hát lên người nghe có cảm giác như một đoàn người đang bước xuống kín nước ở dòng sông.

*Hừ la* - Tên thật kỳ khôi với những bài hát giọng kéo dài đặc biệt.

*Tình tang* - Cũng như giọng Hừ la, lúc hát câu hát được đệm bằng những tiếng *Tình tang*.

Năm giọng trên của quan họ chỉ người hát giỏi mới hát nổi, vừa tồn hơi tồn sức, lại phải diễn tả cho đúng điệu của mỗi giọng.

### **Nguồn gốc của tục hát quan họ**

Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát quan họ do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan không có con cái, Hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội Duệ, nhưng trong tuổi già sống không con trợ trợ, ngày tháng nặng nề, Hầu tìm cái vui trong cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lời hát ví của vùng Kinh Bắc tức là Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay. Hầu đặt ra lời hát quan họ thay cho hát ví, vì hát ví bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều kém linh động, kém tình tiết, kém cả nồng nàn trong lời diễn tả. Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu căn cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn, khi đậm âm, khi dần dỗi để đặt ra lời hát quan họ với những giọng hát đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gắn bó cho tới khi từ già tượng trưng bởi ba giọng chính: Sồng, Vặt, Bỉ.

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc cho hòa theo các giọng hát nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc đệm, họ hát giọng đôi để tránh sự trơ trẽn của giọng đơn ca, để người ca giọng âm có thể dìu dắt người còn non giọng. Hát quan họ, lúc đầu chỉ có mấy xã thuộc tổng Nội Duệ như Lũng Giang, Lũng Sơn, Duệ Đông v.v... nhưng dần dần, dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát quan họ này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện Tiên Du và Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh Bắc Giang ở bên kia sông Cầu như Mật Ninh, Nội Ninh v.v...

### **Mùa quan họ**

Chính ra, trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm, bất cứ vào lúc nào. Nhưng đời sông nông dân bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ, chỉ có hát lẻ tẻ, mà hát lẻ tẻ thì lời hát ví thích hợp với đồng quê

hơn. Bởi vậy quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng hoặc trong những dịp khao cưới ở các tư gia.

Mùa Xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hát quan họ.

Mùa quan họ tới với mùa Xuân tung bừng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai cũng như của những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Sau ba ngày Tết, từ ngày mồng bốn đã có làng mở hội, như làng Hữu Tháp huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Trai gái quan họ từ các làng kéo nhau tới.

Thường họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tối. Lúc ra về họ lại hẹn hò nhau tới các hội khác.

Suốt ba tháng Xuân, có hội ở làng nào đều có trai gái quan họ kéo nhau tới hát.

Cuối Xuân hội bắt đầu thưa dần, công việc nhà nông lại bắt đầu vất vả vì sửa soạn cho vụ gặt chiêm hoặc vì dỡ hoa màu phụ.

Rồi rãi, họ hát chơi xuân, bắt đầu có công việc, họ bắt đầu làm việc trở lại và ghi nhớ những kỷ niệm ca hát của ngày xuân. Những cuộc gặp gỡ mùa xuân đã từng tạo nên những lứa đôi đầy hạnh phúc.

### **Tại sao lại gọi hát quan họ**

Tại sao giọng hát này lại gọi là hát quan họ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích trong số đó có cả nhạc sĩ Phạm Duy. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng quan để xưng hô, còn họ tức là ý nói một bọn đông. *Quan họ là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. Hát quan họ tức là lối hát của những người này.*

Tôi đã được dịp hỏi người dân xã Lũng Giang, các cụ già nơi đây đã trả lời:

Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính chúng tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ chúng tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu

được ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với Quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của Quan Hầu tập cho những người này đầu tiên.

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu Trung Hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu trước rồi sau đó mới do con cháu truyền cho người ngoài.

Trong khi chưa ai biết đích xác tại sao lại gọi là hát quan họ, thiết tưởng nên chấp nhận lời giải thích của các cụ làng Lũng Giang, nơi có đôi Lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ.

### **Một bọn quan họ**

Trai gái quan họ đi hội, họ họp nhau thành từng bọn để thay phiên nhau hát. Trai cũng như gái, một bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này các quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba, Tư, Năm, và Sáu.

Nếu bọn quan họ có sáu người, ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh hoặc chị Bốn, không có anh Cả hoặc chị Cả như hát ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái cùng làng không cùng hát với nhau ở ngày hội.

Họ có thể hát tập hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội bao giờ họ cũng tìm các bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thắng cánh không nề nang gì.

Tại các hội Xuân, trai gái quan họ trông thấy bọn quan họ ở làng nào là nhận ra họ ngay. Mỗi bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng hát với nhau hoặc những khi hát với các bạn.

### **Mời hát ở hội**

Đi tới hội, các bọn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hay lễ Thần, tùy theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi địa điểm hội, ở sân đình, ở

trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình làng. Họ chờ các bạn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bạn hát để mời hát. Trong lúc đó họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điếm v.v...

Khi một bạn quan họ thấy một bạn quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn thường hát trong các hội khác thì dễ dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước, họ cùng nhau hát cầu vui sau khi đã mời nhau trầu nước.

Bạn trai bảo bạn gái:

- Liên chị hôm nay đã đến đây, chắc liên chị vui lòng cho liên em hầu tiếp mấy câu.

Thế là bạn gái nhận lời:

- Liên anh đã không chê chúng em hát kém, xin liên anh cho chúng em theo.

Xung hô với nhau, các bạn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là liên anh và liên chị, bao giờ cũng tự xin mình là liên em.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự: khi họ nói xin liên anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lễ tất nhiên cũng phải lịch sự khiêm tốn:

- Liên em chỉ biết những chợ gần, liên chị đã đi chợ xa, xin liên chị cho liên em theo.

Câu nói trên của bên nam thật hết sức nhã nhặn và tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu hát dễ giọng thường, và khi họ nói liên chị đã đi chợ xa là ý muốn đề cao các bạn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cuộc thường thường bạn nữ hát trước, bạn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bạn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ toàn những bạn lạ. Như vậy họ không hát chăng? Có chứ, đã đi đến hội phải hát, không được hát họ thấy ngứa cổ làm sao, và họ bịn rịn vô cùng nếu phải về không. Họ ngắm những bạn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ cũng có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn quen giờ thấy một bọn nữ họ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau ngay đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ra ngay đó là một bọn quan họ.

Họ mang trà tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bịch trà để mời hát. Miếng trà là đầu câu hát! Có những bọn quan họ lịch sự, họ không mang trà ở nhà đi, họ lấy ngay những cối trà các hàng nước bán trong ngày hội mời các bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ sẽ trả tiền nhà hàng.

Họ mang cối trà tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời:

- Mời liền chị xơi trà! Nhất niên nhất lệ, hôm đây dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp ca mấy câu mừng xuân.

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ:

- Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần.

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng về sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn:

- Chúng em xin cảm ơn liền anh. Nhưng thú thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh hội khác.

Có thể các cô đưa ra đề nghị để gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

## **Hát ở hội**

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu, sau khi chào mời và nhận trà của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tùy theo sự thỏa thuận của đôi bên như trên đã trình bày.

Họ hát với nhau qua các giọng Sông, Vặt và Bỉ.

Họ hát giọng đôi. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau như để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, anh Ba ơi... chị Hai ơi, chị Ba ơi... cho đến anh Sáu ơi, chị Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

*Ngồi rằng ngồi tựa vườn đào,  
Thấy người thục nữ ra vào lòng những vấn vương.  
Chị Hai ơi!*

*Gió rằng gió lạnh đêm trường,  
Nửa chẵn để đó, nửa giường để đó chờ ai.  
Chị Ba ơi!*

*So rằng chữ sắc chữ tài,  
Có công gấn bó ai người phụ nghĩa quên công.  
Chị Tư ơi!*

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như ở hội Lim.

Họ xúm nhau nhập thành một bọn, mãi mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa Xuân gió tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân!

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát! Bao nhiêu những câu hát tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đắm thắm yêu đương.

Thường họ đến hội khi lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ Mùi. Họ hát với nhau cho tới lúc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp tục cuộc hát trên đường về. Bọn họ khi đi theo đường đê, giọng hát văng vẳng rất xa, nghe rất du dương. Những lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát hay đây luyện ai họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xướng của bọn hát mà họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió Xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho lòng họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát họ hát với nhau hết xuân này qua xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc

hát hội xuân!

## **Mời bạn hát tới nhà hát trắng đêm**

Có nhiều bạn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bạn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn không muốn mỗi bạn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây, các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy? Thật họ quả có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau, họ không muốn bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thỏa, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao!

Có khi bạn quan họ trai mời bạn quan họ gái, và có khi bạn quan họ gái mời bạn quan họ trai. Thường khi, hai bạn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bạn gái vẫn mời bạn con trai về làng. Tại sao vậy? Xin thưa: bạn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bạn gái trước khi ngủ đêm tại xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bạn gái mời một bạn trai về làng, họ phải trình với phụ huynh và bạn hát bạn này thường được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm! Bạn quan họ trai tuy do bạn gái mời tới làng được phụ huynh bạn gái tiếp đãi rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, nghĩa là hai bạn ngồi hai gian bên giường thờ. Đôi bên lại tiếp tục hát, trong khi đó người làng các cô gái kéo nhau tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm!

Họ hát quên ăn chẳng? Không, bạn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền nhau để làm cơm mời liền anh. Lẽ tất nhiên liền anh xơi cơm bên này liền chị cũng xơi cơm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tương mà còn tỏ rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.



Không nói chi trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng họ cũng không ghen; và chính họ cũng không nhận là vợ e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là chày hay họ hàng gì đó thôi! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình rồi thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ nữa!

Đã có lần, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời bọn quan họ nam tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai, chính chồng chị đã thân hành làm cơm để mời liền anh.

Sau bữa cơm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc hát cho tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm thì cũng vậy, cũng cơm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ xấu với họ! Họ tiếp nhau suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có chuyện trên bực trong đâu!

## **Hát giải**

Từ trên, tôi mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội xuân tại các vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ... còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng thường gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải thưởng hát ở hành lang đình.

Giải thưởng đặt ở trên một án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỷ, dành cho hai bên dự giải, một bên Nam, một bên Nữ.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp 10 chiếc chén và mé bên nam có 6 chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào

tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một người cầm trịch. Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát lại được những câu hát sai của bên thua.

Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ năm giọng trên cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ năm giọng trên không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đối, nghĩa là bên hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không đủ. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đệm câu ý a, tình tang tính, hự răng ới hư.

Thí dụ:

*Ngôi rằng ngôi tựa có mấy vườn ới ha hạ đào.*

Những mạch đệm câu có mấy lời ới ha hạ, cần phải được nhắc lại trong câu hát đối.

Thí dụ trên là đối giọng. Dưới là đối ý:

*Ngắm xem duyên số buồn tình,  
Muốn lên thương giới tại thiên đình hỏi số xem chơi  
Mướn tàu bay thẳng lên trời,  
Số tau trời bảo có người hạ giới kết thân.  
Vội vàng hạ máy xuống dân,  
Quả nhiên gặp bạn châu trần là đây.  
Nên chẳng định liệu một ngày!*

Câu hát trên ý thiết mới, và cũng mới có từ thời Pháp thuộc. Để đối với câu này, giới quan họ gọi là câu Tàu bay, có câu Tàu ngầm như sau:

*Ngắm xem duyên số buồn tình,  
Tàu ngầm vắn lái đặng trình thẳng tới Thủy cung.  
Được vào bệ kiến vua Rồng,  
Nhà vua tra số phê rằng tốt số nhân duyên.  
Vội vàng tàu lái về liền,  
Quả nhiên gặp được bạn hiền nơi đây,  
Nên chẳng định liệu một ngày!*

Khi hai bên dự giải đã hát xong năm câu hát giọng trên và bên nào đã ngồi vào phía bên này, người cầm trịch mới gieo âm dương để xem bên nào hát trước.

Có nhiều khi bên Nam nhường cho bên Nữ hát trước mà không cần bói âm dương.

Trong lúc hát thi, dân làng và khách xem hội đứng bu quanh để thưởng thức tài nghệ của đôi bên. Có những trường hợp đôi bên đều hát giỏi, giằng co nhau đến hết hội không bên nào thua, và giải thưởng được chia đôi. Tuy nói là chia đôi nhưng trên thực tế, thường bên nam nhường cho bên nữ.

Để mừng bên thắng cuộc, dân làng đốt bánh pháo. Sau bánh pháo mừng, bọn quan họ thắng giải vào lễ thần tạ ơn trước khi lĩnh giải.

Giải thưởng tuy không đáng là bao, nhưng bọn được giải thực là hãnh diện.

## **Kết bạn**

Đặc biệt nhất trong làng quan họ là tục Kết bạn.

Hai bọn quan họ thuộc hai làng khác nhau, một bọn nam và một bọn nữ, sau khi đã hát với nhau nhiều lần ở nhiều hội xuân và cũng đã mời nhau về để hát đêm nhiều canh, thường kết bạn với nhau.

Kết bạn, nghĩa là đôi bên giao kết chỉ hát với nhau ở hội và không hát với bọn nào khác. Việc kết bạn phải được phụ huynh và hương chức hai làng chấp thuận.

Đôi bên muốn kết bạn với nhau phải trình với phụ huynh và hương chức biết để xin sự đồng ý, nhất là những bọn quan họ nữ, càng cần được sự chấp thuận của dân làng hơn.

Bọn quan họ nam được bọn nữ cho biết hương chức trong làng và phụ huynh của bọn này đã bằng lòng sự kết bạn của họ với bọn nam, và họ mời bọn nam tới ngày hội làng họ, hoặc nếu ngày hội đã qua rồi thì một ngày sóc vọng, tới yết thần ở đình làng. Bọn nam đến đúng hẹn cùng nhau mua đồ lễ thường gồm hoa quả, trầu cau, trà rượu, đi đến làng bọn nữ. Bọn nữ đợi đón họ cùng với dân làng, đưa họ vào đình trình diện với các hương chức. Giới thiệu xong bọn trai lễ yết thần. Có đốt pháo để mừng sự kết bạn của đôi bên, sau đó đôi bên cùng hát thờ thần.

Kể từ ngày đó, bọn nam được dân làng bọn nữ coi như những người thân của làng xã. Họ quý những chàng trai đó như những rể làng. Mỗi khi làng có công việc gì vui mừng, bọn trai đều được bọn gái mời tới để hát thờ thần và sau đó hát mua vui một vài canh. Lễ tất nhiên mỗi lần bọn trai tới đều có đồ lễ yết thần, và bọn trai được bọn gái khoản đãi rất thịnh soạn.

Bọn trai đã đến làng bọn gái rồi, một ngày sau bọn gái cũng nhân một ngày lễ thần ở làng bọn trai, tới lễ nơi đây, hát thờ thần và sau đó cùng bọn trai hát một canh để dân làng bọn trai thưởng thức tài nghệ của liền chị. Bọn gái cũng được dân làng bọn trai tiếp đãi quý trọng như những cô dâu làng.

Đôi bên đã kết bạn rồi, khi làng bọn nam có lễ, bọn nam mời là bọn gái tới lễ và hát không cứ trong mùa xuân mà bất cứ dịp nào trong năm. Bọn nam đối với bọn nữ cũng vậy.

Và khi đi hội chỉ có hai bên hát với nhau. Bọn trai hát với một bọn gái khác bọn gái sẽ ghen, và bọn trai cũng sẽ ghen nếu bọn gái kết bạn với mình hát với một bọn trai khác.

Nếu tại một hội nào, vì chờ đợi lâu không thấy bọn kết bạn với mình tới, bọn nam hoặc bọn nữ có một bọn khác mời, lỡ dang hát dở, họ đành phải xin lỗi bọn kia để trở lại hát với bọn kết bạn.

Trai gái quan họ đều biết rõ lệ này, nên khi bọn đang hát với mình xin lỗi vì có bọn kết bạn đã tới, họ liền vui lòng ngừng hát để trả cho hai bọn kết bạn hát với nhau.

Tục kết bạn quan họ gần giống như việc cưới xin giữa hai bọn hát, nhưng chỉ ở trên phương diện ca hát thôi, vì các cô cậu tuy có kết bạn quan họ nhưng vẫn toàn quyền muốn lập gia đình với ai thì tùy.

Nếu một người trong bọn quan họ kết bạn lấy vợ hoặc lấy chồng, bọn kết bạn đều có đồ mừng, và trong dịp này đôi bên thường hát với nhau suốt đêm để mừng cho cô dâu chú rể.

Trong những đám tiệc khao vọng, các bạn quan họ cũng thường được mời tới hát để chúc mừng gia chủ và để mua vui cho dân làng của bạn hát.

Những bọn kết bạn với nhau thường dành cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Khi đã lập gia đình không còn đi hát hội nữa, nhắc đến những kỷ niệm cũ là những điều rất thích thú của trai gái đã từng đi hát quan họ. Các bà vợ và các ông chồng không hề bao giờ ghen với các bạn quan họ của chồng hoặc của

vợ. Họ đã biết tục lệ, và kết bạn chỉ là kết bạn không là hôn nhân.

∞

Đại để những điểm chính về hát quan họ đã được trình bày. Trong đám cưới, trong đám khao, để mua vui cho quan khách, chủ nhân có khi mời hai bọn quan họ tới hát đối đáp trong đám tiệc. Và có làng trong những dịp hội xuân có mời các bọn quan họ tới hát thờ.

## Hát trống quân

Hát trống quân cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái. Thường trống quan hay được hát vào dịp Trung thu và hát ngoài trời, dưới trăng.

Hát trống quân có bên nam và bên nữ. Hai bên ngồi đối diện nhau, trống quân lập nên ở giữa.

Trống quân lập rất dễ dàng. Một chiếc thùng chè hay thùng sắt tây, không thì càng tốt, hai chiếc cọc, một dây thừng và một que chống thùng cho căng. Tất cả vật liệu để lập trống quân chỉ có thế, nhưng trong tháng trung thu từ đêm mừng bảy tới đêm mười sáu, trống quân lập nên tại một xóm nào ở làng quê là trai gái trong làng kéo nhau tới hát và nghe hát.

Hai chiếc cọc đóng giữ hai đầu thừng, có khi là một sợi mây; dây thừng bắt qua chiếc thùng nằm vào khoảng giữa hai đầu. Chiếc que chống chiếc thùng trên mặt thùng cho dây thật căng. Dây càng căng, tiếng văng càng dài. Đánh trống quân là một chiếc dùi nhỏ bằng tre. Dùi tre đập vào thùng văng ra những tiếng *thình thùng thình*.

Tại các làng quê vào dịp Trung thu, trai gái làng quê trước đây thường lập trống quân để hát mua vui với nhau. Có khi là con trai, có khi là con gái. Hát đối đáp là cái thú của trai gái chưa vợ chưa chồng. Một chàng trai đi đến một xóm có lập trống quân. Chàng vào hát nhưng chỉ muốn hát với những gái còn son rỗi. Ngồi xuống đám trống quân, cầm chiếc dùi đánh trống, tiếng thình thùng thình bật ra, chàng bắt đầu ca:

*Tháng tám anh đi chơi xuân  
Đồn đây có hội trống quân anh vào.  
Thình thùng thình!*

*Trước khi hát anh có lời rao  
Không chồng thời vào, có chồng thời ra.  
Thình thùng thình!  
Có chồng thời tránh cho xa  
Không chồng ta sẽ lân la tới gần.  
Thình thùng thình!*

Tiếng rằng ca hát đối đáp thường dành cho trai gái thanh tân, đôi khi cũng có những người đã thành gia thất nhưng vẫn muốn hát để nhớ lại thuở còn con gái. Các người này cũng lập nên trống quân nhưng chính họ là người hát trước, và họ cũng không giấu gì tình trạng hộ tịch của họ, họ đã có chồng và có cả con:

*Trống quân em lập nên đây  
Áo vải làm chiếu, khăn quây làm mùng.  
Thình thùng thình!  
Mua vui với anh trắng trong  
Có con cũng hát, có chồng cũng chơi.  
Thình thùng thình!  
Con thì em mượn vú nuôi  
Chồng thì em để hát nơi xóm nhà.  
Thình thùng thình!*

Với câu hát trên, người hát đã nói rõ tình trạng gia đình của mình, bên Nam ai hứng thì hát, ai không chịu thì đi tìm đám trống quân khác mà hát với các cô thiếu nữ chưa chồng.

Trống quân nhiều khi lập nên, chỉ có một bên nam hoặc nữ. Họ chờ đợi người tới hát. Họ đánh trống và hát một mình để như mời người tới đối đáp.

*Trống quân anh đánh nhịp ba  
Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười!  
Thình thùng thình!*

Hoặc là họ hát những câu bông đùa để khuyến khích những người còn lảng vảng bên ngoài chưa dám ngồi xuống hát. Thường các cô thiếu nữ hay khiêu khích các chàng trai:

*Trống quân có đĩa thịt bò  
Những anh không vợ đi mò cả đêm!  
Thình thùng thình!*

Hoặc:

*Trống quân, trống quít, trống còi,  
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta.  
Thình thùng thình!*

## **Những lời hát trống quân**

Nếu hát quan họ khi hát có ba giọng chính để đối đáp với nhau thì trống quân chỉ có một giọng, nhưng câu hát lại nhiều, người hát có thể ứng khẩu đặt ra câu hát được.

Hát quan họ, vì ở nhà quê, trong những buổi hát hội thường hát giọng đôi, và câu hát phải hát theo giọng, nên phải có câu hát trước, không thể ứng khẩu được; hai người hát, một người ứng khẩu, người kia biết sao mà theo.

Hát trống quân dễ ứng khẩu, câu hát do đó thay đổi tùy người đi người hát, và với sự ứng khẩu câu hát thường nói lên rõ được tình tiết tâm trạng của người hát.

Hát trống quân có hai lối hát:

- *Hát vắn*, là hát theo vắn.
- *Hát đố*, là hát thành những câu đố bắt buộc đối phương phải trả lời.

## **Hát vắn**

Đây là lối hát thông thường mỗi khi có trống quân lập nên. Hát chỉ cần theo vắn, người hát hoặc dùng những câu có sẵn hoặc tự đặt ra những câu hát mới, thường theo thể lục bát hoặc lục bát biến thể.

*Đã đi đến chốn thì chơi,  
Đã đi đến chốn tiếc lời làm chi!*

*Đã gặp nhau ở đây thì,  
Hát năm ba khắc bỏ khi vắng nhời.*

Đó là một câu thông thường trai gái thường hát lúc bắt đầu cuộc hát.

Có khi bên gái lập nên đám trống quân, có những chàng trai hát giỏi tuy đã

tới đám nhưng chưa chịu ngồi vào hát. Bên gái mời:

*Đồn chàng là khách tài hoa,  
Mời chàng đối đáp một vài trống canh.  
Có lá mà lại có cành,  
Có em mà lại có mình mới vui!*

Câu mời sao mà khéo léo. Chàng trai biết cô gái muốn mời mình ngồi vào đám hát, và để tạ lòng người đẹp, chàng cũng hát một câu rất là phong nhã:

*Người thanh lời nói cũng thanh,  
Thấy ai lịch sự lòng anh vui mừng!  
Đêm trăng sáng chỉ có chùng,  
Đôi ta đã gặp thì đừng xa nhau.*

Những trai gái trống quân lúc hát thường đã biết nhau nhưng cũng nhiều khi gặp người lạ. Trong trường hợp này họ dò xét tình ý nhau qua câu hát, hỏi thăm nhau đã thành gia thất chưa, đôi bên bằng lòng nhau liệu bác mẹ có tác thành cho chăng.

*Thấy nàng anh cũng muốn thương  
Sợ nàng còn vương tơ vương nẻo nào!  
Xuân xanh mấy độ trăng cao?  
Yêu nhau bác mẹ vun vào cho chăng?*

Có những câu hát trai gái thử tài nhau xem chàng có phải là con người có học thức, xem nàng có phải là gái trâm anh biết đủ điều tứ đức tam tông.

Đây là gái thử trai:

*Truyện Kiều anh đã đọc lâu,  
Xin anh hãy kể một câu hết Kiều.*

Chàng trai chỉ việc đáp:

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Mũi vui cũng được một vài trống canh.*

Hoặc bên gái thử bằng những câu sau:

*Truyện Kiều anh đã đọc thông,  
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nho.*



Đáp:

*Hồ công quyết kế thừa cơ,  
Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công.*

Trong câu trên toàn chữ Nho, không có một chữ Nôm nào.

Hay câu sau đây:

*Truyện Kiều anh đã đọc thông,  
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nôm.*

Đáp:

*Này chồng, này mẹ, này cha,  
Này là em ruột, này là em dâu.*

Trong câu trên toàn chữ Nôm, không có một chữ Nho nào.

Đây là những câu gái thử trai, những câu trai thử gái cũng nhiều:

*Thấy em là gái trâm anh,  
Hỏi em hai chữ bố kinh thế nào?*

Đáp:

*Bố kinh thờ mẹ thờ cha,  
Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.*

Và có khi chàng trai đi sâu hơn:

*Thấy em anh cũng quý lòng  
Hỏi em tứ đức, tam tòng là chi?*

Đáp:

*Theo cha rồi lại theo chồng,  
Khi chồng trăm tuổi, dóc lòng theo con.  
Tam tòng đạo ấy vuông tròn,  
Thì câu tứ đức ai còn nghĩ suy!  
Công, dung, ngôn, hạnh nữ nhi  
Phận em là gái em thì phải theo.*

Trong những đám hát như vậy, hai bên đều thuộc nhiều câu hát và hai bên đều có tài ứng khẩu để trả lời nhau.

Thường trai cũng như gái, trong những đám trống quân thán tám, mỗi bên có đôi ba người, luân phiên nhau hò hát để mua vui. Tuy mỗi bên mấy người, nhưng cặp trai gái nào có tình ý với nhau, họ chỉ đối đáp với nhau.

Có những đám hát thi, mỗi bên chỉ một người hát cho đến mãn cuộc.

## Hát đố

Hát vận là hát theo vần, dùng những câu có vần mà hát với nhau.

Trong những cuộc hát thi hoặc trong đám hát mà trai gái hai bên đều muốn cho người nghe hát cùng thấy rõ tài nghệ của mình, họ thường dùng những câu hát đố bắt đối phương phải trả lời. Những câu đó có khắp trên mọi lĩnh vực, về luân lý, về lịch sử, về vạn vật cũng như về những điều thông thường cần biết.

Dưới đây là mấy thí dụ.

Hỏi:

*Cái gì nó bé nó cay?  
Cái gì nó bé nó hay cửa quyền?*

Đáp:

*Hạt tiêu nó bé nó cay,  
Đồng tiền nó bé nó hay cửa quyền.*

Hỏi:

*Đố ai biết đá mấy hòn?  
Núi cao mấy ngọn, trăng tròn mấy trăng?  
Đố ai biết lúa mấy cây?  
Biết sông mấy khúc biết mây mấy tầng?*

Đây là một câu đố mẹo, vì đố những điều không ai có thể trả lời được. Đáp lại một câu đố mẹo, người ta cũng phải trả lời mẹo:

*Đá kia chỉ có một hòn,*

*Núi kia một ngọn, trăng tròn đêm nay.  
Lúa kia chỉ có một cây,  
Sông kia một khúc và mây chín từng.*

Trong câu trả lời, người đáp đã thông thường hóa những điều mình trả lời. Đá nào biết bao nhiêu hòn, nhưng đá nào cũng là hòn đá, vậy chỉ dùng hai tiếng hòn đá, bất cứ hòn đá nào. Ngọn núi, khúc sông và cây lúa cũng vậy. Ai biết mà đếm được, cho nên bất cứ ngọn núi nào cũng là ngọn núi, khúc sông nào cũng là khúc sông và cây lúa nào cũng là cây lúa.

Riêng có trăng tròn thì đêm nay dưới ánh trăng thu đôi bên ca hát với nhau như trăng đang tròn vậy,

Mây được trả lời là chín từng vì có câu ca dao:

*Nhất cao là chín tầng mây.*

Và câu đố dưới đây tương tự như những câu đố về vạn vật.

Hỏi:

*Quả gì năm mùi sáu khe?  
Quả gì nứt nẻ như đe thợ rào?  
Quả gì kẻ ước người ao?  
Quả gì lấp lánh như sao trên trời?  
Quả gì ăn đủ năm mùi?  
Quả gì to lớn có người trông trong?  
Quả gì thích chữ chạm rồng?  
Quả gì cùi trắng nước trong hời chàng?  
Quả gì da nó vàng vàng?  
Quả gì lặn lóc giữa đàng cái đi?  
Quả gì da nó xù xì?  
Chàng mà đáp được, thiếp thì theo không.*

Đáp:

*Quả khế năm mùi sáu khe,  
Quả na nứt nẻ như đe thợ rào.  
Quả mận kẻ ước người ao,  
Quả mơ lấp lánh như sao trên trời.  
Quả lê ăn đủ năm mùi,  
Quả động to lớn có người ngồi trong.*

*Quả chuông thích chữ chạm rồng,  
Quả dĩa cùi trống nước trong đó nàng!  
Quả thị da nó vàng vàng,  
Bùa yêu lẩn lóc giữa đàn còi đi.  
Quả mít da nó xù xì,  
Nay anh giảng được em thì theo anh.*

Mấy câu đối đáp trên chỉ là một thiếu số trong hàng trăm câu hát đối đáp có sẵn.

Trái gái khi hát thường chỉ dùng những câu hát vận mới nói lên cảm tình yêu thương của nhau. Ít khi dùng đến hát đố như trên đã trình bày. Cũng có khi trong làng, trai xóm này gặp gái xóm khác, đôi bên tức khí nhau mới dùng đến những câu hát đố, mục đích để dằn mặt nhau và đánh bại nhau trong câu hát.

### **Nguồn gốc tục hát trống quân**

Hát trống quân là một lối hát thuần túy Việt Nam. Có người cho rằng lối hát này bắt đầu từ đời nhà Trần. Thời đó khi quân Việt phải chống quân Nguyên, đức Trần Hưng Đạo đặt ra lối hát trống quân để quân lính mua vui với nhau.

Cũng có người lại cho rằng hát trống quân là một tục của người Tàu truyền sang Việt Nam và bảo rằng tục hát này bắt đầu từ thời nhà Tống. Lúc bấy giờ nước Tàu bị quân Nhung địch quấy rối, quân sĩ phải đi đánh giặc nhiều, nhớ nhà nên ông Bao Công mới đặt ra tục hát trống quân để quân lính đóng bên Nam, bên Nữ hát với nhau cho đỡ nhớ nhà.

Ông Văn Thôn trong Văn Hóa nguyệt san số xuất bản về tháng 6 và 7 năm 1957, lại cho tục hát trống quân mới có từ đời vua Quang Trung. Ông đã viết:

*Riêng về nước ta, vị anh hùng dân tộc Quang Trung cùng đánh dấu ngày rằm tháng tám bằng một cử chỉ không nhuốm vẻ hoang đường, đài các nhưng vô cùng thiết thực mà nên thơ. Muốn cho binh sĩ theo ngài đi đánh Đông dẹp Bắc, quên nỗi nhớ nhung cố quận, vua Quang Trung đã cho họ trong các giờ nhàn rỗi, nhất là các đêm gió mát trăng thanh, cùng nhau hát nhịp, để vừa hát đối, một bên nam một bên nữ, vừa đánh nhịp vào một đường dây thép, căng trên một chiếc thùng rỗng ruột. Nhân dân thấy hay lạ, đã bắt chước rồi áp dụng cuộc tiêu khiển vào ngày hội rằm tháng tám mà*

*gọi đó là tục hát Trống Quân.*

Ý kiến của ông Văn Thôn không biết đúng hay sai, nhưng có điều chắc chắn là hát trống quân là một lối hát rất phổ thông tại miền Bắc, nhưng lại rất ít thấy ở hai miền Trung và Nam. Nếu đúng hát trống quân và do vua Quang Trung đặt ra cho quân lính và được nhân dân bắt chước, hát trống quân phải được phổ cập nhiều ở miền Trung, miền Nam mới đúng.

Dù tục hát trống quân có từ đời nào, và do ai đặt ra thì tục này cũng đã ăn sâu vào phong tục dân quê Việt Nam, và đã là một trong ba lối hát giao tình chính của nam nữ thanh niên Bắc Việt trước đây.

### **Hát cò lả**

Ngoài ba điệu dân ca chính để trai gái hát trao tình với nhau, miền Bắc còn có một điệu hát rất đáng kể và cũng rất phổ thông đó là điệu hát cò lả.

Điệu hát này không dùng để hát hội, thường chỉ được hát trong lúc làm việc khi có một bọn nam nữ, hoặc hai bọn nam nữ cùng đối đáp.

Thí dụ:

*Con cò bay lả bay la,  
Bay từ cửa Phủ bay về Đông Dăng.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tanh tính tình,  
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Câu hát thường là một câu lục bát do một người hát, còn điệp khúc do cả bọn cùng ca.

Điệp khúc, điệu không thay đổi nhưng lời đôi khi thay đổi.

Thí dụ:

*Mình nay vận nở thái hòa,  
Bốn phương lạc nghiệp âu ca thái bình.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tang tính tình,  
Dân làng ơi, dân làng rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Thường thì trai gái gọi tới nhau trong điệp khúc.

*Tròng trành như nón không quai,  
Như thuyền không lái như ai không chông.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tang tính tình,  
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Hoặc:

*Người ta chồng trước vợ sau,  
Anh kia không vợ như cau không buồng.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tang tính tình,  
Anh chàng ơi, anh chàng rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Hát cò lả là một điệu hát rất vui, vui vì nhiều người hát và giúp đỡ người ta quên mệt trong lúc làm việc, nhất là công việc ngoài đồng.

Cái vui của trai gái làm vui cả những người đứng tuổi cùng làm việc, nhất là các bà già thường vun vào để trai gái làng yêu thương nhau.

## Hát các phường

Đây là những lối hát đặc biệt của vùng Nghệ, Tĩnh. Chính những lối hát này chỉ là biến thể của hát ví vùng Nghệ Tĩnh và được ca hát trong những khi làm việc thuộc các nghề thủ công và làm ruộng.

Như trên đã trình bày, câu hát trợ lực cho việc làm, giải trí cho con người trong những lúc nghỉ ngơi và trong những khi hội hè đình đám; đây là cuộc chung vui của cả người hát lẫn người nghe.

Tại vùng Nghệ Tĩnh các nghề nghiệp được tổ chức thành phường, và những phường này trong khi làm việc trai gái thường ca hát với nhau, để việc làm tăng thêm năng suất và cũng là dịp để trai gái trao tình với nhau, có khi kén bạn trăm năm qua câu hát. Những cuộc hát phường có tổ chức nhất là *hát phường cây* và *hát phường vải*. Ngoài ra cũng có nhiều phương thức khác nữa như phường buôn, phường củi v.v...

## **Hát phường củi**

Đúng ra phải gọi là hát chặt củi vì câu hát được mọi người hát trong lúc rủ nhau đi chặt củi trong rừng.

Nghệ An, Hà Tĩnh nhiều rừng núi, dân chúng sau các vụ mùa, công việc đồng áng đã xong, rủ nhau vào rừng chặt củi. Họ đi với nhau thành từng đoàn, như vậy để vừa vui công việc vừa hỗ trợ lẫn nhau nếu bất thần có hoạn nạn như gặp thú dữ, bị cây cối đè, bị té ngã hoặc bị bất cứ tai nạn gì. Có đồng vui là có hát. Họ hát để quên mệt và cũng là để trai gái nhắn nhủ nhau.

Đi chặt củi, ngay từ sáng tinh mơ thanh niên, thanh nữ đã cùng nhau mo com, đòn sóc và lạt hợp nhau ở ngã ba đường để cùng đi thành từng hàng vào rừng. Họ phải leo núi, băng suối tới nơi có nhiều củi.

Núi Hồng Lĩnh thường được dân các hạt Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà kéo nhau vào chặt củi và họ gọi núi này là núi Ngàn Hồng.

Đoàn người vào tới rừng, tản mác ra mỗi người một bụi để chặt củi. Công việc vất vả, họ vui vẻ làm. Trưa họ nghỉ ăn cơm rồi lại chặt cho tới chiều.

Vừa chặt củi, thỉnh thoảng có người cất lên tiếng hát.

*Không đi thì nhớ thì thương,  
Ra đi lên động xuống truông nhọc nhằn.*

Động là con đường lên dốc núi, còn truông là con đường hẻm giữa hai trái núi. Câu hát trên nói lên sự nhớ thương của họ với núi rừng và nói lên sự nhọc nhằn khi đi chặt củi.

Hát để tả sự nhọc nhằn, hát để ca tụng công việc, nhưng hát nhiều hơn là những khúc hát yêu đương.

*Đợi chờ anh với em ơi,*

*Sai rồi lên ngược xuống xuôi anh chờ!*

Tiếng hát vang lên trong khu rừng ở một bụi nào, hòa với tiếng dao chặt vào củi như làm nhịp cho câu hát. Một tiếng hát cất lên ở bụi này, lập tức ở bụi kia có tiếng êm ái đáp lại:

*Lên rừng những lách cùng lau,  
Những sáng cùng cỏ biết anh đâu mà chờ!*

Và không lâu, câu hát chưa dứt, ở một bụi thứ ba đã có một chàng trai lên tiếng:

*Tiếng ai nói với bên non,  
Muốn sang coi thử có đòn hay không?*

Có câu hỏi ắt có câu trả lời:

*Một ngày hai bạn trèo non,  
Lấy gì mà đẹp mà đòn hỡi anh!*

Tiếng hát lên, tiếng đáp lại, khu rừng rậm bỗng rộn ràng sinh khí. Pha vào đây là những tiếng cười và đôi khi là những câu nói tạo cho khung cảnh thêm vui vẻ.

Với những câu hát, thời gian đi quá mau và công việc cũng nhiều kết quả, củi đẵn nhanh hơn, chẳng mấy chốc người người đều được một gánh nặng.

Đoàn người gánh củi trên vai lại đi thành hàng để trở về làng. Ra khỏi rừng có người còn quay lại nhìn như luyến tiếc, và có khi một câu hát lại được cất lên:

*Ra về chỉ một ngón (nhìn) theo,  
Ngón rừng rậm, ngón đèo đèo cao!*

Tiếng hát vang, bước chân nhịp nhàng, phừng củi thoăn thoắt bước, gánh củi kéo kẹt trên vai chẳng mấy lúc đã về tới làng.

Một câu hát của người đi đầu báo tin cho làng biết phừng củi đã về:

*Động cơn(cây) Mai thì hóc(dốc)  
Động trợ đó thì dài  
Ra đến động hai vai*



*Thậm chừng chi là khỏe  
Chi thậm chừng là khỏe.*

Câu hát của người đi đầu vừa dứt, mọi người đi sau đồng thanh tiếp vào hai tiếng *Hay chừa*.

Thật là vui, thật là vui. Củi được nhiều, một ngày qua không phí một ngày.

## **Hát phường cấy**

Hát phường cấy có ở khắp vùng Nghệ Tĩnh, nhất là nơi nào nhiều ruộng.

Mùa cấy, nhà nông phải mượn thợ cấy để cấy lúa, và thợ cấy thường đi thành phường, trong phường thợ cấy thế nào cũng có đôi ba cô nhan sắc. Trai làng thấy có phường cấy, lại có các cô thợ cấy duyên dáng xinh đẹp, là ngay buổi chiều hôm đó, cơm nước xong các cậu rủ nhau một bọn tới nhà có phường cấy để xin phép chủ nhà hát đối đáp với gái phường. Lại những câu hát yêu đương tình tứ của vùng Nghệ Tĩnh mà dưới đây xin trích ra ít câu.

Thoạt tiên là những câu xã giao chào hỏi:

*Nhân đêm thong thả mát trời,  
Nghe tin bướm nhẩn, vội dời gót qua.  
Đến đây mừng cảnh mừng hoa,  
Trước mừng hai cố, sau ra mừng phường.*

Hai cố đây tức là ông bà chủ nhà, còn phường tất nhiên là phường thợ cấy.

Chào xong rồi đến mời, vì các cô trong phường bao giờ cũng làm cao, phải mời mọc các cô mới chịu hát.

*Đến đây không hát cũng đàn,  
Lẽ nào đâu có lẽ con người ngoan chối từ!*

Mời một lần không được thì mời lần nữa, hoặc tìm những câu hát khích lòng tự ái của các cô trong phường.

*Ôm đờn mà gảy năm cung,  
Biết ai đem nhị ra mà gảy chung với đàn!*

Rút cuộc bên gái bắt lời, và đôi bên câu qua câu lại cho tới thật khuya các chàng trai mới trở ra về. Chàng hát, nàng hát, vui thật là vui!

*Ở nhà con khách mách tương liên  
Con nhện sa trước mặt, đi ra tự nhiên gặp nàng!*

*Vừa ra vừa gặp anh đây,  
Một là duyên kỳ ngộ, hai trời xoay đất vắn.*

Trong khi hát, đôi bên lựa câu hỏi thăm quê quán của nhau.

*Đến đây lạ bến lạ rào(sông)  
Hỏi con chim hồng nhạn ở phương nào lại đây?  
Kẻo mai nhớ núi chim về  
Ai nhớ chim muốn hỏi biết thư đề ra sao?*

Đây là lời chàng trai hỏi cô gái. Cô gái đáp lời và đồng thời cũng hỏi thăm lại chàng trai về danh tính.

*Em đây là con chim phượng,  
Chị em đó là con chim nga.  
Từ Bằng Sơn bay lại, bướm gặp hoa là tình.  
Hỏi anh quý tánh phương danh?  
Mai ra đường gặp bạn khỏi mang tiếng vô tình làm ngo.*

Chàng trai trong câu hát đáp sẽ cho biết tên họ của mình và có khi cho biết cả tuổi, và tỏ ý sẵn sóc tới các cô gái, chàng hỏi thăm anh chị em cha mẹ cô một cách văn hoa:

*Hỏi em cây quế mấy ngành?  
Cây sung mấy nụ, cây hành mấy hoa?  
Hỏi em phụ mẫu tại gia,  
Chị em sum họp mấy nhà mấy nơi?*

Lời hỏi han đã khéo léo chưa, và thật là bóng bẩy tài tình.

Và đây là lời cô gái đáp lại, và cô gái cũng hỏi thăm đến anh em cha mẹ của chàng trai như chàng trai đã hỏi nàng:

*Thưa anh cây quế năm ngành  
Cây sung năm nụ, cây hành năm hoa.  
Song thân thượng ở tại nhà  
Hai anh đầu chị cả, việc thất gia đành rồi.  
Còn anh lan quế mấy chồi?  
Hai ông bà thượng tại? Anh trả lời cho em...*

Hỏi thăm về gia đình, rồi họ lại ước độ nhau xem đã có nơi có chốn nào chưa:

*Trăng lên có chiếc sao châu,  
Hỏi thăm đào liễu đã ăn trầu ai chưa?*

*Mận hỏi thì đào xin thưa:  
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Hai bên nam và nữ hát với nhau cho tới khuya, dân làng tới nghe hát cũng đông, nhưng càng về khuya người dự thính về dần. Đôi bên cũng phải cùng nhau tạm biệt. Họ hát từ giã nhau với những câu hát kể lể niềm thương nỗi nhớ:

*Ra về răng được mà về?  
Bức thư ai gửi, lời thề ai trao?*

*Ra về răng dứt răng đành?  
Ra về bỏ mối tơ mảnh ai quây?*

*Ra về dặn trúc dò mai,  
Dặn đào với liễu chớ nghe ai pha gièm.*

*Ra về lòng lại dặn lòng,  
Cam chua chớ phụ, ngọt hồng chớ ham.*

*Vì cam nên quít đèo bông,  
Vì anh cần mẫn nên lòng em mơ.*

Bọn trai ra về, ra tới ngõ còn hái quái trở lại như nhớ tiếc và để hẹn hò:

*Ra về bẻ lá cấm đây,  
Đến mai ta nhớ chốn này ta đi.*

Bọn trai hát quái lại thì bọn gái ở trong nhà cũng hát vọng ra:

*Trăng khuya soi bóng anh đi,  
Thấy chân anh bước rọt(ruột) em thì quặn đau.*

Cuộc hát đã tốt đẹp, đôi bên đã có lời hứa hẹn, sau khi đã cùng nhau tỏ tài đối ứng. Cũng có những trường hợp, trai gái trong khi hát khích bác nhau, và như vậy là *hát không kết*.

*Trường hợp hát không kết là đôi bên bắt bẻ, vặn hỏi, thách đố nhau đi đến chỗ bí mà hỏng cuộc hát. Có khi còn dùng câu hát để chửi nhau là khác nữa. Những cuộc hát như vậy cũng rất ít xảy ra(11).*

Hát phường cấy vùng Nghệ Tĩnh cũng tương tự như hát ví nhiều tỉnh miền Bắc, gặp khi ngày mùa, các nông gia có đón thợ cấy thợ gặt thì các trai làng thường rủ nhau xin phép nhà chủ được cùng các cô thợ cấy, thợ gặt hát ví một đêm.

### **Hát phường vải**

Hát phường vải là lối hát của những cô thợ dệt vải. Dân chúng nhiều xã thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có nghề dệt vải, và trong lúc đưa thoi dệt vải, họ có những câu hát, hát với nhau để quên công việc. Hát với nhau nhưng nếu có những chàng trai muốn đến hát thử tài với họ, họ sẽ không từ chối.

Nghề dệt vải có thể nói là một nghề sung túc, và con cái trong gia đình thường được đi học, có khi con gái cũng được cấp sách đến nhà các ông đồ ăn may đạo thánh. Bởi vậy trong vùng có nhiều học trò họ cầm trịch trong những buổi hát, họ nhắc cho các cô gái những câu hát để thử tài với các chàng trai.

Hát phường vải có nghi thức, không giản dị như lối hát của các phường khác, tuy tựu trung vẫn chỉ là hát đối đáp giữa trai gái.

Để bạn đọc có một ý niệm về lối hát phường vải, chúng tôi xin in ở phần *tài liệu đọc thêm* một bài viết về lối hát này.

### **Hát phường buôn**

Nhiều nơi vùng quê, sau những vụ mùa màng, người dân quê mang nông phẩm của mình đi bán, hoặc nhân lúc việc đồng áng rảnh rang mua nông phẩm của dân làng đi bán ở các nơi khác. Đây chỉ là những chuyên buôn bán tạm bợ, vì sự sinh sống chính là nông nghiệp.

Dân chúng vùng Nghệ Tĩnh cũng vậy. Đi bán như vậy họ họp nhau thành từng phường thì thường hàng mang bán ở chợ xa, họp thành phường đi cùng cho vui, để có sự giúp đỡ nhau khi cần thiết. Những phường buôn này gồm những người cùng buôn bán một thứ hàng và theo hàng hóa người ta gọi tên

phường, phường củ nâu, phường chè, phường gạo, phường chiếu v.v... Phần nhiều là dân quê nghèo, những người sung túc họ thường nghỉ ngơi sau mùa màng để bù lại sự vất vả của công nghiệp nhà nông, và nông phẩm của họ, họ bán ngay tại nhà cho người các phường tới mua mang bán đi các chợ.

Họp thành phường như vậy, họ tổ chức những cuộc hát với nhau. Thường thường họ đến nơi buôn bán từ ngày hôm trước để hôm sau họp chợ sớm. Tối hôm đó, các chàng trai hoặc ở các phường khác, hoặc ở nơi có chợ tìm phường có các cô thiếu nữ để xin hát một canh.

Cũng là để giải trí, nhất là để khoe tài, và đôi khi qua những cuộc hát phường đã có những đôi trai gái trở nên đôi bạn, nên các cô gái phường có trai phường khác hoặc trai làng chợ tìm đến yêu cầu hát, ít khi các cô từ chối.

Những câu hát của phường buôn cũng không qua những lời trao tình nồng thắm, những câu hỏi han nhau về gia cảnh, về lứa đôi, những câu ước hẹn chung tình.

*Nghe tin em buôn bán tảo tần,  
Khi đi xuôi về ngược, có nợ nần chi ai không?*

*Anh quen chưa ráo mồ hôi,  
Chưa trưa buổi chợ đã chia đôi nẻo đường.*

*Em đang buôn bán cõi này,  
Khi đi xuôi về ngược, ghe (còn) có ngày gặp nhau.*

Ngoài những câu hát yêu đương, vì họ là phường buôn, nên thỉnh thoảng có thêm vào những câu hát liên quan tới nghề nghiệp, chê những sự lọc lừa mua rẻ bán đắt, đong đầy bán vơi:

*Mẹ em cầm đầu đi lừa,  
Tham hơn ba hội, giã chưa đến trày(chày).*

Ai đã sống ở nông thôn, đã ăn gạo giã bằng cối ắt phải hiểu gạo phải giã đủ một số bao nhiêu chày mới trắng, gạo giã chưa đến chày là gạo giả dối và như vậy là do sự tham lam của người buôn gạo.

Chính vì sự tham lam mua rẻ bán đắt, buôn đầy bán vơi nên người đời mới có câu mai mỉa:

*Thực thà cũng thể lái buôn!*

Và trong khi hát với phường buôn, đã có những người lên tiếng chê bai phường buôn:

*Cha gang, mẹ sắt, con đồng,  
Tội gì mà lụy trong vòng nhà thau?  
Đói cơm mà hơn no rau,  
Khó mà quân tử hơn giàu lái buôn.*

Nhưng dù ai chê bai phường buôn thì mặc, phường buôn lại gặp phường buôn, và đã có nhiều đôi kết chỉ se tơ cùng nhau nối duyên tần tảo cho đến đầu bạc răng long.

Hát với nhau, họ nhớ nhung nhau, và trong những ngày xa cách họ hằng nhắc nhở đến nhau.

*Mấy lâu ni chợ đón không đi  
Đò Lường không ngược, không biết anh mắc công chi ở nhà(15).*

∞

Trên đây là mấy lời hát của mấy phường Nghệ Tĩnh. Còn nhiều phường khác với những lời hát riêng, mỗi phường có một vài nét đặc biệt và mỗi phường lại có những câu hát nói về nghề nghiệp của mình, còn ngoài ra phần nhiều là những câu hát trao tình của trai gái.

Các phường đó là:

- Phường gặt, câu hát và hoàn cảnh hát cũng tương tự như phường cấy.
- Phường nón, làm nón, làm áo tơi.
- Phường đan, đan những đồ dùng bằng mây, tre.
- Phường chiếu, dệt chiếu.
- Phường vàng, làm vàng mã.
- Phường đường, nấu đường mía.
- Phường vá lưới, vá lưới đánh cá.

## Hát giặm

Hát giặm cũng là một lời hát đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh như hát các

phường.

Hát giặm là hát thế nào? Muốn hiểu hát giặm là thế nào, trước hết cần phải hiểu giặm là gì.

Nguyễn Đông Chi trong Hát giặm Nghệ Tĩnh quyền một đã giải thích giặm là *đem một vật gì nhét vào, chắp vào, đệm vào, điền vào hay phỏ vào một cái gì còn khuyết, một cái gì còn có thể chứa được.*

Trong lúc hát giặm đối đáp, người trả lời phải liền vận với câu cuối của người hát hỏi. Thí dụ:

Hỏi:

*Tôi hỏi mợ mấy lời  
Xin mợ tường cho vẽ tỏ.*

Đáp:

*Lời cậu vừa nói đó  
Xui dạ thiếp âu sâu*  
.....

Nói liền vận như vậy gọi là *giặm*, và cũng còn gọi là *bắt xấp*, do đó hát giặm còn được gọi là *hát xấp* hay *hát luôn*(16). Luôn là len lỏi, ở đây là theo vận của người trên mà bắt vận câu hát.

Hát giặm có ba lối:

- *Hát ứng khẩu* để đối đáp giữa trai gái.
- Hát ứng khẩu giữa các bạn bè kể lên những câu chuyện mới xảy ra ở trong vùng hoặc ở nơi xa mới đồn đến. Cũng có khi có người biết hát đến chơi nhà bạn, hát chào mừng khen cái hay cái tốt của bạn. Ông Lê Văn Hảo đặt tên lối hát này là *hát giặm thời sự*(17).
- *Hát giặm vè*, dùng để kể đầu đuôi một câu chuyện hay một sự tích, văn thể gần giống như vè.

### **Hát giặm ứng khẩu**

Trong ba lối hát dặm, lối hát ứng khẩu giữa nam nữ trai gái là lý thú và thịnh

hành hơn. Trong cuộc hát giặm này, trai gái có dịp tỏ tài cùng nhau.

Cũng như hát ví, khi đi hát giặm, người ta họp nhau thành đoàn do một người cầm đầu gọi là *người bẻ chuyện*. Tay bẻ chuyện phải là người hát hay, bất thiệp khéo léo để có thể *noi theo câu hát của phe địch mà đối đáp cho sát nghĩa rồi nhân đó hỏi vặn lại*(16).

Cùng với người bẻ chuyện còn có một hai người *cặp*, người cặp hát lặp theo câu hát của người bẻ chuyện, làm sao cho giọng hát được đồng đều liền với nhau phát ra, có như vậy gọi là *hát cặp* và không phải là một việc dễ dàng. Người cặp phải là người hát khá và có thể trở nên người bẻ chuyện của một đoàn khác. Trong một đoàn cũng có người không biết hát, đi theo đoàn để tập hát.

Người bẻ chuyện phải giỏi giang để trong khi đối đáp có thể ứng khẩu hát lên hàng chục, hàng trăm câu hát trong mỗi canh hát.

Hát giặm có những thủ tục riêng.

*Lúc khởi sự hát, bên nam bắt đầu đứng lên xưng trước một vài lời giáo đầu cà kê bông lông. Chờ khi bên nữ có người cất giọng là câu chuyện mới bắt vào đề*(16).

Trong lúc hai bên hát, có thiên hạ đứng nghe bốn phía. Dưới đây là một câu hát giáo đầu:

*Tui cũng ngủ yên rồi,  
Cậu cũng ngủ yên rồi,  
Nghe đũa hú sau hời,  
Tui thức trước dậy ngời.  
Than với mụ một lời:  
Giữ tau thủ phận rồi  
Nhưng tính tau hay nhờ hay chơi  
Giữ hấn kéo hấn lôi  
Nhân trăng sáng rạng trời  
Theo bầu bạn đi chơi*(16).

Câu giáo đầu trên là theo lối cổ, nhưng có những câu giáo đầu rất ngộ nghĩnh khiến người nghe lấy làm thú vị. Sau đây là một câu ca tụng thổ sản hải sản của quê hương họ đề dần bắt sang quang cảnh cuộc hát.

*Ruốc tui ngon lắm bà ơi*



*Ngon bằng năm ruốc họ  
Ngon bằng mười ruốc họ  
Nhân trời thanh thanh tỏ.*

Sau câu hát giáo đầu là *câu nhập đề*. Phái nam hát câu nhập đề kèm theo những lời hát chào mừng.

*Tui nhóm bước chân ra,  
Cậu nhóm bước chân ra,  
Cũng không phải say đắm nguyệt hoa,  
Nhân chuyện vô đây đà,  
Trước mừng Ông mừng Bà,  
Sau tui trộm phép thưa ra.  
Từ kẻ lão người già,  
Đến con nít đàn bà,  
Cả bản hạt lân la,  
Một tiếng chào cao hơn mâm cỗ.*

Sau câu hát nhập đề, đôi bên trai gái hát mời trầu, mời cau, mời thuốc, hát hỏi lý lịch, rồi sau hết là đến những câu hát yêu đương. Yêu đương bao giờ cũng là chủ chốt của những cuộc hát giữa hai bên nam nữ bất cứ lời hát đó là lời gì.

Đôi bên nam nữ hợp nhau, cuộc hát giặm kéo dài có thể hết đêm này qua đêm khác. Cũng có khi đôi bên chỉ hát một canh, và chấm dứt cuộc hát một cách đột ngột có khi đến tàn nhẫn. Trước những lời ân cần của bên trai, bên gái có thể có cô lên tiếng phá đám cuộc hát:

*Em đã có chồng rồi,  
Em đã có lúa rồi,  
Vung úp đã vira rồi,  
Đũa ghép đã thành đôi,  
Bạn đừng có ỡm ờ với tôi.  
Tôi lấy chân khóa lại.  
Tôi lấy bàn khóa lại.*

Hát giặm có vài tục cho là *sái* nhưng người ta vẫn cứ phạm, sái là không nói có, có nói không, như gái có chồng trai có vợ vẫn nói là chưa thành gia thất. Họ phải nói dối vậy để còn có thể đi hát được ngõ hầu hưởng cái thú nam nữ gần kề, và để có thể khoe tài, có khi khoe cả sắc đối với nữ giới. Những khi hay tay bẻ chuyện tài ba gặp nhau, đố nhau những truyện trên trời dưới biển,

tìm được những điều hiểm hóc để mà đố khiến đối phương không thể đáp được là một điều thích thú vô cùng. Trong những trận tranh tài này, người thắng sẽ tiếng tăm lừng lẫy, được sự ngợi khen của cả vùng. Những câu hát họ đặt ra sẽ được truyền tụng.

### **Hát giặm thời sự**

Hát giặm thời sự không có trai gái đối đáp, chỉ là những cuộc hát giữa bạn bè để kể những chuyện đã xảy ra. Ở lời hát này, ý nghĩa và giọng hát cần hơn lời hát, và những câu hát thường hát xong là quên ngay, thắng hoặc có người nhớ thì cũng không nhớ được hết bài. Hát giặm thời sự còn dùng để chúc mừng ca tụng người chủ nhà mình đến thăm. Dưới đây là một thí dụ:

*Tràng cảnh lưu liên,  
Anh em vui mừng tràng cảnh lưu liên.  
Được hai chữ vững bền,  
Được bốn chữ bình yên(17).*

### **Hát giặm vè**

Câu hát trong lối này đặt thành từng chuyện kể đầu đuôi một việc, một sự tích. Lời văn và ý nghĩa trong câu hát được chú trọng hơn giọng hát. Câu hát có thể đọc lên như một câu vè. Những câu hát giặm vè thường được đặt trước, phải có sự suy nghĩ của người đặt, không thể ứng khẩu như hai lối hát trên. Những câu hát giặm vè thường dài, có khi đến hàng trăm câu, và thường các tác giả được lưu danh. Cụ Phan Bội Châu có sáng tác bài kể chuyện Năm Châu dùng cho hát giặm vè, dài 150 câu và bắt đầu bằng những câu sau:

*Kể chuyện Năm Châu  
Em ngồi kể chuyện Năm Châu:  
Á, Úc, với Phi, Âu,  
Bên tây cầu châu Mỹ.  
Lần xem trong lịch sử,  
Thay đổi mấy tang thương,  
Kẻ nhược có người cường,  
Giống trắng có giống vàng,  
Giống đen đỏ rõ ràng.  
Cõi thế giới soi gương,  
Ai đồng tâm soi lại,*

*Ai nhiệt thành soi lại.*

.....

Qua những câu hát trên, ta thấy những câu hát giặm được sáng tác theo thể ngũ ngôn hoặc ngũ ngôn biến thể với những câu 6,7 chữ nhưng rất ít.

Mấy câu đầu bài hát thường hay láy lại, cốt nhắc lên ý toàn bài.

Những câu láy lại, hát lên ảnh hưởng đến nội dung lời ca.

Hát giặm rất khó khăn, rất tốn hơi, do đó vùng Nghệ Tĩnh đã có câu:

*Dai nhất là thổi tù và,  
Thứ hai hát giặm, thứ ba thả diều.*

## Hò Huế

Hò Huế là điệu hò đặc biệt ta hằng được nghe các cô lái đò sông Hương hát lên.

Ở Huế, hò được phân biệt *hò mái nhì*, *hò mái đũa* và *hò mái đẫy*.

*Mái* chính là chiếc bơi chèo. Một con thuyền thường có hai bơi chèo, chiếc ở đằng trước gọi là *mái nhất*, chiếc đằng sau gọi là *mái nhì*.

*Hò mái nhì* là giọng hò khi kẻ trước người sau cùng chèo.

*Hò mái đũa* là giọng hò lúc thuyền buông tay chèo.

*Hò mái đẫy* là giọng hò khi chèo thuyền hai tay cầm hai chèo xoay lưng về hướng tiến lên mà chèo, vừa chèo vừa hò. Chèo thuyền như vậy gọi là *đẫy*.

Ba lối hò, tên khác nhau, tùy theo động tác của người hò, nhưng lúc hò, các cô lái đò thường dùng những câu ca dao đã có sẵn, hoặc đôi khi hát lên những điệu hát của cổ đô.

Thường câu hò chỉ nói nhiều về yêu đương như bất cứ lối ca hát nào, nhưng đôi khi cũng bày tỏ những nỗi niềm ngoài phạm vi tình ái, như câu hò để nhớ tiếc ông Trần Cao Vân đã giúp vua Duy Tân chống Pháp, nhưng việc không

thành rồi bị xử tử:

*Chiều chiều trước bến Văn Lâu,  
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm.  
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong?  
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,  
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non!*

Và câu hò say đây nói lên tình thế ngựa nghiêng của nhà nước vào đời vua Thiệu Trị:

*Bên chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,  
Bên chùa Thọ Lộc, tiếng trống sang canh.  
Giữa sông Hương, dọn sóng khuynh thành.  
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh ngựa nghiêng.*

Theo Thái Văn Kiểm câu hò này đã nhắc lại một cuộc họp lịch sử vào năm 1847, nhân lễ tứ tuần của vua Thiệu Trị khi đó có cuộc tập họp của 773 bô lão, tổng cộng là 59017 tuổi(18).

Quốc sự đang ngựa nghiêng, đảng Văn Thân gieo ra mấy câu hò thống thiết để kêu gọi nghĩa sĩ bốn phương.

Những câu hò đều ý nghĩa bóng bẩy nhưng đã thúc giục lòng yêu nước của mọi người.

*Chợ Đông Ba đem ra ngoài giai,  
Cầu Tràng Tiền đúc lại xi mon.  
Ôi người lỡ hội chồng con,  
Về đây gá nghĩa vuông tròn với ta.*

*Tiếng hát Ngư Ông giữa sông Nhật Lệ,  
Tiếng kêu đàn nhạn trên ánh Hoàng Sơn.  
Một mình em ngồi giữa sông Hương,  
Tiếng ca theo khúc đoan trường ai nghe!*

Đôi khi câu hò cũng là những bức tranh linh động tả cảnh Huế cùng những vùng lân cận:

*Tỉnh Thừa Thiên dân hiền cảnh lịch,  
Non xanh nước biếc, điện ngọc đền rồng,  
Tháp bảy tầng, Thành Miếu, chùa Ông,*

*Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam tòa,  
Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua,  
Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ đợi khách âu ca thái bình.*

Dù sao, những câu hò tả cảnh, nhắc lại lịch sử cũng chỉ là số ít, đa số câu hò đều là những câu hát yêu đương:

*Nước đầu cầu, khúc sâu khúc cạn,  
Chèo qua Ngọc Trản đến Vạn Kim Long.  
Sương sa gió thổi lạnh lòng,  
Sóng xao, trăng lạnh gọi lòng nhớ thương!*

*Cầu Tràng Tiền sáu vại mười hai nhịp,  
Anh qua không kịp tới lăm anh ơi!  
Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời,  
Dẫu có xa đi nữa cũng bởi Ông trời mà xa.*

Ngoài những câu ca dao thường được dùng làm câu hò, các thi nhân cũng sáng tác nhiều câu hát cho mỗi loại hò.

## **Hò mái dẫy**

### ***Biết an phận***

*An phận, thân vô nhục,  
Tri cơ tâm tự nhàn.  
Đám phù vân chấp chóa bóng giàu sang,  
Chớ trông mong cho khỏe bụng,  
Cứ chàng ràng mãi mắt công.*

Thảo Am Nguyễn Khoa Vy

## **Hò mái nhì**

*Biết ở đâu là cầu Ô Thước?  
Mênh mông nguyện ước, dưới nước trên trời.  
Đêm khuya ngót lạnh mù khơi,  
Khúc sông quanh vắng có người sầu riêng*

Ứng Bình Thúc Giạ

*Tâm sự chát chua biết ai mua mà bán,  
Rao khắp chợ đời không thấy dạng người mua!  
Bán buôn là chuyện bông đùa,  
Đành đem tâm sự chát chua ra về.*

*Biru Lộc*

## **Hò giã gạo**

Thực ra không phải chỉ riêng ở Huế có lối hò giã gạo, lối hò này khắp Bắc Trung Nam đều có. Đây là những câu hò trai gái hò với nhau, hoặc hò một mình trong khi giã gạo để quên mệt.

Khi trai gái cùng đối đáp, họ dùng những câu hò để trao tình và cũng để thử tài nhau. Dưới đây là một thí dụ, các câu hò do cụ Ứng Bình Thúc Giạ sáng tác.

Nữ:

*Giữa chợ phiên có điều lạ lạ,  
Có dân quê giã gạo hò khoan;  
Hay đâu có thiếp có chàng,  
Thuyền duyên quân tử hai đàng gặp nhau.*

Nam:

*Chợ phiên đây không có dây Bà nguyệt,  
Xe duyên xe nợ chữa biết làm sao;  
Thuyền duyên mới gặp anh hào,  
Một đôi câu nhân nghĩa hát chào nhau chơi.*

Nữ:

*Điệu hò khoan em nghe anh hát,  
Câu mái đẫy em xin hát anh nghe.  
Mặc dầu ai có khen chê,  
Giờ hay tay giữ dạ, chớ hề đơn sai.*

Nam:

*Khen với chê là nghề khán giả,*

*Dở vớ hay xin hạ bút trường quan.  
Giải thưởng treo có bạc có vàng,  
Có anh đây là Tư Mã, lại có nàng là Văn Quân.*

Nữ:

*Nay mô may, gặp người quân tử,  
Xin cho tiện nữ hỏi vài câu:  
Xôn xao kẻ trước người sau,  
Giữa chợ phiên qua lại ai sầu ai vui?*

Nam:

*Bạn thuyền duyên hỏi chi câu nớ?  
Trang hào kiệt nghe đà khó nghe.  
Buồn là buồn cho qua chẳng có hiền thê,  
Vui là vui cho bậu cập kê đang kén chồng.*

Nữ:

*Ai có chồng ai không có vợ,  
Chừ duyên chừ nợ, xin chớ nói dè chừng;  
Tuổi em đây hãy còn xuân,  
Dạo chơi giữa chốn ba quân em kiếm chồng.*

Nam:

*Mày liễu mặt hoa gọi là sắc gái,  
Văn hay võ giỏi mới gọi tài trai;  
Chợ phiên này cô đã dạo chơi,  
Hỏi thăm cô đã chám đặng người mô chưa?*

Nữ:

*Nói rằng chưa thời tôi chưa muốn nói,  
Thưa rằng cò thời tôi nợ muốn thưa.  
Dầu cho năm lộc bảy lưà,  
Duyên đặng không thuận nẻo, gió đưa biết rằng chừ?*

Và dưới đây là hai câu hò đối đáp để thử tài nhau.

Nữ:

*Chợ Ngô Thành tiếng tiêu ai thổi?  
Chợ Hoài Âm ai lòn lỏi thiếu niên?  
Ngày xưa ai đến chợ phiên?  
Nhớ xưa danh sĩ, danh hiền là ai?*

Nam:

*Chợ Ngô Thành là tiếng tiêu ông Ngũ Tử,  
Chợ Hoài Âm là lịch sử chú Vương Tôn.  
Hay tay Quốc Sĩ tiếng đồn.  
Chuyện xưa tích cũ, e cô gái khuê môn đã thuộc lòng.*

## Ca Huế

Ngoài các lời hò, Huế còn có những lời ca đặc biệt được mệnh danh là *Ca Huế*. Những bản ca này cũng thường được các cô lái đò sông Hương nhắc tới: gọi là ca Huế, nhưng ta có thể thấy ở khắp miền Trung, nhất là các tỉnh ở giữa Trung Việt, và ngày nay ở cả miền Nam Việt nữa. Dưới đây là mấy lời ca Huế chính.

### Cổ bản

Nguyên là một bản nhạc [cổ\(19\)](#). Bản nhạc này được phổ thành rất nhiều bản ca khác nhau về ý và lời. Cổ bản còn được gọi là ca Bắc hoặc ca Lý. Xuất xứ không rõ ở đâu nhưng người Huế hay ca cùng với các điệu ca khác. Bài ca có sáu vắn làm sáu khổ. Đây là một thí dụ:

*Duyên thắm, duyên càng đượm vì giống đa tình,  
Thêm nhiều ngày mặn nồng càng xinh.  
Song duyên kia đừng phụ, nào trách mình.  
Chỉ non thề nguyện cùng trời xanh!  
Lòng dặn lòng cho đành,  
Nối kết mình, kết mình!*

*Thư nhận đưa tin tháng ngày,  
Nguồn ân ái dám đâu vui đây,*



*Thương càng bận làm bận lòng đây,  
Vấn vương tình tự vì đây,  
Tơ hồng kéo se thực là may.*

*Trăng rọi thêm hoa,  
Lầu ngọc sáng lò,  
Hương hương ngút nhà,  
Khắp gần xa,  
Tiếng đàn hòa ca.*

*Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,  
Say sưa cùng mình.*

*Sánh tay vai,  
Nhân ngãi lâu dài,  
Thực là vui, dám nào phai,  
Tâm đầu ý hợp như rứa mấy người!  
Ngọc Vô Hà, Biện hòa mới hay!  
Một ngày tương tri, tình si ấy là ai,  
Muôn vàng không ngại mua ngay tiếng cười,  
Gọi mười người như người.*

*Anh hùng có đâu, có là đâu,  
Thôi thôi đừng, đừng năn nỉ suy nghĩ thêm sâu;  
Mặc ai dầu,  
Lại hầu thương yêu, mặng nông bao nhiêu!  
Đường còn lâu, chút tình sâu!  
Vui lòng ưng ý, danh lỵ chi cầu!*

## **Kim tiền**

Kim tiền cũng nguyên là bản nhạc được phổ thành nhiều bản ca, rất phổ biến ở Huế, điệu nhịp mạnh và nhanh. Kim tiền ca chỉ có hai vần và hai khổ:

*Bắt tay ngồi lại đây,  
Không mấy khi ta gặp bên này,  
Cho đó rõ niềm Tây,  
Lời đắng cay,  
Tuy xa đàng, không xa mặt,  
Chung tình lại càng vui,  
Càng thêm vui...*

*Ai khéo xui mình gặp,  
Một cặp đa tình,  
Thiệt tại trời xui mình.  
Hay là lối ba sanh,  
Hay đó là lối ba sanh,  
Xin cho bền dạ, giữ dạ.  
Dầu gặp người quen,  
Xin cho bền dạ, giữ dạ.*

## **Lưu thủy**

Đây cũng là một bản nhạc cổ được phổ thành nhiều bài ca. Mỗi bài ca có bốn khổ tạo nên bởi bốn vãn:

*Kể từ ngày gặp nhau,  
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau,  
Dây tơ mảnh se chặt với nhau.*

*Se không dặng đem tình thương nhớ,  
Cảm thương người ngẫm nghĩ ba thu,  
Xa cách nhau đêm năm vẫn thấy.*

*Thấy là thấy chiêm bao,  
Biết bao vấn vương bên mình,  
Mình giạt mình đòi con.*

*Biết bao lại quan sơn một đường,  
Tình thương tơ vương mọi đường,  
Xin cho trọn cương thường.*

## **Hành vân**

Cũng như Lưu thủy, Hành vân cũng do một bản nhạc cổ mà ra, và mỗi bản ca cũng có bốn vãn tạo thành bốn khổ:

*Một đôi lời,  
Nhấn bạn tình ơi!  
Thề non nước giao ước kết đôi,  
Trăm năm tạc dạ,  
Dầu xa cách, song tình thương nhớ chớ phụ thì thôi.*

*Niềm trọn niềm xin đừng xao nhãng,  
Trước kia định nợ ba sanh.  
Đẹp duyên lành,  
Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh.*

*Dầu tiên có tại non Bồng,  
Kết nối tơ hồng,  
Ấy thời trông!*

*Nghĩa sắt cầm,  
Hòa hợp trăm năm,  
Bởi vì xa cách, nhắn nhe cùng bạn tri âm.*

## **Nam ai**

Nam ai là bản nhạc buồn nhất được phổ lời ca, lời ca thường cũng buồn. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ:

*Khuyên ai gấn bó đèn công trình thầy mẹ,  
Ân nặng nương sông, nghĩa chắt non cao.  
Ơn cùc dục cù lao,  
Sinh thành lo sợ xiết bao,  
Lo cơm bữa nương nao,  
Ấm bông ra vào.*

*Nâng niu, bú mớm đêm ngày xem tà vàng ngọc,  
Hay chạy, hay đi, lúc nắng lúc mưa.*

*Từ xưa đến giờ,  
Lúc hầy còn thơ,  
Đến bây giờ,  
Chịu nhục nhơ,  
Biết bao nhiêu mà!  
Trông năm trọn ngày qua,  
Da môi, tóc bạc, mảy xa,  
Khuyên trong cõi người ta,  
Thảo ngay mới là!*

## **Nam thương**

Cũng là một bản nhạc buồn, một bản cổ nhạc được phổ lời ca. Phải chăng vì chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành nên bản nhạc này cũng như nhiều bản nhạc khác đượm vẻ buồn. Ca thể cũng có ba vần như Nam ai để tạo thành ba khổ:

*Ôi! Tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước,  
Ngàn dặm chơi vui!  
Mấy lời nào dễ sai lời,  
Ai ơi, chớ đem dạ đổi dòi,  
Ý ưng tình thêm càng ưa ý.  
Thiệt là đặng mấy người,  
Lại sai lời.*

*Tương tri cho đá vàng thêm lại yêu vì,  
Nhớ khi cuộc rượu câu thi,  
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì!  
Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai.*

*Buộc lại người sinh,  
Lời hẹn ba sinh,  
Vấn vương tơ tình.*

## **Nam bình**

Vốn là một bản cổ nhạc không buồn không vui, âm thanh nhẹ nhàng đi đều đều, được phổ ra lời ca và thường được ca nhi ưa hát. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ:

*Thương nhau vì nợ tri âm,  
Mối tình thâm!  
Buộc ràng đây đó,  
Vầy cuộc ca ngâm.  
Dưới trần như đã riêng phần!  
Để riêng phần!  
Mặc duyên may hay là nợ với nần.  
Chi bằng ưa ý,  
Nợ hay duyên, hỏi người thanh khí,  
Ai là kẻ xoay vần?  
Tuổi xuân xanh, chưa từng cái nợ phong trần,  
Vương vào cuộc ân ái,*

*Càng cay đắng, đắng cay muôn phần.*

*Được như lời ước mong,  
Cho thỏa tình tư tưởng.  
Tưởng rồi trông,  
Ngồi tựa bên sông,  
Thỏa mùi bông,  
Vấn vương tơ lòng.*

*Oi người Việt ơi!  
Gặp khi thời lai...  
Ngọn đèn kiến thức,  
Bừng rạng muôn nơi,  
Trí tài đua kịp theo người,  
Kịp theo thời sánh chung vai...  
Cho xứng mặt giống nòi,  
Sống đời khang thái...  
Bước quang vinh ta càng hăng hái,  
Thêm vững thêm dài.  
Hết công gai...  
Tung cánh bằng bay lượn khắp trời.  
Nhân dân chờ một tương lai...  
Mừng nay đến, đến trong mọi người,  
Vững một niềm an vui...  
Đô thị cùng hoang dã đã hòa lai,  
Rạng ngời ánh mai... cảnh càng tươi,  
Ý dân là ý trời.*

∞

Ngoài những ca thể trên, ở Huế còn rất nhiều thể ca khác, phần nhiều là do những bản nhạc cổ, những bản nhạc này phần lớn đã được trình bày trong chương thứ nhất về Cầm. Dưới đây, soạn giả xin cố gắng, về mỗi ca thể chúng dẫn một bài để bạn đọc cùng hiểu, nếu có thiếu sót hoặc sai lầm rất mong được sự nể tình.

## **Tứ đại cảnh**

*Thương trăng tròn, thương trăng khuyết,  
Thương tha thiết, trăm mối bên lòng,*

*Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm ong,  
Thương đóa hoa tàn lạt phai hương,  
Nào ai kẻ buồn trông?*

*Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không biết về đâu!  
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi nao!  
Thương số ba đào, chìm nổi lao đao,  
Đời vất vả biết là bao?*

*Thương chim nhạn đêm đông kiếm bạn,  
Bao quản tuyết sương!  
Sương tuyết sương dày dạn, tiếng nhạn kêu thảm thương!  
Thương kẻ si tình, theo dõi người thương.*

*Trông mòn mỏi ngày xanh,  
Đành đành thương trông đỉnh Ngự chiều đông.*

*Thông reo ão nùng,  
Mưa gió không ngừng,  
Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng không?*

*Ngùi ngùi thương ca nhi giữa sông Hương,  
Véo von gọi tình năm canh,  
Dầu giải sương gió sương,  
Cái thương sao cứ quanh bên mình.  
Thương chi trọn trăm nghìn mối thương,  
Thương đâu vẹn trăm nghìn mối tình thương.*

## **Bình bán**

*Non nước, nguyên non nước,  
Xin ai sánh vai đờng ngại,  
Quyết lâu dài, sum vầy trúc mai,  
Mây lời phụ người,  
Cùng nhau trước sau cho vẹn.  
Trăm năm chớ đem tình, tình lợt phai,  
Dầu lạt vàng phai, dấm nê sai,  
Có đâu đời đôi tính ai!  
Nhấn khuyên bạn ân tình hãy còn lâu,  
Lại giục lòng ta, nhớ người xa,  
Bóng trắng tà, gió lồng hơi ba.*

*Cầm ca, ngân nga tiệc quỳnh,  
Trần trọc, xa môi vàng đá dựa màn loan,  
Giận duyên, buồn riêng,  
Chạnh niềm tây, đắng hòa cay,  
Châu rơi tương tư càng nặng.  
Khéo thay là, những lại qua,  
Đêm thanh vắng, tình người ngọc,  
Thở than thêm phiền!  
Buồn tủi phận, lặn đạn bèo mây,  
Trăng gió, trăng gió đưa tình,  
Vừa gặp mình, thiệt trời khéo dành!*

## **Tầu mã**

*Cành bèo sen, đà hiệp duyên,  
Trăng thè một bên, vầy bạn tiên.  
Lúc say tỉnh mảnh trăng tàn,  
Chuyện hiệp tan, màn loan.  
Bấy lâu đợi chờ,  
Chút duyên tình cò,  
Lúc tình cò, bây giờ thấy đây!  
Một lòng càng xinh,  
Có tình với mình ấy ai?  
Ngậm ngùi lúc hương nguyên,  
Rượu nghiêng tiệc quỳnh,  
Mây nổi đá vàng,  
Đêm thâu người đâu, người đâu?  
Người đâu đã thấy nhau còn ngờ!  
Người đâu lại thấy bây giờ!  
Ngày xưa, mưa gió thêm nồng,  
Song đã vương vấn, vương vấn tơ mảnh,  
Thè non, thè chớ sai lời!*

Điệu ca tàu mã hát dồn dập như ngựa nhảy. Điệu này nguyên trước đây là một điệu ca nhạc của Tàu cho nên cũng gọi là *ca khách*, và bản nhạc gọi là *nhạc khách*.

## **Nam xuân**

Nguyên là bản nhạc Nam, bản nhạc vui nhất trong các bản Nam, được phổ lời ca. Dù là bản nhạc vui hơn các bản khác nhưng vẫn đượm nét buồn do đó bản ca Nam xuân khi hát lên nghe cũng man mác hiu buồn, một cái buồn thướt tha trầm trầm.

*Nhấn nhe vườn hạnh, ngòi chờ chim xanh,  
Khéo đưa tình,  
Đưa tình đưa lại cho ta, lại cho ta,  
Trót đã nặng mà!  
Đã gần xin bạn đừng xa,  
Sớm đào tối mạn lân la,  
Trước còn trăng gió, còn trăng gió,  
Sau ra đá vàng!  
Loan ôm phụng, phụng ôm loan,  
Biết bao giờ cho hiệp mặt mơ màng.  
Đã lo toan vầy hiệp nhân gian,  
Mây hồng đưa gửi thơ nhàn, gửi thơ nhàn,  
Đưa sang tình tự thiếp chàng,  
Đôi đàn thương nhớ,  
Thiếp với chàng, đôi đàn thương nhớ.  
Thương nhau phải băng ngàn!  
Trót cưu mang, xin cho toàn,  
Chớ đem dạ phụ phàng!  
Mảnh trăng thề vầng vặc soi chung,  
Đầu thu hết, sang đông, đông xin chờ!  
Mối chỉ hồng cạy cùng Ông Tơ,  
Se dây Bà Nguyệt.  
Cho duyên này hiệp mặt sum vầy,  
Đài gương suốt đó đây phỉ nguyên!*

## **Phú lục**

Nguyên cũng là một bản đàn được phổ lời ca. Phú lục thường gồm bốn vắn, bốn khổ:

### ***Giữa bụi hồng***

*Thấy, thấy nghe thấy,  
Thấy nghe thêm nực cười,  
Khiến cho người đòi phen,*



*Ngồi không xuống, đứng không yên,  
Lạ quen đưa chen ngõ ngang.*

*Đời muôn mặt, đời lắm tuồng,  
Say cùng tỉnh, đà chuyện thường,  
Bao màu sắc, bấy đau thương,  
Ngao ngán trăm đường,  
Ôi đâu còn đa đoan!*

*Câu danh lợi như giấc mộng vàng,  
Càng suy nghĩ... lòng thêm càng,  
Trông cây cỏ mà thẹn thường,  
Lo quyền quý, sánh thua hơn,  
Năm tháng quay cuồng,  
Đâu tâm hồn... đâu tâm can.*

*Rằng hay... rằng dở... rằng khéo khôn...  
Khôn khéo... dẫu dẫu ai tường,  
Lỡ làng khắp muôn nẻo đường,  
Bụi hường... chèn chân mãi càng vương,  
Luống trông vời non nước,  
Khốn lo toan.*

*Bửu Lộc*

Ngoài các bản ca trên rất được phổ biến tại Huế, còn nhiều bản khác, nhất là các bản Tàu với mười bản cổ, mệnh danh *Liễn bộ thập chương*, rất được giới ca nhạc xưa sử dụng:

*Phẩm Tuyết,  
Nguyên Tiêu,  
Hồ Quảng,  
Tây Mai,  
Liên Hoàn,  
Xuân Phong,  
Long Hồ,  
Giao Duyên,  
Quả Phụ,  
Lý Tử Vi.*

Cũng còn nhiều bản ca khác nữa, rất tiếc soạn giả không biết rõ hết để trình

bày cùng bạn đọc.

## Hò miền Nam

Cũng như ở miền Bắc và miền Trung, miền Nam cũng có những câu hò để trai gái hò cùng nhau, hoặc hò một mình trong khi làm những công việc nặng nhọc. Tuy câu hò không làm tiêu tan được sự mệt mỏi, nhưng cất tiếng hò, người ta cảm thấy như công việc nhẹ nhàng đi phần nào, và sức chịu đựng như tăng lên.

Miền Nam cũng có nhiều lối hát hò khác nhau tùy theo công việc và tùy theo trường hợp của người hò.

Sau đây là mấy loại hò miền Nam, được phổ biến hoặc trên toàn cõi miền Nam, hoặc trên một vài địa phương.

### Hò cấy

Phổ biến khắp miền Nam. Lối hò này tương tự như lối hát ví ngoài Bắc khi trai gái làm đồng hò với nhau, tuy giọng hò có hơi khác giọng ví.

### Hò chèo thuyền

Phổ biến khắp miền Nam. Trai gái trong lúc chèo thuyền hò với nhau, hoặc trong khi đi sông nước hò một mình. Miền Bắc và miền Trung có giọng hát dò đưa, miền Nam có hò chèo thuyền.

- Hò Đồng Tháp.
- Hò Bến Tre.
- Hò Bạc Liêu.
- Hò Sa Đéc.
- Hò Đồi Gò Công.
- Hò Đồi Mỹ Tho.

Sáu loại hò này là những loại hò địa phương, mỗi nơi giọng hò hơi có khác nhau, nhưng tựu trung đây đều là những "*Loại hò chèo thuyền phổ biến trên các sông lạch miền Nam là những đường giao thông thông dụng nhất.*" [\(20\)](#)

Ngoài các loại hò trên, có lẽ tại miền Nam cũng còn những loại hò khác, nhưng khi hò lên giọng cũng không khác mấy các loại hò trên, và cũng được nam nữ hò đôi cùng nhau trong lúc làm việc trên cạn hoặc dưới nước.

Cũng như bất cứ loại ca hát nào, những câu hò thường nói tới sự yêu đương của trai gái, mặc dầu cũng có những câu nhắc tới những vấn đề khác, như tỏ lòng mến phục kính yêu các vị anh hùng cứu quốc, như nhắc tới lòng oán hận của dân chúng đối với cường hào ác bá, như nêu lên những đức tính tốt của phụ nữ:

*Chẳng thà em chịu đói chịu rách,  
Học theo cách Bà Mạnh, Bà Khương,  
Không thềm như Chị Võ Hậu nhà Đường,  
Làm cho bại hoại cương thường hư danh.*

Những câu hò nhắc tới những vấn đề ngoài yêu đương như vậy không nhiều, chỉ những câu hò nội dung trữ tình là phong phú nhất.

Hò là một loại dân ca, mà đã là dân ca, phần lớn các câu ca dao được sử dụng. Những câu hò miền Nam cũng như những câu hát miền Bắc và miền Trung đều thoát ở những câu ca dao ra, nhiều khi chính là những câu ca dao.

Này đây, ta hãy nghe giọng hò của một chàng trai chờ đò lúc đêm khuya, trước sự lẻ loi của mình:

*Gió đưa cơn buồn ngủ lên bờ,  
Mừng ai có rộng cho tôi ngủ nhờ một đêm!*

Nghe câu hò sàm sỡ, không hiểu câu cô lái đò miền Nam có trả lời chẳng. Có thể cô dùng một câu ca dao để đáp lại:

*Trời một vùng đêm dài không hạn,  
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông:  
Thân em là gái chưa chồng,  
Tơ duyên có chắc như dòng nước chảy?*

Có khi cảm vì câu hò có duyên của cô gái, chàng trai đem dạ mến thương:

*Sông sâu sóng bủa lán cò,  
Thương em vì bởi câu hò có duyên.  
Làm thơ chẳng biết cậy ai đem,  
Cây con chim nhận nó đem cho mình.*

Trong những câu hò thường có những câu nam nữ thách đố thử tài nhau:

*Nước dưới sông lững đững,  
Mây đưa gió vật vờ,  
Tơ duyên đã buộc sờ sờ,  
Qua đây bậu đày còn chờ đợi ai?  
Thấy em hay chữ,  
Anh hỏi thử đôi lời:  
Tây giăng dây thép giữa trời làm chi?*

Đây là một câu nam hỏi nữ. Nam nữ bình dân thường hỏi đố nhau những câu rất tầm thường. Nam hỏi thì nữ đáp, nhưng vừa đáp nữ vừa hỏi lại:

*Tây giăng dây thép giữa trời,  
Chờ anh có việc trao lời em hay.  
Tiếng anh ăn học chữ Tây,  
Cho em hỏi thử mặt trời xây phía nào?*

Nữ hỏi thì nam cũng đáp, đáp để tỏ ra mình không kém cõi:

*Mặt trời sáng mọc phương Đông,  
Chiều tàn bóng xế xây trong non Đoài.*

Cũng có khi câu thách đố cần một sự hiểu biết sách vở cao hơn mới trả lời được. Thường những câu này, cũng như những câu hát ví phường vải ở Nghệ Tĩnh là do những người có học thức đặt trước hoặc trong những cuộc hát đối đáp, những người này đã gà ngĩ hộ một bên nào:

*Hỏi anh đọc sách thánh hiền,  
Ai người đi tới non tiên đúc vàng?  
Tiếng anh ăn học nhà trường,  
Trả lời em thử trong vườn mấy cây?*

Trả lời:

*Em nghe anh trả lời đây,  
Trong vườn chỉ có hai cây nghĩa là:  
Một cây xanh tốt rườm rà,  
Một cây xanh tốt nữa là thung huyền.  
Sách xưa chép chữ còn nguyên,  
Người cày núi Lỗ non Tiên đúc vàng,  
Trời xui anh đặng gặp nàng,*

*Bà Nguyệt cho sợi xích thành hôm nay!*

Muốn đố gì thì đố, bao giờ rút cuộc cũng là những lời hát trao tình yêu đương. Những cuộc hò đôi đáp hai bên kéo dài cho đến khi xong công việc, cũng có trường hợp tuy rất hiếm, cuộc hát không được đến đâu đến đũa vì trong câu hát đôi bên có sự xích mích. Trong trường hợp này, nhiều khi đôi bên hát những câu thật tàn nhẫn, có khi như chửi nhau:

*Vườn có chủ, giữ gìn cây có chạ,  
Hoa có rào ngăn đón bướm ong vô.  
Hỡi anh chớ khá bơ thờ,  
Đừng có quen đường cũ bước trờ gãy chân!*

Sự xích mích rất ít xảy ra, vì đã ưng đôi đáp với nhau, họ chỉ tìm những câu nhẹ nhàng êm ái để trao đổi với nhau, tuy đôi khi người con gái tỏ kiêu kỳ, nhưng kiêu kỳ để chinh phục chàng trai:

*Chết tôi tôi chịu,  
Mình đừng bận bịu,  
Bớ bạn chung tình!  
Nhạn bay cao khó bắt,  
Cá ở ao quỳnh khó câu.*

Cô gái có ý nói mình không phải là kẻ dễ dàng, không phải bạ đâu vương đấy.

*Cá ở ao quỳnh cá cũng ở lâu,  
Mồi ngon thả xuống lâu lâu cũng chìm.  
Nhạn bay cao nhạn mồi nhạn tìm,  
Giương cung theo mãi cũng hình nhạn sa.  
Sao mình không lo bả lo ba,  
Lo cau trở muộn lo già hết duyên.*

Tóm lại dù một cuộc hò có bắt đầu bằng những câu hò thế nào đi chăng nữa, thường cũng kết thúc bằng những câu yêu đương đầm thắm.

Trai gái hằng ngày gặp gỡ nhau, sự yêu đương càng nảy nở, và những câu hò càng thêm tình tứ, dù họ hát lại những câu ca dao cũ hay sáng tác ra những câu hò mới trong dịp đôi đáp với nhau.

Quang cảnh những buổi hò thật là vui, nhất là những buổi hò đã tụ tập trai gái vì công việc.

Sự gặp gỡ giữa trai gái là một sự thường trực diễn ra hàng ngày hàng đêm, trên đồng, dưới sông, chung quanh cối xay, cối giã, giữa đêm trăng, trong đêm tối, giữa một gái một trai, giữa một đám người có thể gồm cả nam phụ lão ấu, trong hoàn cảnh thiên nhiên, giữa nhịp sống thông thường của dân tộc. Sinh hoạt trong nông thôn, công tác nơi đồng áng không phân rẽ trai gái, mà trái lại, luôn luôn đoàn tụ trong một tinh thần tương trợ tương thân, trên một thửa đất màu mỡ lành mạnh làm chứng cho cuộc gặp gỡ duyên vị nông nàn(21).

Cùng làm việc, cùng gặp gỡ, câu hò đã nói thay lời nói yêu đương, và sự yêu đương luôn luôn được giới hạn trong vòng lễ giáo, được sự chấp thuận và giúp đỡ của người lớn. Chính vì vậy mà trải bao nhiêu cuộc biến chuyển của đất nước, những lối hò vẫn tồn tại, và sẽ còn tồn tại mãi mãi và những câu hò sẽ ngày một thêm phong phú về nhạc điệu cũng như về nội dung, nhất là về nội dung.

Đêm khuya thanh vắng cũng như ban ngày giữa đồng ruộng, chúng ta còn được nghe những tiếng hò ơ, bắt đầu một câu hò. Hai tiếng hò ơ có thể kéo dài như vô tận trước khi bước vào câu hò chính thức.

Những tiếng hò ơ tiêu biểu của câu hò miền Nam cũng là những tiếng để nói lên cái tinh thần đoàn kết bất diệt của dân Việt Nam. Người Việt đã đoàn kết để chung vui, đã đoàn kết để khuyến khích nhau trong công việc, đã đoàn kết để khích lệ nhau trên đường chính nghĩa, và sự đoàn kết càng keo sơn bền chặt trước những quốc biến, ấy cũng là nhờ ý nghĩa những câu hò, và ảnh hưởng của những cuộc hò đối đáp, Nam, Bắc, cũng như Trung.

## Hát vè

Chính nghĩa vè là một bài văn kể một chuyện đặc biệt xảy ra và ngụ ý khen chê(22). Bài này này thường làm thành thể thơ bốn chữ, năm chữ, lục thất hay song thất lục bát hoặc các thể thơ trên với biến thể.

Bài vè được đặt ra thường được hát lại và truyền khẩu người này qua người khác.

Thông thường những bài vè bắt đầu bằng mấy chữ vè vè vè.

*Vẻ vè vè  
Mày vè lá lốt.  
Cô kia thời tốt  
Câu nọ thời xinh  
Đôi bên rập rình  
Muốn lấy nhau chăng?*

Những bài vè theo thể lục bát, song thất lục bát v.v... có khi không có mấy chữ vẻ vè vè, nhất là những câu vè miền Bắc:

*Làng ta có sự nực cười,  
Có Ông Nhiêu Bút là người rượu say;  
Mỗi ngày một lít như bay,  
Rượu say ông mới làm bây giờ trò.  
Bà Nhiêu sao chẳng biết lo,  
Mượn lũ thợ cấy, ông mò một cô.  
Nhưng mà hư hỏng cơ đồ,  
Bà Nhiêu bắt được liền vò cả hai.*

Hát những câu vè người ta thường lấy giọng đọc lên, không có đệm trên, đệm giữa hoặc đệm dưới như các lời hát khác.

Ở miền Nam có những câu vè về các loại cây, loại cá, các thứ bánh, dạy trẻ v.v... ngoài lối vè kể chuyện. Và các câu vè thường bắt đầu bằng sáu chữ:

*Nghe vẻ nghe vẻ  
Nghe vè.....*

Thí dụ:

*Nghe vẻ nghe vẻ  
Nghe vè con Cúc  
Trâu ăn mấy chút  
Bắt mẹ tôi đèn(23).*

Dưới đây xin trích mấy đoạn ở mấy câu vè miền Nam.

**Vè trái cây**

*Nghe vẻ nghe vẻ  
Nghe vè trái cây.*

*Dây ở trên mây  
Là trái đậu rồng.  
Có vợ có chồng  
Là trái đu đủ.  
Chặt ra nhiều mú  
Là trái mít ướt.  
Hình tựa gà xươt  
Vốn thật trái thơm.  
.....*

### **Về các loại cá**

*Nghe vè nghe vè  
Nghe vè loại cá.  
No lòng phỉ dạ  
Là con cá cơm.  
Không ướp mà thơm  
Là con cá ngát.  
Liêng bay thăn thoát  
Là con cá chim.  
Hụt cẳng chết chìm  
Là con cá đuối.  
.....*

### **Về các loại bánh**

Bài vè này đặc biệt không bắt đầu như những bài vè trên, lời hát bắt đầu hơi khác:

*Bà con cô bác,  
Lẳng lẳng mà nghe.  
Tôi nói cái vè,  
Vè các thứ bánh.*

*Mây tay phong tình huê nguyệt  
Thì sẵn có bánh Trung thu.  
Mây gã phật tu  
Bông sen thơm ngát.  
Ai mà hảo ngọt  
Thì có bánh cam.*



*Những kẻ nhát gan  
Này là bánh tét.*

.....

## **Vè dạy trẻ**

*Nghe vè nghe vè  
Nghe vè dạy trẻ  
Có công cha mẹ  
Có chữ thánh hiền  
Gàn mực thì đen  
Gàn đèn thì rạng  
Khuyên rắng học hành  
Làm lành lánh dữ  
Nấu sủ sôi kinh  
Cho mình thế sự  
Cho tử xem coi  
Học đòi việc tốt*

.....

Tất cả mấy bài trên đều đều rất dài, mỗi bài bảy tám chục câu hoặc hơn nữa, bài vè nào nói riêng về thứ đó.

Nhưng bài này cũng như những bài vè khác, thường được trẻ em người nghêu ngao hát những lúc buồn rỗi một mình.

Hát vè để tiêu thì giờ, hoặc trong khi làm việc người ta hát lên để quên mệt nhọc, cũng như giữ dịp cho việc làm. Hơn nữa những câu vè kể chuyện xấu tốt thường được nhắc tới để răn người phạm lỗi, để khuyến khích việc hay.

Hát vè không có nhạc, nhưng thực ra, giá có ai đem phổ nhạc những bài vè, có thể những bài vè sẽ là những bản nhạc đáng được người đời lưu ý.

Ngoài các bài vè thuật chuyện hoặc đặt về các loại cây, cá v.v... có những bài vè được tác giả đặt tình ý bên trong, như trong khi vận động phong trào Cần vương, lời hát vè được dùng làm lợi khí tuyên truyền. Ý nghĩa trong bài vè này rất giản dị, dễ hiểu.

*Chàng ơi chàng ngồi lại  
Thiếp bàn giải đôi lời:  
Bảy tám chục năm trời*

*Dem thân làm nô lệ  
Cúi đầu làm nô lệ.*

*Nỗi đắng cay xiết kể  
Nói ra chữ thảm sầu  
Chữ nhân sĩ sự thù  
Sao mà anh chịu được?  
Sao mà chàng chịu được?*

.....

## Hát tôn giáo

Hát tôn giáo là những điệu hát lời ca được hát trong những dịp tế tự.

Ở đây tôi không nói tới những bản ca nhạc đã được dùng trong hết mọi lễ nghi, đã thuộc vào nghi thức của tế tự tôi chỉ nói tới những loại ca tôn giáo thuộc giới bình dân, mà tiêu biểu nhất như trên đã nói là điệu châu văn.

Các giọng hát tôn giáo có nhiều và sự khác biệt lại rất ít giữa các giọng này. Dưới đây là mấy giọng chính.

## Hát châu văn

Đây là lối hát của các người cung văn tại các đền điện khi các Cô đồng, Bà đồng, Ông đồng lên đồng.

Các ông đồng, cô đồng và bà đồng lên đồng, còn gọi là *hầu đồng* nghĩa là ngồi trước bàn thờ để hồn các ông Hoàng bà Chúa, hoặc các Cô các Cậu nhập vào. Muốn cho đồng chóng lên, nghĩa là để giới vô hình sớm nhập vào thân xác hữu hình của người ngồi đồng, các cung văn vừa đàn vừa hát những câu xúng tụng công đức, tài nghệ và nhan sắc của những hồn nhập đồng.

Đối với mỗi vị ông Hoàng bà Chúa, Thượng Ngàn hoặc Thủy Cung v.v... đều có những khúc hát châu văn riêng.

Đàn cung văn là chiếc đàn nguyệt và gảy lên một điệu *phưng phưng phưng phưng phùng phưng*. Những câu hát châu văn được hát bằng một giọng riêng, hết sức tăng bốc đối với các giá đồng nghĩa với các ông Hoàng, bà

Chúa, các Cô, các Cậu nhập đồng.

*Cô rằng cô đẹp nhất đời  
Dáng đi điệu múa miệng cười có duyên!*

Tiếng đàn vang lên, tiếng cung vãn hát, lại thêm các con hương đệ tử vây quanh người ngồi đồng xuýt xoa khăn vải. Những người ngồi đồng được gọi là ghế đệm của các ông Hoàng, bà Chúa, các Cô, các Cậu.

## Hát sai bảo, lệnh, truyền

Đây cũng là một lối hát tôn giáo, nhưng không phải là của các cung vãn, mà là của các *Thầy Tụ*, nghĩa là những người thờ các vị thần đạo Lão, người dân quê gọi nôm na là các ông thầy *Cúng*. Tục cho rằng các Thầy Tụ rất cao tay có thể khư trừ được ma quỷ và khi cúng khấn có thể ra lệnh sai bảo hoặc truyền khiến các vị thần để trừ tà.

Nếu giọng châu vãn của những người cung vãn như tâng bốc giới vô hình thì giọng hát sai truyền rất là hách dịch. Cùng với tiếng hát này có tiếng cảnh tiếng tiu.

*Thầy sai Đại Thánh Tê Thiên  
Huyền công dùng phép đẹp yên loài tà.*

Thường câu nào cũng bắt đầu bằng hai chữ *Thầy sai*.

## Những câu hát thờ

Đây là những câu hát dùng để hát trong những buổi lễ thần, thường là hát theo những điệu múa. Cũng có khi ca nhi đơn ca theo một điệu đàn, lối hát đơn ca theo đàn này gọi là hát giải, mà dưới đây là một bài mẫu. Bài này dân hai làng Phú Đa và Trinh Nữ, thuộc phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương, thường dùng hát mừng lẫn nhau khi có đám rước giao hảo, làng nọ tới làng kia(24):

*Xinh thay mấy thiên thai cảnh lạ,  
Dưới trần gian một áng non bông.  
Sườn non mây kéo ngát trên không,  
Cửa động gà kêu vang dưới nguyệt.  
Bích sa động lý càn khôn biệt  
Hồng thụ tri biên nhật nguyệt trường(25).*

*Nước lao sao điếm rót khúc sinh hoàng  
Mây lơ lửng mĩa mai con điều tước.  
Hoa hớn hở sắc vàng chen sắc biếc,  
Nức hai bên như đón rước người.  
Lạ lòng thay cảnh thiên thai!*

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu *hát nói*, nhưng hát nói trong trường hợp hát thờ thần được gọi là *hát giải*.

Trong những buổi hát thờ, trước khi hát giải, ca nhi phải hát dâng hương. Ca nhi thắp hương dâng lên bàn thờ và hát:

*Một nén hương thơm thấu chín lân,  
Kính trời, kính đất, kính linh thần.  
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới,  
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.*

*Một nén hương thơm thấu cửu thiên,  
Mây lồng năm thức, nguyệt lồng in.  
Kính thành những bển duyên hương lửa,  
Rõ rõ vinh hoa ức vạn niên.*

Dâng hương xong, đôi khi ca nhi ngâm bài *Nhạc nhang*:

*Thông minh chính trực vị chi thân,  
Biến hóa vô cùng đức đại lân.  
Mừng vua có sắc phong choi chói,  
Đệ nhất Vua, đây thượng đẳng thần.*

Ca nhi có thể là những ả đào tới xin hát hoặc có khi gái làng được dân làng cử ra, trong trường hợp này, họ phải tập trước.

Nếu là ca nhi chuyên nghiệp được mời tới để hát thờ thần, cuộc hát kéo dài suốt đêm, và như vậy có ca thì có nhạc. Đã có nhạc, bao giờ ca nhi cũng phải hát thêm bài *Thét nhạc*.

Đời nhà Lê, mỗi khi trong cung tế lễ, trước hết quan Thái Thường cho nhạc công bày các đồ nhạc khí cùng hòa lên với tiếng hát của ca công để cho tiếng nhạc và tiếng hát ăn với nhau nên gọi là khúc thiết nhạc, nghĩa là bày những đồ nhạc khí. Đời sau đọc chệch thành *Thét nhạc* [\(26\)](#).

Dưới đây là bài hát Thét nhạc:

Tiếng Dương tranh,  
Đàn ai một tiếng Dương tranh,  
Chưng thuở ngọc ô đàn nã nùng chiều ai oán.  
Nhạc Thiều tâu,  
Xa đưa tiếng nhạc Thiều tâu,  
Vẳng nghe chuông gióng lâu lâu lại dừng.  
Dương, hơi dương đậm ám...  
Năm thức mây che,  
Thức mây che rờ rờ ngát trời.  
Nguyệt dãi thêm lan,  
Thanh, bóng trắng thanh nguyệt dãi thêm lan.  
Tiếc thay mặt ngọc thương ai,  
Vây là đêm là đêm đông trường.  
Rạng vẻ mây rông,  
Thiên, Nam thiên rạng vẻ mây hồng, rục rờ nghìn thu.  
Nghìn thu ngạt ngào,  
Lãng Uyển xa bay,  
Luống thâu đêm, đêm nghe phảng phất mối sầu tuôn.  
Tuôn khôn nhịn ngán ngơ nỗi buồn.  
Thu, lá thu ngô đông rụng.  
Một lá thu bay, hơi sương lọt mây,  
Sương lọt mây, ngòi nghe tiếng đàn.  
Sông, sông hồ nước biếc, chín khúc cuốn quanh.  
Đáy nước long lanh, dạo ngòi chơi, ngòi chơi thủy đình.  
Nguyệt tà tà xê xê, ánh dãi chênh dênh,  
Trên không hoa cỏ lạng canh dài.  
Đỉnh Thần sơn, đỉnh Thần sơn mặt ngọc mây ngài,  
Thấy khách hồn mai.  
Dãi tường lâu,  
Nguyệt dãi tường lâu đồng vọng bóng trắng thâu,  
Nặng tiếng, tiếng đỉnh đang,  
Tiếng đỉnh đang, xui lòng thiếu nữ.  
Nhớ thương ai gửi bước đường trường,  
Bước đường trường, chày ai đã nện, nện tương tư sầu.  
Vò vò phòng hương,  
Luống chực phòng hương.  
Gửi cố nhân tình thư một bức, gọi nỗi ái ân.  
Tư, tương tư sầu.

Theo lệ hát thì tại các cửa đình, mấy lối hát dâng hương, thét nhạc ca nhi đều phải đứng mà hát và kếp đàn cũng phải đứng mà đàn. Hát nhạc xong mới

được ngồi để bắt đầu hát giải.

Hát giải có những bài về phong cảnh như bài hai xã Phú Đa và Trinh Nữ thường dùng đã nên trên lại còn những bài về sử, về truyện, những bài này đều là những bài hát nói.

Trong những buổi hát thờ, nhiều khi dân làng yêu cầu ca nhi hát khúc Đại thạch.

Đời vua Lê Thần Tông, gặp ngày lễ Vạn Thọ hát khúc Đại thực các quan đều dẫn người nhà vào trong cung xem. Vua thấy đông đúc mới truyền tiểu giám lấy những hòn đá to cho bọn nữ nhạc đứng lên trên hòn đá mà múa hát, chủ ý để cho mọi người cùng trong thấy. Từ đây khúc Đại thực gọi là Đại thạch(26).

Bài hát Đại thạch là một bài thơ lục bát có biến thể ở mấy câu cuối:

*Chúa từ bi nghe hết vân vi,  
Thoát thôi lại nói tử tế nỗi lòng.  
Ngọn cò đỉnh núi xa trông:  
Nọ sao cung quế, hẹn cùng trúc mai.  
Trách thay ô thước nữ hoài,  
Cớ chi sao bỗng lạc loài cho nên.  
Chốn này là chốn cung tiên,  
Ước gì lại được phỉ nguyên nhớ mong.  
Boong boong chuông gió đêm đông,  
Cảm lòng người những luống công đợi chờ.  
Hỏi thăm ai kẻ thân sơ,  
Bóng trăng dãi tỏ có ưa chẵn là.  
Đêm đêm tưởng bóng ngân hà,  
Trong sao Bắc Đẩu đã ba năm tròn.  
Non mòn nghĩa ấy chẳng mòn,  
Tào Khê nước chảy lòng còn như in.  
Tình thư phong gửi cá chim,  
Chim tìm non thăm, cá tìm vực sâu.  
Duyên ưa có thấu tình nhau,  
Ngày này Ô thước bắc cầu sông Ngân.  
Mảng vui chơi bóng ánh xoay vần,  
Lòng càng mong ước hỏi lân la, lân la gió mát chiều ai khoan nhạc  
vũ.  
Lũ thiếp gặp ngày vui,*

*Hội Long vân Thánh thượng khánh thọ,  
Tấu nhạc quỳ dân, tôi chúc mừng(26).*

Ngoài những câu hát theo nhịp đàn nhịp phách, trong những buổi tế lễ còn có những nam nữ vũ sinh vừa múa vừa hát thờ thần. Những vũ nữ này có thể là những ca nhi chuyên nghiệp hoặc là các trinh nữ trong làng cắt cử, như tục lệ làng Trúc Cương phủ Hoàng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

Vũ thì có nhiều bài, dưới đây chỉ đề cập tới đôi ba bài chúng tôi biết hoặc có tài liệu.

*Hát bỏ bộ* - Hát bỏ bộ là vừa hát vừa làm theo điệu bộ hợp với câu hát. Bài hát bỏ bộ gồm hai phần, phần mở đầu và phần chính. Thường bốn cô chia làm hai bên hát múa với nhau. Số người có thể tăng hơn nhưng phải là số chẵn.

Phần mở đầu:

*Năm canh ngồi đợi trông canh* (Các vũ nữ ngồi xuống)

*Năm canh ngồi đợi giải cơn buồn.*

*Ngâm ngùi nhớ thương* (Các cô đứng lên)

*Tay nâng bàn rượu túi thơ* (Tay làm hiệu giờ bàn rượu túi thơ)

*Một mình đứng đỉnh giải lo phiền giải phiền* (Các cô đứng đỉnh đi)

*Ngồi buồn se chỉ chỉ se* (Các cô ngồi xuống lấy hai tay se như se sợi chỉ)

*Xỏ kim kim xỏ* (Tay phải như cầm sợi chỉ, tay trái như cầm kim để xỏ)

*Ngồi hè vá may* (Tay phải cầm kim như khâu vào vải)

*Giương cung ta bắn con cò* (Các cô đứng dậy, giờ tay lên như bắn cung)

*Con le nó lặn, con le nó lội, con cò nó bay* (Hai tay các cô xò ra, nhắc lên nhắc xuống như con le lội và chập chờn như con cò bay).

Sau phần mở đầu, các cô hát tới phần chính của bài hát Bỏ bộ. Phần chính này thường gồm 5 đoạn, dưới đây chính xếp một đoạn làm mẫu:

*Tình tang tính* (Các cô đều múa)

*Em ra kẻ chợ em coi* (Vừa đi vừa nhìn)

*Thấy quan tập trận*

*Ô kìa chòi bắn cung* (Tay chỉ lên)

*Giống con ngựa hồng* (Đi như cưỡi ngựa)  
*Mao tiên mao hậu* (Quay phía trước lại quay phía sau)  
*Vô thần quan áo nậu vắt vai* (Hai tay chông hai bên cạnh sườn)  
*Cờ vác vai* (Hai tay để lên vai)  
*Súng anh tọng nạp* (Tay làm hiệu nạp đạn vào súng)  
*Gươm tuốt trần* (Tuốt gươm ra)  
*Tay cắp mộc mang* (Tay cắp vào nách)  
*Trườn khu đuôi đánh đã vang* (Đi nhanh, tay làm ra điệu đánh).

Trên đây chỉ là một đoạn phần chính, còn bốn đoạn nữa cũng tương tự, và khi múa hát các ca vũ nữ phải cùng múa đều nhau. Những ca nhi chuyên nghiệp họ đã thuộc điệu múa và đã hát với nhau nhiều ở cửa đình nên khi múa hát điệu bộ của họ không những ăn với câu hát mà còn ăn cả với điệu đàn, điệu sáo.

Tại những làng, việc múa hát do các trinh nữ đảm nhiệm như ở xã Trúc Lương, nơi có đền thờ ông Lê Phụng Hiểu(27), các cô được dân làng cất cử hát múa thờ thần phải luyện tập trước có khi hàng tháng. Thường tại các xã, việc múa hát do trinh nữ, số các cô được cất cử thường gấp đôi ba hoặc hơn nữa so với số các ca nữ tại mỗi buổi hát thờ.

Ca múa bài bông - Múa bài bông là một lối múa dàn hàng theo điệu nhạc. Bài là bày hàng, bông là hoa, múa bài bông là những bông hoa đẹp dàn bày múa hát.

Các làng, thường những làng lớn, chỉ có múa bài bông trong những dịp vào đám. Múa bài bông, ít nhất phải có 8 vũ nữ, trong những buổi đại lễ con số tăng gấp ba bốn lần. Làng xã phải kén các trinh nữ đồng tuổi và suýt soát bằng nhau. Lúc múa các cô mặc áo màu sặc sỡ có dát kim kính, thêu kim tuyến, thắt dây lưng nhiều xanh đỏ để múi rộng, đầu đội mũ kim phượng, tay cầm quạt. Hai bên vai các cô đeo đèn lồng thấp nển. Các cô múa dưới sự chỉ huy của một bậc đàn anh trong làng, vị này cũng được dân làng chỉ định trước để cùng luyện tập với các cô.

Tất cả các cô dự múa bài bông họp thành một hoa đội, đứng ở ngoài sân đình.

Phường bát âm đi trước, các cô theo phường bát âm đi hàng một vào



trước hương án, trong khi vị đàn anh chỉ huy đánh trống cái giữ nhịp. Đứng đầu tất cả các cô có một cô trưởng ban, cô này gõ phách theo điệu nhạc. Bước của các cô nhanh chậm theo nhịp đàn phách.

Tới trước hương án, các cô chia làm hai hàng quỳ trước bàn thờ, hai tay nâng quạt lên khỏi đầu. Cô trưởng ban đóng vai Tiên đồng ra khai mạc buổi ca vũ. Cô hát, giọng giống như hát bội:

*Tiêu dao lỏng lộng Thiên đình  
Tật tốc giáng dương trần bộ bộ  
Khâm thừa Phật Tổ  
Giáng hạ trần.*

Lược nghĩa:

*Nhờ nhờ chơi đạo Thiên đình  
Mau mau kịp xuống dương trần xuống mau  
Lệnh vâng đức Phật nhiệm màu  
Cối trần giáng hạ ai đâu dám từ.*

Rồi hát tiếp một câu nói lời:

*Như tôi nay, Tiên ông trao chức  
Ngô biểu tự Tiên đồng  
Truyền ca nhi nam bắc tây đông  
Đều múa hát dâng hương Thượng đế.*

Tất cả các trình nữ đều đứng lên và bắt đầu vừa múa vừa hát.

*Múa lấy nhạc làm chuẩn đích, tiến thoái nhanh chậm đều do nhạc điều khiển, lúc quay chỉ quay một nửa người, không bao giờ quay lưng vào hương án(26).*

Ngoài mấy điệu ca vũ trên, trong những buổi tế lễ xưa còn nhiều bài ca điệu vũ khúc, thay đổi tùy theo từng buổi tế, từng địa phương hoặc từng vị thần dân chúng phụng thờ.

## **Các giọng hát tôn giáo khác**

Cứ kể trong việc thờ cúng thần linh, ngoài mấy giọng Châu văn, Sai bảo lệnh truyền và Hát thờ trình bày ở trên còn nhiều giọng khác trong các buổi

cúng bái. Cúng cô hồn có những bài văn, bài hát riêng. Cúng mộ, cúng thân cũng có có những bài văn bài hát, những bài văn bài hát này thường các thầy cúng chỉ ê a đọc lên mà không hát như *Chầu văn* và *Sai khiến* chầu thần.

Có thể kể là những bài hát tôn giáo, những bài hát trong những dịp cúng lễ có múa như múa đèn, bài văn cúng cháo, các bài văn tế v.v...

## Những giọng hát về nghề nghiệp

Đây chính là những giọng hát hành nghề, trong số đó có thể kể được các lối hát Chầu văn và Sai bảo lệnh truyền đã trình bày.

Mấy lối hát hành nghề đáng kể là hát Xẩm, hát Tuồng, hát Chèo, hát Cải lương v.v...

### Hát xẩm

Hát xẩm còn gọi là xẩm chợ là lối hát kiếm ăn của những người thường thường bị mù tật. Họ đi một đôi ba người tới các nơi đông dân cư. Họ ngồi hát bên bờ đường, trước cửa chợ, trước cửa đình. Họ ngồi chung quanh một chiếc chậu thau. Thường là một cặp vợ chồng, chồng mù vợ sáng, vợ dắt chồng đi kiếm ăn bằng nghề hát. Đi theo hoặc là đứa con, hoặc là một người khác có khi cũng bị mù tật.

Người chồng gảy chiếc đàn bầu mà ta gọi văn vẻ là *cây độc huyền cầm*. Đây là một nhạc khí độc đáo hơn bất cứ một nhạc khí nào của quốc gia nào.

Đây là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam, và chế hóa một cách hết sức giản dị. Đàn chỉ có một dây, căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc vào cây trụ bằng tre. Cây trụ này dùng để nhấn âm thanh mỗi khi gảy. Đàn không ngựa không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có một sợi dây đàn. Đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh, và tiếng đàn nghe thiết tha buồn ảo não.

Người xẩm gảy đàn bầu để đệm cho lời ca của mình. Có khi chính người này, có khi người vợ hoặc người đi theo hát. Có khi họ đồng ca.

Những câu hát của họ rất thay đổi, có khi tả cảnh có khi tả tình. Đây là một

câu hát mà đám hát xẩm nào cũng thường hát tới:

*Sáng trăng sông vàng vặc cái đêm trăng rằm,  
Nửa đêm về sáng, trăng bằng cái ngọn cây tre,  
Anh có yêu em cho vẹn một bề,  
Để em thơ thẩn ngồi kê bóng trăng,  
Sự tình này ai có thấu cho chăng?  
Để em chỉ nguyện bóng trăng chịu sầu,  
Tương tư một nhịp đôi ba câu,  
Bắc Nam đôi ba ngã, chịu sầu đôi ba nơi.  
Con chim khôn chết mệt về môi!*

Có khi đám hát xẩm ngoài chiếc đàn bầu, lại có thêm cây nhị, khi nhị, khi đàn bầu, đệm cho lời ca, và cũng có khi hòa tấu cả hai thứ nhạc khí Việt Nam này.

Những người nghe hát xẩm thường thức lời ca, giọng hát cũng như tiếng đàn tiếng nhị, quăng tiền vào chậu thau để thưởng tiền cho bọn xẩm.

## Hát tuồng

Hát tuồng do những ban hát trình diễn để lấy thù lao, do vậy ở đây chúng tôi xếp vào loại chuyên nghệ, những đào kép hát lấy tiền thù lao làm kế sinh nhai, tuy rằng vẫn có những tài tử lấy hát tuồng làm một thứ giải trí tao nhã, và thường trong tích hát chỉ thủ những vai mình ưng ý.

Hát tuồng còn gọi là *hát bộ* hoặc *hát bội*, là lối hát diễn lại những sự tích cổ tích trong các truyện, với mục đích rút ra một kết cấu với một ý nghĩa luân lý. Trong khi diễn lại tích cũ, các đào kép vừa hát vừa múa, đi lại trên sân khấu. Lối hát này do người Trung Hoa truyền sang nước ta từ đời nhà Tống, vào khoảng dưới triều Lý nước ta(28). Cũng có sách cho rằng lối hát này mới truyền sang nước ta từ đời nhà Trần, do một tài tử là Lý Nguyên Cát.

Hát tuồng xưa là một lối hát rất được giới phong lưu trí thức ham chuộng, và giới bình dân cũng ưa thích. Theo Đoàn Nòng, xưa vua Tự Đức cũng soạn tuồng và hát với các danh nho, vua Thành Thái thích xem hát và cũng tự mình sắm vai trong tích hát; cho đến vua Khải Định cũng ưa hát, *ban xiêm giáp rục rờ cho con hát và bắt phải luyện tập hẳn hoi*(29).

Vì do Trung Hoa truyền sang, nên các tích hát thường soạn theo sử Trung Hoa, mãi về sau, từ dưới Pháp thuộc mới có những vở tuồng soạn theo sách

sử Việt Nam như Tây Nam Đắc Bàn, Gia Long Khai Quốc, Đông Á Song Phụng v.v... Các cách hóa trang, bố cảnh, các điệu múa đều chịu ảnh hưởng theo lối diễn tuồng Trung Hoa, cho đến cả những câu nói lời, hát khách cũng vậy. Về sau có thêm nhiều điệu hát Việt như những câu hát Nam hoặc câu nói lời bằng văn xuôi.

Hát tuồng có những điểm đặc biệt hoàn toàn Á Đông mà trong những điểm này, căn bản là sự tượng trưng. Có thể nói hát tuồng là một nghệ thuật, và tất cả các nghệ thuật Á Đông không bao giờ có ý tả chân mà chỉ dùng tượng trưng để diễn đạt.

Trong hát tuồng, sự tượng trưng đi từ bố cảnh, hóa trang xiêm áo cho đến điệu bộ và câu hát.

Về bối cảnh, vài cái ghế và một cái bàn là cung điện; một cành lá buộc vào ghế biến cung điện thành rừng xanh; hai ghế chồng lên nhau là núi non hiểm trở; một cây chèo là con thuyền; một roi ngựa là con ngựa; miếng vải có vẽ bánh xe đó là chiếc xe của nhà vua hoặc của hoàng hậu công chúa v.v...

Về hóa trang thì *người trung mặt đỏ, râu năm chòm, nịnh mặt mốc, mặt xám hay mặt đen và râu ria. Tướng Phiên thì mặt vằn vện râu quai nón. Yêu thì mắt lục lạc, tóc màu nâu bấp*(29).

Về xiêm áo thì nịnh đội mũ vuông, tướng Phiên có lông trĩ, lông Công, còn kếp núi thì khăn đen.

Về điệu bộ, mỗi cử chỉ của đào kếp là có ý muốn biểu lộ một cảm giác, một mối cảm tình hoặc một nền luân lý trật tự của người xưa. Khi một đào kếp giơ một cánh tay làm bộ lau nước mắt không phải là có ý muốn tả chân cái buồn cho chư vị khán giả mà chính là muốn cho khán giả tự do tưởng tượng lấy bao nhiêu nỗi đoạn trường đau đớn. Mỗi điệu bộ tượng trưng một việc; trung, nịnh điệu bộ khác nhau.

*Xoay mặt vén râu làm bộ uống rồi đổ cạn rượu về phía sau lưng là đang uống rượu. Đưa cánh tay mặt ngang mày rồi kéo nhẹ từ trái qua phải là khóc. Ngồi xuống ôm bụng, lúc đứng lên có ôm thêm "Ông Làng" (Ông Tổ Hát bội) là nở nhụy khai hoa. Thấy cánh quạt, nghe tiếng cười cũng biết ai trung ai nịnh. Về câu hát, tướng đang bị thua mà hát câu khách tức là sắp chết. Nghe nhịp "cắc rụp cắc" biết là thầy rùa tướng núi sắp ra*(29).

Sự tượng trưng trong hát tuồng thật là nhiều ý nghĩa, và người dân Việt Nam, sống trong lễ lối Á Đông, qua mỗi màn mỗi cảnh của tuồng, qua xiêm

áo cử chỉ của mỗi đào hát đều thấu hiểu, và do đó mới thấy thích thú.

Thích thú về điệu bộ, về xiêm áo, về bố cảnh khán giả lại còn thích thú về ca thể của tuồng. Ca thể này tổng hợp rất nhiều lối hát: nói, dặm, sa mạc, trống quân, quan họ v.v...

Thường mỗi khi diễn tuồng, đều có *câu giáo đầu*. Sau câu giáo đầu mới vào tuồng chính. Đào kép hát tuồng, đóng vai gì lúc bước ra sân khấu, phải xưng danh vị của mình:

*Tể trào Nguyên Lão,  
Mỗ hiệu Đinh Công,  
Son sắt một lòng,  
Tuyết da sáu giáp,  
Lộc nước ơn nhà đều khắp.  
Một trai một gái cũng đặng hiền...*

Mỗi lối hát được ca lên trong những trường hợp riêng.

*Nói lối tuồng* để xưng danh:

*Quyền Đô Đốc xà tang,  
Ngã tánh Chu Công Cẩn.*

*Nói lối bóp* dùng khi hai tướng địch mới gặp nhau hoặc khi cha mắng con để nói lên sự phân nộ:

*Ồi hỡi! Chớ khoe khoang thân võ,  
Không phủ phục thiên sai!*

*Nói lối ai* dùng để tả sự buồn rầu.

*Hát khách thường* do các tay đóng tuồng hát trước khi ra trận hay đi tuần núi, vai đóng quan hát trước khi đi nhận chức, hoặc vai người thư nhân đi ngoạn cảnh.

*Hát khách phú* hay *hát khách phú lục* là loại hát đối đáp của những người xa cách gặp nhau, hoặc hai tướng địch hỏi lai lịch của nhau trước khi giao tranh.

*Hát khách tẩu mã* là lối hát của những vai đuổi giặc hoặc có việc chi cấp bách.

*Hát khách tử* do người đóng vai sắp chết, tướng sắp tử trận hoặc người sắp tự tử.

*Than* và *oán* được hát để tả nỗi buồn.

Ngoài các điệu hát trên còn có các điệu *nam xuân* hát lúc sắp lên đường dạo cảnh, *nam bằng* hát lúc vui, *nam định* hát lúc nửa vui nửa buồn.

Tại miền Nam có hai lối hát buồn:

- Nam đi: Hát lúc buồn nhưng không phải cảnh biến,
- Nam chạy: Hát lúc gặp hoạn nạn, bị hổ hoặc bị cướp đuổi.

Hát tuồng còn được gọi là tuồng cổ hiện nay vẫn được nhiều người ưa chuộng, và trong những dịp đình đám ở Nam Việt bao giờ cũng có vài buổi hát bội. Các vị quan viên, chức sắc, trong những buổi hát thường cầm châu đánh trống để khen chê các diễn viên.

## Hát chèo

Theo Dương Quảng Hàm, hát chèo dùng để diễn các việc vui cười, những tật hư thói xấu của người đời, trong lời văn có nhiều giọng khôi hài, nhưng lại có tính cách khuyên răn người đời, thiên về luân lý. Có thể nói rằng, hát chèo dùng cái cười để dạy đời.

Trong Vũ trung tùy bút, Phạm Đình Hổ cho biết lối hát chèo xuất hiện từ đời nhà Trần. Đời ấy khi có quốc táng, dân chúng xúm chung quanh quan tài để xem, người đông quá đến chật cả điện đình, dẹp rất khó khăn. Người dẹp đám mới bắt chước lối văn ca thời xưa, đặt ra lối hát song ngâm, sai quân lính đi hát riều ở quanh đường để dân chúng xúm lại xem cho chỗ điện đình rảnh lối mà lo việc tống táng. Đời sau người ta bắt chước và mỗi năm vào Tết Trung nguyên, các tang gia mời người đến hát để giúp lễ, và những người này được gọi là *phường chèo*. Đến đời vua Lê Cảnh Hưng, lối hát văn được biến thể và được xen lẫn nhiều giọng hát của tuồng mà thành hát chèo ngày nay và đã trở thành lối hát tuồng bình dân, hát tuồng nhưng lại khác hát tuồng, có thời rất thịnh hành tại miền quê Bắc Việt. Tôi còn nhớ khi tôi còn nhỏ, đi xem bất cứ đám hội làng nào buổi tối chúng tôi đều được xem hát chèo, và hai tiếng *xem chèo* đã trở nên đồng nghĩa với đi xem hội quê vào mỗi buổi tối.

Trong khoảng trước Thế chiến thứ hai, ở Hà Nội có rạp Sán Nhiên Đài

chuyên hát chèo và ban chèo cổ Nguyễn Đình nghị đã từng là một ban chèo cổ nổi tiếng ở Thăng Long.

Những tích chèo một phần dựa theo truyện cổ Trung Hoa như hát tuồng, nhưng phần khác được soạn theo các tích cổ Việt Nam, nhất là các loại truyện bình dân.

Chèo Chu Mãi Thần dựa tích cổ Trung Hoa, các chèo Lưu Bình, Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính, Thúy Kiều Kim Trọng v.v... soạn theo các truyện bình dân Việt Nam.

Chèo có những điệu hát riêng, khác với hát tuồng và phân làm nhiều loại được hát tùy theo từng đoạn của vở chèo: vui tươi, buồn thảm, ý nhị, đánh đả hoặc bông lơn.

Hát chèo có những đoạn đối thoại như ta nói chuyện. Ngoài ra còn có ba cách nói gọi là: nói lối, nói sử và nói lửng.

*Nói lối* - Cách nói của các tay đóng học trò thi đỗ hoặc khách nhàn du. Thường là bốn câu thơ thất ngôn, hoặc có khi chỉ có ba câu, nhất là trong các vở chèo cổ.

*Nói sử* - Đây chính là ngâm thơ, nhưng nhịp điệu thay đổi.

*Sử chúc* dùng vào lúc giáo đầu, ca ngợi đất nước.

*Sử xuân* tính chất vui tươi.

*Sử sầu* dùng để diễn tả sự buồn thảm lo âu.

*Sử vãn* dùng để than, thường là thơ lục bát.

*Nói lửng* - Cách nói của những đào kép thủ vai lẳng lơ như Tú Bà trong Truyện Kiều, Thị Mầu trong truyện Quan Âm Thị Kính.

Chèo cũng như tuồng chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời cuộc. Ngày nay, thuần túy chèo rất ít được trình diễn tại các rạp, chỉ thỉnh thoảng xen vào một cảnh nhỏ. Những người lưu tâm tới văn hóa, trước những sự thay đổi của ca hát không khỏi bùi ngùi khi thấy lối hát chèo đang dần đi vào con đường đào thải.

## Hát cải lương

Đây là một lối hát mới có từ thời Pháp thuộc, phối hợp cổ kim, sử dụng đủ các bản hát cổ kim, các loại tuồng chèo, các loại ca bình bán, nam bình, nam ai, hò ca, vè, và cả vọng cổ nữa. Cùng với các bản ca, các nhạc sĩ, đệm nhạc bằng đủ loại nhạc cũ, nhạc mới.

Do sự pha trộn này, cải lương có vẻ dồi dào phong phú về ca và nhạc, và thích hợp với đủ mọi loại khán giả, nhất là dân chúng vùng quê miền Nam. Ở Bắc Việt cho đến thời tiền Genève, lối hát cải lương không mấy phổ cập trong thôn dã, không như ngày nay tại miền Nam, mọi người dân đều ưa cải lương, đặt cải lương vào một địa vị quan trọng của nghệ thuật.

Tại khắp các rạp hát miền Nam hiện thời đều có trình diễn cải lương, ở đô thị cũng như ở vùng quê. Và các vở cải lương được soạn ra rất nhiều, phỏng theo dã sử, phỏng theo những tiểu thuyết tình cảm và có khi phỏng theo cả truyện kiếm hiệp, truyện thần thoại. Cũng đôi khi có những vở cải lương xã hội nội dung có phần nào đến gần thực tế.

Cải lương đã thắng cả hát tuồng và hát chèo, không hiểu đây có phải là một sự phân hóa của văn hóa chăng?

## Ca vọng cổ

Vọng cổ là một bài ca xuất xứ tại miền Nam và rất được phổ biến trong đại chúng. Vọng cổ giọng buồn, nã nùng, tha thiết, dễ cảm, dễ xót xa. Có lẽ chưa bài ca nào được đại chúng miền Nam ưa thích bằng những bài vọng cổ. Thường một bản ca vọng cổ có 6 câu, nhưng trên thực tế một câu, hai câu, ba câu... đều có thể được cả.

Trước sáu câu có một khúc nói lời. Dưới đây là thí dụ:

Nói lời

*Em gọi tên người bằng niềm vui vô vọng, rồi buông rơi hai tiếng áy giữa không gian, nhật dàu đây vài cánh hoa tàn, em xếp lại để tủi buồn cho số kiếp. Kia mấy cánh hoa rụng xuống giữa cô liêu, nó đã tàn úa, không còn dám luyến lưu tình bướm trắng.*

Bài ca



*Chị em ơi, khó cho một cuộc đời vô vọng của những cánh hoa rơi rụng dưới chân đời, nó đã tàn phai nhan sắc từ lâu rồi, nó đã xa lìa sự sống của những ngày ủ mộng đời xuân sang. Cát bụi sẽ phủ lên mình nó để rồi mưa nắng thời gian không còn biết nó là hoa gì, được mấy tuổi ước mơ mà chôn vùi nguồn mơ ước.*

*Chị em ơi, em muốn nói đời hoa ấy là em, là Thu Lan đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chân người, nó từng thức thâu đêm để nghe gió lạnh thổi dài, nghe lá rụng, nghe tâm tình thổn thức và để buồn vui theo ánh mắt của người yêu, nhưng em không có quyền thổ lộ, vì em đã lỡ yêu. Hương tình của thuở ban đầu nhạt phai, thì đâu thế nào em lại nói tiếng yêu ai.*

*Chị em ơi, em là kẻ tàn tật, linh hồn trong trắng mà mảnh hồng nhan không che kín được vết thương. Nếu em có yêu thì yêu người đồng chung cảnh ngộ, người trong sạch, linh hồn trong trắng mà tàn phế xác thân, người ấy đang cùng lương tri tâm hồn điên loạn cũng như em. Người ấy, người có quyền điều khiển đám tàn quân, có quyền oán vua hận chúa và người ấy là người đã từng phen hạ lệnh cho em dâng cơm, hầu nước, đốt lửa, giăng màn.[\(4\)](#)*

Về văn chương, những câu hát vọng cổ thường đại để như câu trên, chỉ than van, chỉ thương nhớ, nhưng với điệu ca, vọng cổ đã có *ma lực mãnh liệt* để quyền rũ giới bình dân miền Nam và cả giới trí thức nữa.

Trong các rạp hát, khi ca sĩ hạ đến *đoạn mùi* là tất cả khán giả vỗ tay, và trong lúc ca sĩ hát, nhiều khán giả đánh nhịp chân, gõ nhịp tay theo giọng ca.

Về nguồn gốc giọng ca vọng cổ, có nhiều người đưa ra nhiều luận điệu khác nhau.

Nguyễn Tử Quang trong Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ đăng trong Bách Khoa số 63, xuất bản ngày 15 tháng 8 năm 1969, đã viết:

*Vào khoảng năm 1920, tại chùa làng Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu có một nhà sư, tên họ thật là gì, người làng không biết được mà chỉ biết pháp danh là Nguyệt Chiếu. Vì ở xa lại nên người ta không rõ được tông tích nhà sư.*

*Nhưng thấy nhà sư nho học uyên thâm với tư tưởng ẩn dật, người ta*

*đoán chừng là một văn nhân chống Pháp trong thời Cần Vương, nay thất thời nên tạm lánh mình vào cửa Phật.*

*Tuy đã đi tu nhưng vẫn mang nặng tình non nước, lòng còn hoài bão chí khí lớn lao với một cuộc đời thay nên nhà sư mới đem tâm sự mình ký gửi trên bài từ, đề là dạ cổ hoài lang, nghĩa là đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng. Đại ý của nó cũng tựa như tác phẩm Chinh phụ ngâm của bà Đoàn Thị Điểm.*

*Bài thơ này lại được vào tay ông Sáu Lầu, một nhạc sĩ có danh tiếng lúc bấy giờ, giữa đôi bên thông cảm được mối tình thương nhà nhớ nước nên ông Sáu Lầu mới lấy bài thơ ấy ra phổ nhạc.*

*Đó là bài Dạ cổ hoài lang nhịp đơn, âm điệu mừng tưng hai bài Hành vân và Xuân nữ. Bài ấy lời lẽ như thế này:*

*Từ phu tướng,  
Báu kiếm sắc phong lên đàng,  
Vào ra luống trông tin chàng.  
Thêm đau gan vàng,  
Trông tin chàng,  
Gan vàng thêm đau!  
Chàng dẫu say ong bướm,  
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.  
Đêm ngóng trông tin bạn,  
Ngày mỗi mòn như đá vọng phu.  
Vọng phu vọng luống trong tin chàng,  
Năm canh mơ màng,  
Chàng hỡi, chàng có hay.  
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.  
Bao thuở đó đây sum vầy,  
Duyên sắt cầm tình thương.  
Nguyện cho chàng,  
Đặng chữ bình an,  
Trở lại gia đàng,  
Cho én nhận hiệp đôi.*

Lúc đầu vọng cổ chỉ có thể, chỉ là bài Dạ cổ hoài lang. Bài này được đưa lên sân khấu bởi gánh hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho đầu tiên, rồi lần lượt các gánh khác cũng sử dụng, nhất là trong các tuồng cải lương.

Rồi bài hát chịu sự biến đổi, từ *Dạ cổ hoài lang* đổi sang *Vọng cổ hoài lang*, để về sau tên gọi được đơn giản hóa hơn với hai tiếng *Vọng cổ*.

Những bài vọng cổ được soạn ra dài hơn, lâm ly hơn, bi sầu não nuột hơn!

Điệu *Vọng cổ buồn*, phải chăng nó báo trước cái buồn của dân tộc Việt Nam ngày nay! Anh em đánh giết nhau, rồi bom rơi đạn nổ, bàn tay ngoại tộc đã dính vào, Bắc cũng như Nam, máu người Việt càng đổ nhiều vì khí giới di bang! Những người có trách nhiệm vì quyền lợi riêng tư của mình không nhìn thấy tiền đồ của dân tộc. Người ngoại quốc, chúng có thương chi mình là người khác giống! Thử hỏi trong chúng ta ngày nay mấy gia đình là không tang tóc?

Bản ca vọng cổ vẫn được hoan nghênh, cái điệu ca vọng quốc này còn được nhiều người thích thú, có lẽ đất nước chúng ta còn chịu nhiều đau đớn, và nỗi u buồn của dân tộc còn dài dằng dặc không biết đến bao giờ?

Trong các nhạc sĩ miền Nam có nhiều người tài ba đã soạn ra nhiều câu vọng cổ thật là não nuột. Dưới đây chúng tôi xin trích ra một bài của ông Trịnh Thiện Tứ, một nhạc sĩ quán ở Bạc Liêu rút trong cuốn *Ca nhạc Cổ điển, điệu Bạc Liêu* để bạn đọc cùng thưởng thức. Bài này gồm câu nói lối và sáu câu vọng cổ.

## VUA THOÁI VỊ ĐI TU

Nói lối

*Câu: Phú quý tợ môn tuyền tuyết; chữ công danh như thảo thương sương. Cõi trần ai là cốt khổ tang thương, tránh sao khỏi con đường sanh, bệnh, tử. Thà kiến tánh để trở về ngôi vị cũ; lo tu tâm giải thoát nẻo sa đà. Mặc dầu ngày mai trầm kế nghiệp Tiên vương...*

Vọng cổ

1 - *Lên ngôi nhất thống sơn hà,  
Đại quốc vi vương, sống trên hung lụa ngọc ngà,  
Trăm đội vàng nhật nguyệt, đập máy âm dương, cầm đầu văn võ bá quan,  
Giữ gìn xã tắc, thế thiên trị quốc an bang,  
Nhưng bao nhiêu chí cả hiên ngang, cũng là tạm thời mộng ảo.*

2 - Có câu ca dao: Vì chưng kiếp trước khéo tu, ngày nay con cháu võng dù nghênh ngang.

Gieo căn là hưởng quả trên trời trả công phu bằng ấn ngọc ngai vàng.

Nhưng có lẽ đâu trần duyên tạp niệm, danh lợi tóm thâu khi kể nghiệp cho tiên hoàng.

Biết đâu màn vô minh kia là tội trọng vật khinh, nó che nguồn đạo đức.

Thôi kể từ đây thế sự giai hư, trẫm xin nhường ngôi thoái vị.

Thiên tòng nhân ý, mãng bào long cỡi ra, trẫm mặc vào chiếc áo cà sa.

3 - Công danh như bào ảnh, phú quý tợ phù vân. Xét ra tứ đại giả tan;

Trên thế gian xác phàm là tượng trưng cho tứ khổ: sanh, lão, bệnh, tử của con người.

Dẫu ai có trục lợi tham danh, cũng chỉ suốt đời tạm hưởng bởi sách có câu:

"Sơn trung tự hữu thiên niên thọ, thế thượng nan phùng bá tuế nhơn."

Nghĩa là: ngàn năm cây vẫn sống, nhưng thế gian trăm tuổi ít ai còn.

Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu; cao phi viễn tẩu giả nan toàn.

4 - Đứng giữa thanh thiên, trẫm phát tâm lập nguyện siêu thoát ngươn hồn.

Xả thân cầu đạo, té chúng độ nhơn đặng một bồn công phu công quả.

Vì ngươn hồn là khối chơn linh bất diệt, là bửu pháp vô vi.

Vậy trẫm còn mến tiếc nữa chi? Cõi đời sanh ký tử qui, cái xác thân phàm hý.

Cứ lo mặc sượng ăn sung, nằm cao và ngủ kỹ, sanh ra lục đục thất tình.

Tham vọng hư thân, đã không tích đức lại thêm như bọn phong trần.

5 - Nhứt điểm vô minh chi hỏa năng thiêu âm đức chi lâm.

Có thể đốt rừng đạo hạnh vì chưng nhóm lửa mê huyền.

Nhớ câu: Phật pháp thậm thâm vô biệt niệm, đặc kiến Như Lai khi giác ngộ đạo Thiên.

*Khuyên ai đừng mê vật chất bản thân, lo tu tâm đặng gieo trồng hậu quả.*

*Tu tâm vì Phật tại tâm, vậy phải dọn sạch lòng mới mong được gần nơi Phật tọa.*

*Bởi đời đây là đời giả, cố nhiên đạo cả mới vững bền.*

*6 - Muốn qua bể ngạn, tìm cảnh kỳ viên, ta nên phản tục quy nguyên, sang thuyền bát nhã.*

*Đồ chuông cảnh tỉnh, gióng trống giác mê, trẫm gõ mõ tẩy trần và tụng kinh sám hối,*

*Đặng đem hạnh phúc giả phàm đổi lấy nguồn đạo đức chơn như.*

*Xóa nợ trần ai, tìm chốn Phật Đài, ngày đêm đốt nén trầm hương, đặng xông sách cõi lòng.*

*Không màng khô hạnh, bao nài lão đảo xác thân, giới cho tuyệt sương chạng thử thách bá tòng.*

*Vì tâm kiến Như Lai, khỏi đọa luân hồi lục thú.*

*Nam mô Phật A Di Đà... Tự giác, giác tha.*

## **Những lối ca hát trí thức**

Nếu các lối ca bình dân được phổ biến trong đám quảng đại quần chúng thì những lối ca hát trí thức chỉ được giới trí thức ưa chuộng. Những lối ca hát trí thức cầu kỳ hơn cần phải có trình độ văn hóa để hiểu biết lời ca, cũng như cần phải có khả năng tài chính để trả thù lao cho ca nhi.

Trong các lối ca hát trí thức có hai lối rất thịnh hành trước đây là Ngâm thơ và Ca trù.

### **Ngâm thơ**

Các tay văn tự thường làm thơ rồi ngâm cho nhau nghe, giọng thơ ngân nga như muốn diễn tả hết tình ý chứa đựng trong lời thơ.

Các cụ nhà nho có thú xướng họa: một cụ làm một bài thơ, cụ khác họa nguyên vận rồi cùng ngâm để cùng thưởng thức.

Nhiều người không làm được thơ nhưng rất ưa ngâm thơ. Họ thường ngâm những đoạn trong Truyện Kiều, Tống Trân Cúc Hoa, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai v.v...

Ngoài ra các nhà văn tự lại ưa làm thơ *tập Kiều*, nghĩa là lấy những câu trong Kiều để ngâm vịnh cho những đề khác.

Ngâm thơ thường không có nhạc. Ngày nay các tác giả mới cũng ngâm nga thơ của mình, và có đệm nhạc.

Làm thơ xong, hoặc các tác giả cùng bè bạn tự ngâm đề thưởng thức với nhau, hoặc giao cho ca nhi ngâm.

Trong những buổi tối đi mua vui ở xóm cô đầu, nhiều nhà văn, nhà thơ thường soạn sẵn những bài thơ hoặc những bài tập Kiều để cô đầu ngâm.

Đây là cái thú thanh cao của người biết chữ.

## Ca trù

Các cụ xưa rất ưa ca trù. Ca trù chính là hát *ả đào*, nghĩa là lối hát của cô đầu khi tiếp đãi quan viên.

Sở dĩ gọi là ca trù vì ngày xưa khi có tế lễ thường mời ca nhi tới hát và khi hát có lệ hát thẻ. *Thẻ gọi là trù làm bằng mảnh tre ghi chữ đánh dấu, dùng để thưởng ả đào thay cho tiền mặt.*[\(26\)](#)

Trong buổi hát thờ, mỗi khi ca nhi hát hay, lại được thưởng một chiếc thẻ, khi buổi hát tan, đoàn ca hát cứ theo số thẻ lĩnh tiền thưởng. Do đó, hát ả đào gọi là ca trù, nghĩa là hát thẻ.

Hát ả đào còn gọi là *hát cô đầu*, *hát nhà tơ* hay *hát nhà trò*.

Khi ả đào hát có kếp dùng đàn để đệm cho câu hát và có quan viên đánh trống cầm châu.

Chính ả đào trong lúc hát lại gõ phách để giữ nhịp câu hát.

Hát ả đào có ba lối chính:

*Hát chơi* là hát khi tổ chức tại nhà quan viên hay tại nhà ả đào để quan

viên mua vui. Trong những buổi hát chơi này, cô đầu thường ca những bài phóng khoáng và tình tứ.

*Hát cửa đình* là hát để thờ thần. Trong những buổi hát này, ca nhi thường hát những bài về sử, về kinh truyện, về sự tích danh nhân, ngoài những khúc do đào hát còn những khúc do kép hát và những vũ bộ(26).

*Hát thi* là lối hát để khảo sát tài năng của đào kép.

Với ba lối hát, ca trù có tất cả trên 40 thể, nhưng những thể thường được hát nhiều là:

- Bắc phản
- Mưỡu
- Hát nói
- Gửi thư

Về âm luật ca trù có 5 cung chính (cung ở đây là giọng hát và hơi đàn):

*Cung Nam, giọng bằng phẳng mà xuống thấp.*

*Cung Bắc, giọng rắn rỏi mà lên cao.*

*Cung Huỳnh, giọng đọc dính vào nhau mà mau.*

*Cung Pha, hơi ai oán, giọng đọc chệch lơ lơ đi.*

*Cung Nao, hơi chên̄h chên̄h, đư̄ng ở cung nọ chuyển sang cung kia.  
Cung nao chen̄h lẫn ở giữa, âm nhạc Tây phương gọi là nửa cung.*

Về sau có thêm một cung nữa gọi là cung Phú. Cung Phú hơi như vẻ đọc Phú, cuối câu có hơi ngân bậc cao(26).

## **Bắc phản**

Hát Bắc phản mở đầu cho cuộc hát. Sau khi đào kép dạo phách là hát Bắc phản. Giọng hát thanh tao từ hơi Nam chuyển sang hơi Bắc, do đó có danh từ Bắc phản.

Câu hát là những câu lục bát, giọng hát bằng phẳng đều đều.

Dưới đây là một câu hát Bắc phản cổ:

*Nỗi xa cách nhớ thương,  
Trêu người chi mấy trắng già.  
Se dây cho hẵn một nhà với nao,  
Bấy lâu duyên những ước ao,  
Giấc hòa mộng tưởng, chiêm bao mơ màng.  
Sơn lâm mấy cõi tương vàng,  
Cây bao nhiêu lá thương chàng bấy nhiêu.*

## **Hát mưỡu**

Sau Bắc phản thường là Hát mưỡu, điệu phách khoan thai. Câu hát là một hoặc hai câu lục bát tùy theo từng trường hợp. Hát mưỡu tuy câu hát cũng là lục bát như Bắc phản, nhưng giọng Nam, giọng Bắc phân minh, lời hát réo rất khác với sự bằng phẳng của Bắc phản. Mưỡu mở đầu cho bài hát nói. Mưỡu một câu lục bát là mưỡu đơn, hai câu lục bát là mưỡu kép. Mưỡu tóm tắt ý tưởng trong bài hát nói:

### ***Đêm thu Thăng Long***

*Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.  
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,  
Nhịp cầu An Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Trên đây là một câu mưỡu khép cổ, không rõ tác giả. Dưới đây là một câu mưỡu kép của Tản Đà:

### ***Hỏi gió***

*Cát đâu ai bốc tung trời?  
Sóng sông ai vỗ? Cây đò ai rung?  
Phải rằng dì gió hay không?  
Phong tình đem thổi lạ lòng trêu ai?*

## **Hát nói**

Sau Hát mưỡu là Hát nói, nhưng trước bài hát nói có năm khổ đàn. Với hát nói, tác giả gói ghém ý mình muốn nói vào câu hát.



*Hát nói đủ khổ có 11 câu.*

*Hát nói đôi khổ có trên 11 câu.*

*Hát nói gói hạc là bài có nhiều câu, vừa đôi phách lại vừa cách đặt khúc khuỷu.*

*Hát nói mười hậu là bài hát nói có câu lục bát trước khổ cuối.*

Bài Hối gió của Tản Đà là một bài đủ khổ:

*Khoái tai phong dã!  
Giống vô tình cây đá cũng mê toi.  
Gặp gió đây hỏi một đôi lời,  
Ta hỏi gió quen ai mà phảng phất?  
Thử thị Đà Giang phi Xích Bích,  
Dã vô Gia Cát dử Chu Lang.  
Ai cầu phong? Mà gió tự đâu sang?  
Hay mãi khách văn chương tìm kết bạn?  
Gió hồi gió, phong trần ta đã chán,  
Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong,  
Nên chẳng gió cũng chiều lòng.*

Một bài hát gói hạc và đôi khổ:

### ***Nhàn nhật tâm phương***

*Xuân bất lão nhân hà lão,  
Lúc thanh nhàn đứng đỉnh đạo tìm hoa.  
Nào Lan, Đào, Mai, Lý, Cúc, Trà,  
So hương sắc, mỗi hoa tươi một vẻ.  
Chẳng trách bướm ong ham đáo để,  
Nhẽ nào quân tử lại vô tâm?  
Đã chơi hoa ngắm nghĩa ôm cầm,  
Vậy thưởng thức có tinh thần thời mời thích.  
Xuân khứ xuân hồi thi mãn bích,  
Hoa hàm hoa tiếu tửu khinh tôn.  
Rượu pha hương say tíu càn khôn,  
Hoa đượm tuyết lại càng tôn vẻ quý,  
Vườn ngự uyển chị Hằng lưu ý.  
Khách tâm phương thường để trí vãng lai,  
Còn xuân hoa nguyệt còn dài.*

Một bài hát mượn hậu của Nguyễn Công Trứ:

### ***Nợ phong lưu***

*Cõi trần thế nhân sinh là khách cả,  
Nợ phong lưu kẻ trả có người vay.  
Trong trần ai, ai biết ai hay,  
Làm ra đấng phi thường cho rõ mặt.  
Quân tử dụng tâm vô đồ tặc,  
Trượng phu xử thế hữu kinh quyền.  
Bất vụ nhân bất oán thiên,  
Ba vạn sáu nghìn ngày thích chí.  
Năm ba chén trà nhân rượu trí,  
Một vài câu thơ thánh phú thân.  
Nhờn nhờ trong cõi hồng trần,  
Gặp ngày chung đỉnh đại cân cũng vừa,  
Thành thoi bầu rượu túi thơ.*

### **Hát gửi thư**

Đây là giọng hát để người hát diễn đạt tình ý dưới hình thức một bức thư. Bài hát thường là những bài văn song thất lục bát, đôi khi có biến thể thêm một vài chữ cho rõ nghĩa.

Bài *Gửi người tình nhân không quen biết* của Tản Đà thường được dùng để hát gửi thư:

*Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,  
Viết bức thư này gửi đến ai.  
Non nước xa khơi tình bã ngỡ,  
Ai tri âm đó nhận mà coi.*

*Ngàn mây biếc long lanh đáy nước,  
Bóng tà dương ngả gác non đồi.  
Tranh kia ai vẽ cho trời?  
Ngoài sơn thủy lại một người đứng trơ.  
Hồn kiếp trước ngán ngơ chưa tỉnh,  
Mối duyên tình vợ vẫn càng thêm,  
Tuyết mù tăm cá hơi chim,*

Nào người nhớ hỏi thăm tìm là đâu?  
Kể từ độ lọt đầu se tóc,  
Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra.  
Cõi sâu ta lại với ta,  
Lọ quen biết mới gọi là tương tri.  
Con gió thăm có khi cùng khóc,  
Bóng trăng thanh lẫm lúc cùng chơi;  
Gượng vui cùng một nét cười,  
Nguyệt hoa cùng trải cuộc đời như nhau.  
Bê trần hải chẳng sâu mà sóng,  
Cầu hành tinh đã rộng thêm tròn;  
Tài tình một gánh con con,  
Đông Tây Nam Bắc ai còn gặp ai.  
Nổi bèo nước đã trôi thời thế,  
Tình cỏ sương khôn dễ mà khuây.  
Phòng văn trở lại gót giày,  
Chén tương tư rót cho đầy lệ với.  
Tắc son giải mấy lời huê bút,  
Tờ giấy bay theo ngọn gió đông.  
Lòng kia hồi có tin lòng,  
Nước non khơi cách ngàn trùng chưa xa.

Nêu trên là mấy lời hát ca trù thường được các ca nhi hát tới và được quan viên ưa thưởng thức. Ngoài ra còn trên bốn chục lời hát khác nữa, đáng kể là *Kể truyện, Hăm, Tì bà, Xâm cô đầu...*

## Hát trẻ em

Từ trên, chúng tôi đã trình bày phần lớn các lời ca hát Việt Nam, từ những lời ca bình dân đến những lời được hạng trí thức ca hát hoặc ưa thưởng thức. Đây mới là những lời ca hát của người lớn, nhưng các trẻ em trong những trò chơi chúng nó cũng có những lời hát riêng. Dưới đây là một số những câu hát đi theo với trò chơi.

### Chi chi chành chành

Đây là lời chơi đi tìm. Một em chìa bàn tay ra các em khác để ngón tay trở

trên bàn tay của em này, rồi em này cũng lấy ngón tay trở của mình đặt lên bàn tay vừa đi vừa hát:

*Chi chi chành chành  
Cái đanh thổi lửa  
Con ngựa chết chương  
Ba vương Thượng Đế  
Ừ... ừ... ập!*

Sau tiếng *ập*, em nắm tay lại, em nào có ngón tay bị nắm trong bàn tay của em kia, sẽ nhắm mắt lại để các em khác đi ẩn, rồi em đi tìm.

## **Thả đĩa ba ba**

Trò chơi này cần một em làm đĩa, còn các em khác là những người lội qua sông. Các em thường cùng chơi ở sân đình, sân chùa, hoặc lúc đi chăn trâu thì chơi ở trên một thửa ruộng đã dỡ màu rồi. Hai bên bờ ruộng, hai bên mé sông được coi là bờ sông. Em làm đĩa đứng ở giữa sân hoặc giữa ruộng, còn các em kia chạy qua chạy lại. Đĩa phải đuổi bắt người lội sông. Em nào bị đĩa bắt phải làm đĩa thay cho em cũ được trở thành người lội sông trong trò chơi.

Lúc đầu tiên cần phải có một em làm đĩa. Tất cả các em đứng vây quanh thành vòng tròn, một em hát bài *thả đĩa ba ba* mỗi tiếng chỉ vào một em, em nào trúng tiếng sau cùng em đó làm đĩa. Bài hát như sau:

*Thả đĩa ba ba,  
Chớ bắt đàn bà,  
Phải tội đàn ông.  
Cơm trắng như bông,  
Gạo thuyên như nước,  
Đổ mắm đổ muối,  
Đổ tưới hạt tiêu,  
Đổ niêu phân gà,  
Đổ phải nhà nào,  
Nhà ấy phải chịu.*

Em nào trúng tiếng *chịu* em ấy phải làm đĩa.

Đại khái, chúng tôi kể ra vài trò chơi với các câu hát liên hệ của trẻ em để bạn đọc có một ý niệm về lối hát này. Thực ra các trẻ em nhiều trò chơi lắm,

và với các trò chơi thường đều có các câu hát, chúng tôi rất tiếc không kể được hết ra đây(30).

## Hát Tân nhạc

Đây là thời kì tiền chiến của ca hát Việt Nam.

Tại các thành thị, người ta hầu như xao lãng hết những điệu hát cổ truyền. Chiều bóng, âm nhạc Tây phương, phong trào thể thao và hướng đạo đã ảnh hưởng rất lớn tới nên ca hát Việt Nam với những câu hát vui tươi, với những bài hát sáng tác bởi các nhạc sĩ phái mới.

Kể từ những cuộc vui chơi của trẻ em nhắc lại những tích cổ cũng có những câu hát theo điệu mới, như câu hát sau đây nhắc lại sự tích vua Đinh Tiên Hoàng.

*Anh hùng xưa nhớ thời là thời niên thiếu,  
Dậy binh lấy lau làm cờ,  
Quên mình là mình giúp nước,  
Hết sức giữ gìn cho nước,  
Dấn thân trước nơi nguy nàn...*

Những cuộc lửa trại hướng đạo được tổ chức thay thế những trò chơi tập thể của trẻ em vùng quê, và trong những cuộc lửa trại này những câu hát Pháp được chuyển sang tiếng Việt Nam. Như bài hát con Voi dưới đây:

*Trông kìa con voi,  
Nó đứng rung rinh,  
Nghiêng mình trong đám.  
Nhện chằng vò tơ,  
Anh chàng voi ta,  
Thích chí mê toi,  
Bèn mời anh khác,  
Đằng xa vào chơi.*

Trên lãnh vực ca hát của người lớn, người thành thị miền Bắc hồi đó - chúng tôi muốn nói vào khoảng từ năm 1932 trở lại - như muốn say mê những điệu hát lai Tây. Có thể vì âm nhạc mới lạ, nhưng cũng lại vì những lời ca nồng

cháy của những môi tình đầy xác thịt. Những bài hát Âu Tây này khác hẳn những bài hát Việt Nam cũng ca ngợi tình ái, nhưng ở đây là môi tình êm đềm kín đáo mà thâm thiết.

Chính vì quá say mê cái mới Tây phương mà lớp người mới ở thành thị thường ca hát những bài tiếng Pháp.

Và nhiều bài hát Pháp được chuyển sang Việt ngữ, trai gái thị thành thích thú những bài hát này, chúng đề cao cá nhân. Dưới đây là một trong những bài hát của lũ người mất gốc hồi đó, bản tiếng Việt của bài *Créola*:

*Phút mơ màng,  
Ngồi bên em tựa thiên đường.  
Và ngàn hương sắc huy hoàng chim hót ca lừng vang.  
Chào xuân đi, nàng tiên, trời tươi thắm, một màu tươi sáng.  
Ta cố quên ngày tháng, sung sướng đi nàng tiên!  
Kìa hồ xưa xa xăm man mác êm đềm,  
Ồ người tiên, mắt em mơ màng,  
Cười cùng anh chớ nên ưu phiền.  
Ca hát đi nàng tiên,  
Vang ca khúc tình duyên.*

Bài hát trên có thể tượng trưng cho tất cả những bài hát ngoại quốc được chuyển sang lời Việt hồi đó. Những bài hát này chỉ ca tụng một cách vụng về tình ái lộ liễu của trai gái.

Nhưng dù con người thành thị có ưa những bài hát này đi mấy, chúng cũng chỉ có một thời.

Chỉ ít lâu sau, một phong trào mới về ca hát xuất hiện nhờ ảnh hưởng của phong trào hướng đạo. Nam nữ thanh niên đua nhau hát những bài hát Mê-n, Lào, cả giọng hát Thượng mặc dầu họ không hiểu gì về ý nghĩa của bài hát. Chúng tôi có thể kể lại đây những bài *Hời Mản Prô*, *Nùng Păng Cà lô ti* v.v...

Sau đó, vào khoảng 1941-1942, những bài hát Trung Hoa cũng được đồng bào thành thị miền Bắc hát tới và chuyển sang Việt ngữ. Một bài danh tiếng của thời đó là *Hà nhật quân tái lai?* nghĩa là *Khi nào chàng trở lại?* được hầu hết các thanh niên nam nữ thuộc lòng, và một số người ở đồng quê cũng hát. Có lẽ nó có tính chất phương Đông nên dễ phổ biến chăng?

***Hà nhật quân tái lai?***

*Đi có để hình bóng,  
Cùng mỗi thương anh để bên lòng.  
Em nhắn nhủ thời gian,  
Mang đến trả tình quân.  
Như đóa hoa thơm như sương,  
Mau cứu hoa khỏi héo tàn...  
Vương vấn âu sầu làm chi,  
Nếu sau ngày biệt ly,  
Còn mong sẽ có một trùng lai tư nhi.  
Giữ duyên khỏi phai,  
Dù bước phong trần lôi kéo đời.  
Em cũng như tình quân,  
Yêu lo một kỳ tái xuân.*

Bài hát trên là lời than thở của một xuân nữ, cầu khẩn cho người yêu trở lại và mong mỗi ngày tái ngộ.

Ngoài bài trên, còn bài Nhớ rừng cũng chuyển từ Hoa ngữ sang rất được thanh niên nam nữ học sinh ưa thích.

## **Thời kỳ sáng tác**

Chịu ảnh hưởng của nền âm nhạc Tây phương, không lẽ người Việt Nam cứ chuyển mãi những bài ngoại quốc sang Việt ngữ, do đó, cùng với sự chuyển dịch trên, các nhạc sĩ Việt Nam cũng sáng tác được nhiều bản nhạc đã lột được tinh thần của nhạc sĩ và đã trở nên rất có giá trị, nó hợp với tâm hồn người Việt Nam hơn. Có những bài như bài *Bên sườn núi* của Phạm Đăng Hình, bài *Việt Nam bất diệt* của Hoàng Gia Linh, bài *Khỏe vì Nước* của Hùng Lô v.v... rất được phổ biến. Vào năm 1942, những bản nhạc do nhạc sĩ Thẩm Oánh sáng tác cũng rất được hoan nghênh, và được đám quần chúng say mê, trong đó đáng kể là các bài *Hồ xưa* và *Tâm hồn anh tìm em*.

Ngoài ra, một hướng đạo sinh, ông Phạm Văn Xung có soạn được bài *Đi đi ta cùng đi* cũng được giới bạn trẻ luôn luôn hát tới.

Để tượng trưng cho các bài hát được sáng tác trong thời kỳ tiền chiến này, chúng tôi xin ghi lại đây bài *Tâm hồn anh tìm em* đã từng làm cho giới thanh niên thích thú.

*Tâm hồn anh tìm em,  
Theo làn sang vườn Thúy,  
Dưới trăng mờ sao huyền,  
Lòng anh giá băng,  
Dưới bóng trăng mờ,  
Tìm hình người mơ,  
Gió lay trong trời thanh,  
Anh mến xin hương trâm tóc xanh.  
Ánh trăng hằng sáng,  
Như mắt nhung mơ màng,  
Và tóc em là màn liễu xanh rờn.*

*Tâm hồn anh tìm em,  
Theo làn sang vườn vắng,  
Nhớ nhung căng tràn tim  
Trong bóng điệu trăng mờ sao huyền,  
Một mình bên sông mờ với em.*

Bản hát trên thật là êm ái, lời lẽ thật là thanh nhã, hợp với tâm hồn bạn trẻ và cũng không đi ngược lại hướng đạo đức của phương Đông như những bài quá nồng cháy dịch ở các bài hát Tây phương sang tiếng Việt.

Tương cũng nên nói thêm là nếu tất cả lời ca hát cổ truyền Việt Nam có thể ca không nhạc ngoại trừ *Hát chèo*, *Hát xẩm*, *Ca trù* và *Hát tôn giáo*, thì những lời hát *Cải lương* và *hát Tân nhạc* đều có nhạc đệm.

## **Kết luận**

Chúng tôi đã trình bày sơ lược các lời ca hát tại Việt Nam qua các giai đoạn từ cổ truyền tới tân nhạc. Đã đành rằng sơ sài quá và còn nhiều thiếu sót, nhưng khuôn khổ tập sách này và sự hiểu biết nông cạn bắt buộc chúng tôi phải thu hẹp nhiều điều chúng tôi muốn nói rộng hơn.

Ở đây chúng tôi cũng không đề cập tới những lời ca hát mới ngày nay ở miền Bắc kể từ năm 1945, nhất là từ năm 1954, sau hiệp định Genève. Những lời ca hát mới này chịu ảnh hưởng rất nhiều của nền ca nhạc Trung Hoa đỏ và được chính quyền miền Bắc khuyến khích.





# Tài liệu đọc thêm

## Âm nhạc xứ Thượng

Âm nhạc của người Thượng rất đơn giản thường là kết hợp bởi những âm thanh man dại của núi rừng. Sống trong vị thế cách biệt hẳn mọi giao tiếp đối thay của thế giới bên ngoài âm nhạc cũng như văn hóa người Thượng ít bị ảnh hưởng ngoại lai mà vẫn giữ bản chất nguyên vẹn buổi ban đầu. Những bài ca của người Thượng thường là những điệu hát thần thoại được kết dệt từ ngàn xưa, hoặc để kể lại nguồn gốc của bộ lạc, ca ngợi đời sống anh hùng của những tù trưởng can đảm, hay để mơ tưởng một cuộc sống thanh bình sung túc, hoặc ca tụng những mối tình thơ mộng của núi rừng. Những lời ca đó không được ghi chép bằng văn từ mà chỉ được lưu truyền qua cửa miệng của loài người trải qua nhiều thế hệ.

Âm điệu của những bài hát rất đơn sơ, chất phác mô phỏng tiếng nói của núi rừng: Tiếng gió lách qua chùm lá, tiếng chim hát, tiếng suối reo, tiếng thác đổ rạt rào...

Tất cả những âm thanh kết hợp thành nhịp điệu chi phối hình thức diễn tả. Do đó âm điệu của những bài ca miền núi thường thường trầm trầm nhẹ nhẹ như gió thoảng như thác không có những âm thanh cao vút hay dồn dập rộn ràng.

Nhạc cụ dùng phụ họa cho lời ca cũng để diễn tả những âm điệu mô phỏng của thiên nhiên với những tiếng ngân nhỏ nhẹ trầm buồn như tiếng thì thào của tâm hồn những người sơn cước.

Người Bahnar, Sédang hay chơi một loại đàn bầu giản dị. Ta gọi là đàn bầu vì đàn bên dưới làm bằng một quả bầu khô, cán đàn là một ống tre nhỏ, bên trên cắm 12 cái chốt để cột dây đàn. Dây đàn ngày trước làm bằng sợi dây gấc nên tiếng trầm và nhỏ, ngày nay thay thế bằng những sợi thép của dây điện thoại. Những sợi dây đàn được cột dài ngắn theo thứ tự vào những chốt trên cán đàn đối với thân bầu. Những sợi dài cho âm trầm, những sợi ngắn cho âm cao, tiếng rung của dây đàn sẽ được chuyển vào quả bầu và phát ra những âm thanh trầm trầm nho nhỏ. Muốn nghe đàn phải đứng rất gần người đánh đàn vì tiếng nhẹ như gió thoảng.

Người Sédang cũng thường thổi một loại ống sáo có 6 lỗ, thổi bằng cách nhậm vào một đàn ống. Ống sáo này cũng phát ra những tiếng nhỏ buồn buồn. Những thiếu nữ Bahnar thường chơi loại đàn ống. Nếu một hay hai người chơi thì đàn gồm 8 ống, nếu nhiều người cùng đàn có thể nhiều ống hơn. Những ống này làm bằng thân cây lồ ô đã thông mắt, các ống dài ngắn khác nhau. Những ống dài cho âm trầm, những ống ngắn cho âm bổng. Muốn đàn người ta gác dọc những ống này trên hai thanh tre nằm ngang trên mặt đất, ống dài nhất ở bên phải rồi theo thứ tự đến ống ngắn nhất bên trái. Nếu chỉ một người chơi đàn thì người này phải quỳ ngồi ngay dưới đất ở giữa các ống đàn, dùng tay vỗ vào nhau để phát ra hơi gió ở trước mỗi ống, hơi gió luôn vào trong ống, chạm vào thành ống tạo nên tiếng ngân rồi thoát ra thành một âm ở đầu kia của ống. Người đánh đàn phải thuộc âm điệu của từng ống, mỗi ống cho một âm khác nhau, nhưng người chơi đàn có thể đánh những bán âm bằng cách vỗ ở giữa hai ống gần nhau, hơi gió sẽ chia vào hai ống và phát ra một âm trung bình giữa hai âm. Thường bao giờ cũng có một người ngồi ở phía dưới đối diện để đánh nhịp. Người đánh nhịp chỉ vỗ vào ống có âm trầm thứ nhì, ống này được kê cho cao phía trên người đánh nhịp. Tiếng đàn này rất âm và trầm, thoang thoang âm vang hòa điệu với những bài ca âm điệu hiền lành.

Người Rhadé, người Stieng, người Khatu ở Quảng Trị có một loại kèn ghép bằng nhiều ống hóp nhỏ theo thứ tự cao thấp như hình bậc thang, tiếng kèn của những âm thanh đều đều có vẻ man dại và buồn.

Người Thượng ở miền Nam Cao Nguyên lại còn có một loại đàn ghép bằng hai thanh tre hay gỗ chuốc mỏng, tùy theo độ mỏng hay dày, mỗi thanh tre cho một âm thanh khác nhau. Những thanh này được nối lại với nhau bằng hai sợi dây song song. Người chơi đàn cầm một thanh tre hay gỗ mỏng khác gõ vào đàn.

Có nơi loại đàn này biến đổi thành hai hình thức khác nhau, người ta không ghép những thanh tre lại để cầm mà đàn nhưng lại gác chúng lên trên miệng một đường nương nhỏ rồi dùng cây gõ lên những thanh tre đó sẽ có được những âm thanh trong trẻo và nhẹ.

Ngoài những loại đàn và kèn đặc biệt của đồng bào Thượng thay đổi cho từng bộ lạc, ta còn thấy đồng bào Thượng có một nhạc cụ thông dụng cho mọi nơi đó là những chiếc goong và trống. Goong hay chiêng và trống gồm có nhiều loại lớn bé khác nhau, đánh goong trống cho hòa hợp là cả một nghệ thuật, người Thượng thường sử dụng các loại nhạc khí sau này vào những lúc có lễ lạc tế tự long trọng.

Người Thượng cũng có những vũ khúc bình dị, bình dị như âm nhạc và tâm hồn của họ. Vũ điệu thường đơn giản ít động tác và nhẹ nhàng hòa hợp với lời ca tiếng nhạc. Họ rất thích ca hát nhất là những cô thiếu nữ, lời ca ngân nga đều đều như không bao giờ thay đổi. Ngày nay xen lẫn với những điệu ca cổ truyền, người Thượng cũng biết hát những bản nhạc cải cách của Phạm Duy, Nguyễn Văn Đông... Vào một vài buôn Thượng, thỉnh thoảng chúng ta được nghe điệu nhạc trầm buồn, vi vu qua tiếng đàn ống lẫn lộn với những âm thanh dồn dập như thánh thót của Tây Ban Cầm.

*CỬU LONG GIANG và TOAN ÁNH  
(Miền Thượng Cao Nguyên)*

## **Tục hát trống quân giữa giai Xuân Cầu, gái Khúc Lộ**

Nếu bạn đi ô tô theo con đường thuộc địa số 5, tức đường Hà Nội - Hải Phòng, bạn sẽ qua một phố con cách Hà Nội chừng ngoài hai mươi cây số, đó là chợ Đường cái.

Xuống xe, đi lần vào làng Nhạc Lộ độ nửa cây, bạn sẽ thấy một con sông con có cầu bắc qua mà bên kia ẩn hiện một làng khá đẹp, tên là Xuân Cầu thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xuân Cầu vẫn có tiếng là một làng văn vật.

Với bộ óc mộc mạc, dân Xuân Cầu vẫn giữ được nề nếp cũ trong xóm, trong làng.

Quanh năm chăm chỉ làm ăn, giai làng chỉ có dịp chơi bời ngao du trong cảnh thu đẹp đẽ. Những đêm gió thu êm, trăng thu sáng, với một tấm lòng hả hê sau trận phấn đấu với công việc nặng nhọc, giai làng thường thường tìm vui trong thú hát trống quân.

Hát trống quân là một lối chơi rất thanh nhã mà họ vẫn giữ từ trước đến nay. Hằng năm, cứ đến tháng tám, họ rủ nhau tụ năm tụ bảy để ca hát. Có một điều lạ là không bao giờ họ hát với gái làng, vì gái làng hát không hay và rất kém về môn chơi đó, nên họ phải tìm những bạn "đồng thanh, đồng điệu".

Khúc Lộng, một làng hẻo lánh cách Xuân Cầu độ ba cây số, sản xuất rất nhiều "chim họa mi" vừa hát hay, vừa ví khéo.

Cứ mùa hát tới, giai Xuân Cầu, gái Khúc Lộng lại cùng nhau ca xướng dưới những tờ trắng mươn mướt mịn màng, mặc dầu đã nhiều lần làm giai các nơi khác đem tâm ghen tị.

Cứ tối đến, lúc trăng thu đã lên, gió mát đã thổi, họ đã xong công việc nhà, thì đôi bên gặp nhau trong "thơ mộng": chia làm hai đám, lên giọng ca hát véo von... Họ chào nhau một cách rất thân mật, rồi tha hồ tình tự trong phạm vi câu hát:

*Lạ lòng anh mới tới đây  
Thấy hoa thì hái, biết cây ai trồng!*

Và cứ như thế, bên nọ giả lời bên kia rất thú vị.

Đó là mấy câu hát chơi trước khi vào cuộc cũng như thanh niên ta chơi mấy quả "ken cò" trước khi vào bàn ping-pong.

Đùa cợt một lúc, bấy giờ họ mới bắt đầu hát đứng đắn.

Cẩn thận lắm, họ xung danh với nhau trong câu:

*Anh là con giai thôn Tam,  
Làng anh nhất xã chia làm ba thôn  
Văn minh đã nức tiếng đồn v.v...*

Bên gái:

*Em là con gái thôn quê,  
Làng em, Khúc Lộng, huyện thì Văn Giang...*

Và còn dài nữa... Họ kể tất cả mọi việc trong làng họ . Họ tả cảnh rất đúng bằng những câu văn mộc mạc nhưng lưu loát.

Thế rồi đến tình tự. Họ tự tình giữa công chúng, không một e thẹn, bằng một câu hát mà người ngồi nghe tưởng tượng như họ lấy nhau đến nơi rồi. Mà thật thế, họ tự nhiên lắm, họ khuyên bảo nhau như là một cặp vợ chồng thật.

Ví dụ lúc mới tự tình:

*Đường xa thì thật là xa,  
Mượn mình làm mối cho ta một người.  
Một người mười tám, đôi mươi  
Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình...*

Lúc mối tình đã kết chặt:

*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo,  
Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.  
Yêu nhau chẳng quản gần xa,  
Một ngày chẳng đến thì ba bốn ngày.*

Ái tình đã đắm thắm như vậy, thì lòng nhớ thương lai láng bội phần:

*Nhớ ai em cũng khóc thầm  
Năm thân áo vải ướt đầm như mưa!  
Nhớ ai ra ngõ, vào ngõ,  
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?*

Và họ đã quyết khi ái tình lên đến cực điểm:

*Lòng em đã quyết thì hành,  
Đã cạy thì gặt với anh một mùa.*  
.....  
*Chắc như nhời ấy chớ sai  
Tháng giêng dẫn gõ, tháng hai làm nhà,  
Tháng ba ăn cưới đôi ta...*

Rồi khi đến chỗ họ lấy nhau thì:

*Có con, lo liệu cho con;  
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng...*

Họ rất chung tình:

*Tay mang khăn gói qua sông,  
Mẹ kêu, lạy mẹ, thương chồng phải theo...*

Cứ thế, họ trao đổi với nhau bằng một giọng rất thân mật. Có lúc tưởng tượng như chàng đi học xa xôi, bên nữ hát rằng:

*Hết gạo thì thiếp gánh đi,*

*Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao?  
Hỏi thăm đến ngõ thì vào  
Tay cất gánh gạo, miệng chào "bông soa"...*

Giờ này sang giờ khác bằng những câu hát ứng khẩu, bắt vần rất khéo, họ ngồi đối diện nhau có khi tới sáng, không một chút nhọc mệt.

Hát như thế phần nhiều là họ hát chơi. Nhưng cũng một đôi khi có người ưa nghe, gọi vào trong sân nhà mình, treo giải để khích lệ họ hát. Trong trường hợp ấy, đôi bên nam nữ tranh nhau trở tài, hát hết đêm này qua đêm khác cho đến chừng nào một bên không đối đáp được, thì phái thắng sẽ giật giải, bấy giờ mới là "chung kết".

Giọng trầm bổng còn dư âm... Trăng đã lặn và bình minh đã ló. Họ đứng dậy cáo từ nhau và mền tiếc nhớ thương. Lúc ấy, nếu bạn hỏi xem họ có mệt không, thì họ sẽ vui vẻ trả lời: "Không, chúng tôi chẳng những không thấy mệt mà lại còn khoan khoái là khác nữa..."

Hát ánh trăng: một dịp giúp cho văn chương bình dân được phát triển!

Ca đêm vàng: một cuộc bày tỏ tâm tư, trao đổi tình ý của nam nữ ở sau lũy tre xanh

ANH NGÃU  
*Tri Tân số 19 - Thứ Sáu, 17 Octobre 1941*

## Hát phường vải

*Quand vous serez bien vieille, au soir, à la chandelle,  
Assise auprès du feu, dévidant et filant,  
Direz, chantant mes vers, en vous émerveillant :  
"Ronsard me célébrait du temps que j'étais belle."*

Ronsard - à Hélène

Trước hết, chúng tôi xin nói qua về nghề kéo sợi dệt vải ở Nghệ Tĩnh.

Ngày xưa chưa có *vải tàu*[\(31\)](#), các khung cửi phải dùng vải ta. Vải ta là vải kéo bằng tay. Kéo bằng tay thời nhất định phải thô kệch, không được tron

trắng mịn màng như vải tàu, so với popeline suisse và nylfrance bây giờ thì thật là một trời một vực. Nhưng đối với dân "cá gỗ" thích ăn chắc mặc bền, vải đó đã là thứ vải che thân hoàn hảo rồi.

Thường thì người ta không mặc đồ trắng, vì dễ bẩn và mau rách. Phải nhuộm nâu mới được. Có hai thứ vải nâu: nu non và nu bầm. Nu non là chỉ dùng củ non không thôi. Các cô các bà thường thêm vỏ già cho màu đen thêm tươi thắm. Còn nu bầm là thứ vải nhuộm nâu rồi, còn đem trần bùn. Phải là thứ bùn lấy dưới ao sâu, đen lạnh lạnh và hăng sảng sảng. Phải chăng trong bùn đen ấy có chất moóc đặng (mordant) moóc điếc gì mà khi nhuộm bùn xong thì vải cứng lên một cách lạ lùng và dày gấp bội. Thứ đó dùng may áo dài bền lắm, khéo mặc có thể dùng suốt đời nên thường gọi là *áo chung thân*. Nó không ấm không đẹp bằng ba đờ xuy của Tây, nhưng tiện lợi hơn nhiều. Khi đã mặc cũ và nhục rồi, thì mặt vải gãy như hình tổ ong.

Trong *Hàn Nho phong vị phú*, cụ Nguyễn Công Trứ ca tụng thứ vải đó.

*Áo vải thân nặng trịch: lạnh làm mềm, nực làm gói, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu.*

*Khăn lau giặt đở lòm, trái làm chiếu, vận làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.*

Đàn bà có thể dùng vải nâu bầm để may "*thọ nhất bức*". Thứ váy đó không đẹp bằng váy lụa nhưng tiện lợi, kín đáo hơn và nhất là đi ngoài đồng áng không bị cỏ may bám vào. Vì thế nên có câu đố sau đây để so sánh hai thứ váy:

*Xấu xa như tui, đâm năm bảy cây,  
Đẹp tốt như chị, đâm mấy thì đâm.*

Muốn có vải ta việc trước hết là phải trồng bông. Tháng giêng trồng, tháng sáu lấy quả. Quả bông chín vàng, nở xòe như đóa hoa hồng bạch. Bông lấy về phải đem cán hết hạt rồi bứt tung ra từng sợi và se thành cùi để kéo. Người ta bứt bông bằng cung và kéo sợi bằng xa. Không biết cái xa của Thánh Cam Địa thế nào, chứ cái xa của dân Nghệ Tĩnh thì giản dị lắm. Một người thợ một lành nghề chỉ làm trong một ngày là xong một cái. Nhà nào cũng có xa. Xa mẹ, xa con, xa chị, xa em, xa bà, xa cháu, có nhà đến năm bảy cái. Người đàn bà nào cũng biết kéo vải cả. Con gái từ bảy tám tuổi đã biết rồi. Năm sáu tuổi đã biết giần. Giần nghĩa là cuốn chỉ thành từng lọn để sau này đánh thành sót mà dệt. Trước khi đánh sót người ta phải ngâm hồ để sợi chỉ được bền và trắng hơn. Vì quê ở Quỳnh Lưu, nữ sĩ Hồ Xuân Hương



không lạ gì công việc đó nên bà đã khuyên chị em bạn gái rằng "*Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ*", ngâm không kỹ là không tốt!

Xem thế thì từ lúc trồng bông cho đến lúc có vải nâu mặc, người dân quê Nghệ Tĩnh đã phải làm biết bao nhiêu việc: lật bông, cán bông, bứt bông, xe cúi, kéo sợi, giần hồ, sót, đánh ống, mắc vải, dệt nhuộm rồi cuối cùng mới may áo quần. Có thể nói kéo sợi là công việc quanh năm của đàn bà con gái. Vì công việc kéo dài thế nên mới sinh ra tục *hát phường vải* mà chúng tôi xin đề cập đến sau đây:

Kéo vải là một công việc rất dễ dàng nên thường làm vào ban đêm. Những người kéo thào rồi thì không cần đèn nữa. Những đêm trăng sáng người ta đem ra sân. Để cho vui vẻ họ rủ nhau đến nhà nào có sân rộng và sáng. Có khi vài ba chục xa quay đều theo tiếng hát nhịp nhàng của các cô, các cô làm thành một âm điệu dịu dàng dễ chịu hơn tiếng các xưởng dệt ở Đô thành nhiều lắm. Trong khi đó ở nhà bên cạnh hoặc sân bên kia các chàng thanh niên trong làng cũng nhóm họp để hút thuốc Lào, uống "nác chè sen" và nghe hát rồi hát đáp lại. Thành ra hai bên đối đáp nhau như lối hát quan họ ngoài Bắc vậy. Phần nhiều là những câu tình tứ gửi gắm nỗi lòng, những lời thăm dò ý kiến trao đổi một cách kín đáo, đôi khi nhờ đó có thể nên vợ nên chồng. Có khi là lời trách móc thiết tha sau nhiều năm chờ tháng đợi, hoặc tệ hơn nữa là những câu nặng nề nghịch ngợm để tẩy chay nhau một cách cay đắng.

Không phải người nào cũng có thể sáng tác được thứ văn chương hợp tình hợp cảnh ấy. Những câu thông thường là những câu vô giá trị. Phải là những tác phẩm i-nê-đi mới được. Thế cho nên chúng tôi có thể nói rằng phường vải là người văn chương bình dân dồi dào nhất của xứ Nghệ. Nói là bình dân, nhưng không phải chỉ các chị cu, o hét, anh xã, ả hoe đi hát, mà cả những câu ám cô chiêu nữa. Nếu câu ám Văn nhà ta mà sinh trưởng ở đất Hồng Lam thì cậu cũng đã nổi danh rồi. Các bậc khoa bảng cũng không từ chối lối chơi tao nhã ấy. Các cụ không hát thì đến đó để gà cho nam nữ thanh niên. Danh từ chuyên môn gọi là thông sự, giống như đánh cờ tướng thì phải có đại thí vậy, có nơi gọi là ngoại tử. Có một thời cụ Phan Bội Châu đã nổi danh về khoa đó. Tiếc rằng các tác phẩm của Cụ cũng như của những nhà nho khác chưa được ai ghi chép, và bây giờ một nhóm người xa quê hương như chúng ta đây khó lòng mà nhớ hết. Chúng tôi còn nhớ dăm ba câu, xin chép lại sau đây để các bạn thưởng thức.

Đây là một đôi trai gái mới gặp nhau lần đầu. Họ tìm hiểu nhau, thử thách nhau bằng câu ca tiếng hát. Họ hỏi vặn nhau như Hạng Thác hỏi Khổng Tử. Người con gái có quyền chất vấn trước:

*Đồn rằng chàng thông thạo sử kinh,  
Em đó chàng biết được con cá kình mấy xương?*

Hỏi thế thì đến ai cũng bí. Bí nhưng không lẽ lại chịu thua, chịu tịch mà về, bên con trai liền vặn lại để tìm lối thoát, một lối thoát không vẻ vang gì nhưng hơi trợ trên:

*Em về đếm má mấy nương,  
Anh đây đếm được mấy xương con cá kình.*

Bây giờ người con trai lại muốn tỏ tình:

*Thấy người thực nữ mỹ miều,  
Anh đây muốn hỏi người yêu tên gì?*

Cô kia trả lời một cách cầu kỳ:

*Đem ra hai cỗ ích xì,  
Lựa ra bốn Chức ấy là tên em.*

Tuy vậy, anh chàng thông minh kia hiểu liền. Trong bộ ích xì (tức bài cào) có bốn con J hay V, mà ở Nghệ An gọi là Chức hay Bồi. Mỗi bộ bốn con, hai bộ tám con, nên anh chàng biết ngay tên cô kia là ả Tám Bồi và đáp:

*Phải chăng là ả Tám Bồi?  
Chừng mô về thăm mẹ, cho tôi theo cùng.*

Nhưng cô ả không bằng lòng lối trao duyên số sàng ấy:

*Nghe lời anh nói, em đoán chắc anh khùng,  
Đôi bên chưa biết tên, biết mặt đã dùng dùng xin theo.*

Bị mắng là khùng, anh chàng chọc tức cho bõ ghét:

*Muốn biết em thì khó chi mô,  
Anh kiếm coi trù, be rượu, sang phở với mẹ thầy.*

Hỏi vợ mà chỉ mất một coi trù và một be rượu thì thật quá dễ dàng, người con gái bị rẻ rúng quá chừng. Bị trêu ghẹo và bị khinh bỉ, cô ta chửi lại ngay:

*Thầy mẹ em còn chọn đá để gửi vàng,  
Không dư con gái để gả cho chàng ngu si.*

Thế là anh chàng thất bại mà ra về.

Một chàng khác cũng bị tẩy chay một cách quyết liệt nhưng ở đây lời lẽ bóng bẩy hơn. Ý chừng anh chàng này ve vãn cô kia đã lâu mà không được xơ múi gì nhân lúc đêm khuya anh cất tiếng hát một cách chán nản:

*Trăng lên đến đó rồi tề!  
Hát dăm ba chuyện mà về kéo khuya.*

Và đây là câu tống biệt của nàng:

*Anh về đi ngủ kéo khuya,  
Xấu chuôm, cá nỏ vô đũa cho mô!*

Sau đây là lối dùng câu hát để trêu chọc nhau.

Một thanh niên ở Đức Thọ sang Nam Kim chơi. Anh cùng đi với một số bạn bè và gà cho họ hát, vì anh chợt mắt nên bị các cô chế nhạo:

*Anh đi Hà Nội năng chừ,  
Con mắt anh bít bạc, cần xà cừ một bên!*

Quá tức tối vì lối châm biếm độc địa của đối phương anh ta chửi lại và lẽ tất nhiên, chửi xong thì chạy ngay:

*Anh đây bên Hạ mới sang,  
Thằng cha cả họ, cả làng Nam Kim.*

Bây giờ đến chuyện chàng thư sinh đất Đông Thành huyện Đông Thành, sau này gọi là Yên Thành, có tiếng là hay chữ. Chàng thư sinh kia (có phải là bạn N.T.D. không nhỉ?) sang một huyện khác chơi. Đi đâu, anh cũng tự phụ là học giỏi nên có hôm bị một cô chất vấn:

*Đất Đông Thành đồn rằng chàng: "Hay trư"  
Vậy thiếp hỏi chàng: "Thầy Mạnh Tử con ai?"*

Hỏi thế thì thật khó. Sách Nho thường nói rằng Thầy Mạnh Kha là con Bà Mạnh Mẫu, người đã có công dạy con thành một bậc Á Thánh, còn ông Cha thì mất sớm, không công trạng gì nên không mấy ai để ý đến tên. Thế mà bây giờ có người hỏi mới nguy chứ! Không biết xoay sở thế nào, anh chàng bèn dùng chính sách độc tài để đàn áp cho xong chuyện:

*Em là phận gái thuyền duyên,  
Sao không chăm lo bếp núc, bàn chuyện thánh hiền làm chi?*

Tuy trả lời được, nhưng biết là mình đuối lý, mà bên kia thì chắc chắn có người bày, chàng bèn đâm khùng, tiếp thêm một câu rồi bỏ chạy:

*Thầy Mạnh là do cụ Mạnh sanh ra,  
Tổ mẹ đũa hát, tổ cha đũa bày!*

Đũa bày tức là các vị thông sự. Thông sự thường là những người lớn tuổi hơn, tài hoa hơn, nhưng giọng hát kém, chỉ ngồi bày vẽ cho đàn em. Thông sự đàn ông cũng có, mà thông sự đàn bà cũng có. Họ là những người ngồi trong bóng tối để chiến tranh tâm lý với nhau qua giọng hát của các em út. Thông sự có khi là bậc khoa bảng, tú tài, cử nhân hoặc tiến sĩ nữa. Họ thường chơi chữ với nhau như câu đối vậy. Chính Cụ Phan Bội Châu hay làm thông sự cho các thanh niên ở Nam Đàn, có lần đám học trò Cụ đi hát bị các cô tẩy chay một cách kịch liệt:

*Biểu anh một mẻ ngô rang,  
Đút mô cho mọc, đốt nhang ăn thề.*

Ngô rang mà bảo đút cho mọc, thì trời cũng chịu. Ngày xưa, Ngô Phù Sai bị mưu lúa luộc của Việt Vương Câu Tiễn thì bây giờ chàng trai xứ Nghệ lại bị mẻ ngô rang của cô con gái (thọ nhất bức). Nhưng Cụ Phan gỡ rối cho chàng một cách vừa tài tình vừa độc ác:

*Chỗ mô mà nắng không khô,  
Mà mưa không ướt, đút vô mọc liền!*

Lẽ tất nhiên là lúc hát xong, thầy trò cuốn gói đông tuốt, không cần ân nghĩa, không thềm nhang khói ăn thề gì nữa.

Một lần khác, bên gái hát:

*Vua Nghiêu có chín người con,  
Đan Chu là một, hỏi còn những ai?*

Sử Tàu nói vua Nghiêu có năm bảy người con trai gì đó và chỉ có hai người con gái thôi. Vua Nghiêu không truyền ngôi cho con mà lại truyền cho Ông Thuần, vì ông là người hiếu thảo nhất trong thiên hạ. Vua lại gả luôn hai Công chúa thôi, vì sử cũng nói rằng lúc Vua Thuần mất, hai Bà ngồi khóc chồng bên bờ sông Tương, nước mắt biến thành Ngọc và rơi xuống đất mọc

thành những cây Trúc đẹp như Ngà. Người nào tò mò thì có thể nhớ thêm tên Đan Chu là vị hoàng tử có đức hạnh và lớn tuổi nhất còn các vị khác thì không ai để ý làm gì. Vì thế dầu có đậu Đại Khoa cũng không thể biết được một chuyện quá chi tiết trong lịch sử rườm rà của Trung Quốc, Cụ Phan bèn gà răng:

*Em là phận gái nữ nhi,  
Đan Chu cũng đủ, hỏi chi chín người!*

Thật là tài tình! Con gái thì chỉ nên biết một người con trai thôi, biết làm chi đến chín người cho hỏng chuyện. Định lấy một lần chín chồng hay sao mà hỏi vớ vẩn thế?

Đó là những chuyện Cụ Phan làm thông sự cho bọn con trai. Nhiều hôm Cụ lại làm cho bọn con gái. Sau đây là những câu đã làm cho đôi phương phải bí và xưa nay cũng chưa ai đáp được.

*Xe cò ai đó rứa hê?  
Phải người Sáo, Vạc thì về với Loan.*

Xe cò là cái xe đạp, và cũng là tên một con chim sáo, vạc cũng là tên con chim và cũng là tên hai cái chợ lớn ở Nam Đàn, còn Loan là con chim loan và cũng là tên người con gái đang hát. Tên người tên đất tên chim lẫn lộn nhau, bạn nào tài giỏi thử đối coi!

*Quế, Hòa, Tùng, Bá, Liễu, Mai,  
Sum sum lục mộc anh tài đối chi?*

Mấy chữ Hán Quế, Hòa, Tùng, Bá, Liễu, Mai đều thuộc bộ Mộc. Còn chữ sum viết bằng ba chữ mộc chồng nhau. Sum sum cũng là sáu mộc. Như vậy câu trên có sáu chữ mộc, câu dưới cũng có sáu chữ mộc, ai làm sao đối nổi?

*Cha con thầy thuốc về làng,  
Hồi hương phụ tử, xin chàng đối đi!*

Đây là câu đối sửa đổi lại theo thể lục bát để có thể hát được. Chính câu đó là: Cha con thầy thuốc về quê gánh một gánh hồi hương phụ tử.

Hồi hương là về làng tức là quê hương, phụ tử là cha con, Hồi hương và Phụ tử lại tên vị thuốc Bắc. Bốn chữ ấy chẳng chịch nhau. Xưa nay đã được bày nhiều, và tác giả chính không phải là Cụ Phan. Cụ chỉ có công sửa lại theo điệu hát thôi.

Trên đây là những câu hát trêu chọc đùa giỡn xỏ chua, xỏ ngọt để thử tài nhau. Nhưng phần nhiều hát phường vải là những câu trữ tình, thường đem đến kết quả tốt đẹp, không nên vợ nên chồng thì cũng thành đôi bạn tâm giao, xa nhau không đặng.

*Nửa về nửa muốn ở đây,  
Về thì nhớ bạn ở đây nhớ nhà!  
Mình về để võng ai nằm?  
Để chẵn ai đắp, để trằm ai đeo?  
Ai về Đức Thọ chợ Cầu,  
Để thương, để nhớ, để sầu cho ai!*

Cái buồn của đêm tàn phường vải cũng (lưu luyến bao tình) không khác chi "Đêm tàn bên Ngự" cũng ngao ngán chán chường như ngày tàn của mùa gặt.

*Rồi mùa thóc rũ rơm khô,  
Bạn về quê bạn, biết lộ mô mà tìm!*

Cảnh sầu ly biệt đó, thiết tưởng cũng không kém gì cảnh "*duyên hoa sâu sát độ giang nhân*" của Trịnh Cốc đời Đường, hay cảnh giọt ngấn giọt dài của chàng Kim phải xa cô Kiều sau một đêm trăng thề quạt ước, để về đất "*Liêu dương cách trở sơn khê*".

*Ngại ngừng một bước một xa,  
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.  
Buộc yên quẩy gánh vội vàng,  
Mỗi sải sỏ nửa bước đường chia đôi.  
Buồn trong phong cảnh quê người,  
Đầu cành uyên nhật cuối trời nhận thưa.  
Nào người cũ gió từng mưa,  
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.*

Vì thế mà đôi trai gái thường phải qua nhiều trở ngại để được gần nhau, trở ngại lớn nhất hồi đó thường là cha mẹ:

*Muốn ăn kẹo lạc với đường,  
Dù cha dù mẹ ngược Lường với anh.*

Chợ Lường tức là chợ Đô Lương có nơi gọi là chợ Lạng.

Chợ Lường sản xuất một thứ bánh dày đặc biệt gọi là bánh Di Lạng. Bánh Di Lạng ngọt như bánh tổ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi nhưng dẻo như bánh dày

của người Bắc và lại bù vì ở trong còn có lạc (đậu phụng) nữa. Ở Vinh gọi là bánh bìa.

Kẹo lạc chợ Lường cũng đặc biệt ngon, vì làm bằng đường chứ không phải bằng mật như mấy chợ khác. Ăn kẹo lạc chợ Lường rồi nhăm nhăm đọi nác chè Giăng thì thú thật, nhất là đợc đi với anh nữa không gì bằng nhưng phải giấu cha giấu mẹ thì khó lắm anh ơi!

Các trở ngại ấy thường phát nguyên từ môn đăng hộ đối, hoặc vì tôn giáo gây nên. Ở vùng Đức Thọ những làng như Nghĩa Yên, Yên Phú, Thọ Ninh, Thọ Tường phần đông dân theo Thiên Chúa Giáo. Theo tục lệ thì người bên giáo không đợc phép dựng vợ gã chồng với người bên lương. Hội Cự Đình Nguyên Phan Đình Phùng khởi nghĩa văn thân, dân mấy làng ấy với dân kẻ lạ vùng Đông Thái, nơi quê cụ xô sát nhau dữ dội, Cự Đình chống Pháp mà các cố Đạo hồi đó lại là người Pháp, và thường làm gián điệp nên nhiều cố bị giết, rồi con chiên cũng bị vạ lây. Sau khi Cự Phan Đình Phùng mệnh trung quân Cần Vương tan rã, việc xung đột giữa lương giáo không còn nữa, nhưng việc hôn phối giữa đôi bên vẫn không thể đợc. Vì thế một anh chàng đã hát:

*Chộ em anh cũng muốn thương,  
Ngặt vì bên giáo bên lương khó lường!*

Thì đợc cô ả trả lời một cách tình tứ, dịu dàng:

*Quý hồ anh có lòng thương,  
A men mặc thiệp, khói hương mặc chàng.*

Trả lời như thế là trả lời ầu, vì thương quá mà nói liều. Các vị Giám Mục đâu có chịu sự lộn xộn đó.

Trong một trường hợp khác cũng có cô trả lời một cách rất dễ thương:

*Quý hồ anh có lòng thương,  
Em có lòng đợi nhưng rương khóa rồi!*

Ở nhà quê, rương khóa rồi thì không ai có thể mở đợc, nghĩa là một khi đã hỏi, dầu chưa cưới xin, chưa chung chăn gối, vẫn như đã là nghĩa vợ chồng. Nói chi bây giờ thời đại "văn miêng" nhất là ở Đô thành thiếu gì "passepartout" rương có khóa rồi dầu có khóa chữ đi nữa, họ cũng dám mở như thường.

Hoặc giả đã yêu thương nhau mà anh chàng lo sợ về cảnh nghèo của mình, thậm chí không sắm nổi một cái giường gỗ, một cái chõng tre để cưới vợ, thì cô ả cũng bất chấp, năn nỉ:

*Quý hồ anh có lòng thương,  
Trái chiếu nằm trửa đất cũng được, phải chọn giường màn chi!*

Thưa các bạn trên đây là mấy câu hát ân tình của quê hương yêu dấu chúng ta, mà ba anh em chúng tôi đã cùng nhau chấp nối lại để cống hiến quý bạn. Mong rằng các bạn sẽ tiếp đón nó như tiếp đón một người bạn chung tình đã theo dõi chúng ta từ lúc tấm mền cho đến khi khôn lớn và mãi đến lúc về già. Nó không dài các nghiêm trang như thơ Bà Huyện Thanh Quan, không chải chuốt công phu như mấy bài Sonnet của Malherbe hay Arvers, nó cũng không nỉ non thánh thót như tiếng đàn tỳ bà nơi "bến Tầm Dương đêm khuya đưa khách" để Giang Châu, Tư Mã mà cũng phải mượn mùi áo xanh. Nhưng nó thật thà giản dị đúng tâm trạng thật thà. Nếu ai có hỏi, thì xin các bạn cứ hiên ngang mà trả lời rằng: chúng ta có Đoạn trường tân thanh, có bài hát nói của Nguyễn Công Trứ, chúng ta có Tỳ bà hành, có truyện Hoa tiên, có Mai đình mộng ký, có thơ Hồ Xuân Hương, có phú Nguyễn Hữu Chỉnh... đã dành chúng ta còn có cả hát dặm và hát phường vải nữa, nhất là hát phường vải, một lối văn chương đặc biệt của xứ Nghệ đã bị văn minh cơ khí đào thải gần nửa thế kỷ nay.

*NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ  
TRẦN XUÂN TUY  
VÕ TU NHƯỢNG  
TRƯỜNG VINH*

*Nội San của Hội Ái Hữu Cựu học sinh trường Vinh  
Xuân GIÁP THÌN 1964*



# Chú thích

- (1) Phạm Quỳnh - Văn chương trong lối hát ả đào. Nam Phong số 69, tháng 3 năm 1923.
- (2) Phan Kế Bính - Việt Nam phong tục, Đông Dương tạp chí, 1914-1915.
- (3) Đào Duy Anh - Việt Nam Văn hóa Sử cương, NXB Bốn phương Saigon, 1961.
- (4) Thạch Nhân - Xã hội Việt Nam với vấn đề Lễ nhạc.
- (5) Thước tắc đây là thước tắc của ta thời xưa. (1 thước = 40 cm, 1 tấc = 1/10 thước = 4 cm)
- (6) Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề - Việt Nam ca trù biên khảo, trang 23.
- (7) Nguyễn Tiến Chiêu - Trống cơm. Bách Khoa số 67, đề ngày 15 tháng 10 năm 1959.
- (8) Về nghi trượng đám rước, thứ tự cờ quạt đàn kiệu, trống chiêng v.v... mời xem Tín ngưỡng Việt Nam - quyền thượng, trang 177-181.
- (9) Indochine, nos 77-78, 1942.
- (10) Phạm Duy - Hát hội miền Bắc, Văn đàn tạp chí số 4, ngày 13 tháng 1 năm 1961.
- (11) Nguyễn Chung Anh - Hát ví Nghệ, Tĩnh.
- (12) Tề Ngã và Phàn Trì là học trò của Đức Khổng Tử.
- (13) Cô Trúc là vua nước Cô Trúc, Vũ Vương là vua nhà Chu.
- (14) Có lẽ xuân đây là tuổi xuân.
- (15) Đò Lường là chuyến đò ngược lên chợ Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
- (16) Nguyễn Đông Chi - Hát giặm Nghệ, Tĩnh I.
- (17) Lê Văn Hảo - Vài nét về sinh hoạt của hát giặm và hát ví, dân ca Nghệ

Tĩnh. Đại Học số 34, tháng 8 năm 1963.

(18) Thái Văn Kiềm - Cố đô Huế trang 5, Nhà Văn hóa, bộ Quốc gia Giáo dục, xuất bản năm 1960.

(19) Xin xem chương về cầm.

(20) Lê Văn Hảo - Vài nét về Hò, dân ca miền Trung và miền Nam. Đại học số 35 và 36, tháng 10 và 12 năm 1963.

(21) Thuần Phong - Duyên Hội Ngộ. Bách Khoa số 7, ngày 15 tháng 4 năm 1956.

(22) Đào Văn Tập - Tự điển Việt Nam phổ thông.

(23) Tiên Giang - Về miền Nam, NXB Phạm Văn Tươi, Saigon 1956.

(24) Xin xem quyển Làng xóm Việt Nam, Nam chi tùng thư Saigon, 1968, trang 367-375.

(25) Sắc biến trong động ngăn cách với đất trời; cây cỏ thụ bên cạnh chứng tỏ sự trường tồn với tháng năm.

(26) Đỗ Đoàn Bằng và Đỗ Trọng Huệ - Việt Nam ca trù biên khảo.

(27) Xin xem quyển Nếp cũ: Hội hè đình đám của soạn giả.

(28) Đoàn Nồng - Sự tích và nghệ thuật hát bộ.

(29) Trần Văn Khê - Hát tuồng. Bách Khoa số 60, ngày 15 tháng 6 năm 1959.

(30) Mời xem cuốn Trẻ em hát, trẻ con chơi của Nguyễn Văn Vĩnh.

(31) Vải tào do nhà máy sợi Nam Định sản xuất với bông mua của Trung Quốc. Chính nhà máy sợi Nam Định đã giết chết nghề kéo vải. Nhưng đến năm 1937, lúc Trung Nhật chiến tranh bắt đầu thì nhà máy thiếu bông, nên vải sợi trở nên khan hiếm. Cái xa kéo vải lại xuất hiện ở vùng Hoan Châu suốt cả thời kỳ đại chiến cho đến mãi bây giờ. Nhưng sau này, thì tục hát phường vải không còn nữa. Có thể nói là nó đã chấm dứt từ năm 1930, năm Xô Viết Nghệ An.

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ